

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số 3284 /SGDDT-GDPT ngày 24 / 8 /2026 của Sở GDĐT)

TRƯỜNG TH&THCS**HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN****TỔ: NGŨ VĂN – GDCD****BÀI 1.****TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:**1. Về kiến thức**

Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

2. Về phẩm chất*Yêu nước:* Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu truyền thống của quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của quê hương*Trách nhiệm:* Có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương; không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng; Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.**3. Về năng lực.***Năng lực điều chỉnh hành vi :* Nhận biết được những giá trị tốt đẹp về truyền thống tốt đẹp của quê hương đất nước. Biết học tập để phát huy những truyền thống tốt đẹp, đấu tranh phê phán với những hành vi không phù hợp*Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội.* Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. Thể hiện qua việc biết tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội tại địa phương, từ đó hình thành ý thức biết giữ gìn và phát huy các giá trị do truyền thống quê hương mang lại**4. Nội dung tích hợp****a. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt sau: Thực hiện được những việc làm phù hợp góp phần giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.**b. Tích hợp quốc phòng an ninh****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt sau: Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.**c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.**d. Tích hợp khung năng lực số và AI****- Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số:** Biết tìm kiếm các thông tin liên quan đến dòng họ, các truyền thống tốt đẹp của dòng họ. Khai thác trên môi trường số các biện pháp góp phần bảo vệ truyền thống của gia đình, dòng họ.**- Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kĩ thuật và ứng dụng AI: biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ; biết kết hợp nhiều công cụ AI để tạo sản phẩm số có ý nghĩa (video, thuyết trình, mô phỏng).**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.****1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:****1. Hoạt động 1: Mở đầu****a. Mục tiêu:***Nhận biết được những giá trị và truyền thống tốt đẹp của quê hương*

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau quan sát các hình ảnh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh chỉ ra được các truyền thống quê hương được thể hiện qua các bức tranh là

Bức tranh 1 - Truyền thống yêu nước

Bức tranh 2 - Truyền thống văn hóa

Bức tranh 3 - Truyền thống nghệ thuật

Bức tranh 4 - Truyền thống ẩm thực

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV cho hướng dẫn học sinh quan sát tìm hiểu từng bức tranh, và trả lời câu hỏi
- Sau thời gian quát sát tranh, các học sinh thảo luận trong nhóm của mình, ghi kết thảo luận của nhóm để báo cáo trước lớp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh quan sát các bức tranh, đọc thông tin chú thích ở từng bức tranh,
- Trao đổi cá nhân, trao đổi cùng nhau trong nhóm để phát hiện ra các giá trị truyền thống tốt đẹp của quê hương được biểu hiện qua từng bức tranh.
- Phân công học sinh chuẩn bị báo cáo

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi 2 nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình
- Các nhóm còn lại cùng nhau góp ý bổ sung
- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung : *Việc tìm hiểu các giá trị truyền thống của quê hương có ý nghĩa như thế nào*

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Truyền thống quê hương là những giá trị văn hoá tốt đẹp của quê hương được truyền từ đời này qua đời khác. Tự hào về truyền thống quê hương chính là tự hào về nguồn gốc của mình, là nền tảng để xây dựng giá trị cốt lõi và hình thành sự tự tin cho mỗi người. Bài học này giúp em tìm hiểu về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương; biết giữ gìn và phát huy những nét đẹp của truyền thống và tự hào về quê hương, nguồn cội của mình.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Một số truyền thống của quê hương.

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số truyền thống tốt đẹp của quê hương mình

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng tìm hiểu 2 nội dung nói về các hoạt động lễ hội được tổ chức ở Bắc Ninh và Bến tre và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa.

Nhóm 1,2: Tìm hiểu thông tin 1

Nhóm 3,4: Tìm hiểu thông tin 2

Tích hợp quốc phòng an ninh

- Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt sau: Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.

- Cách thức thực hiện: Nêu dẫn chứng về sức mạnh của lực lượng quốc phòng và an ninh ở Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống pháp và chống Mỹ. Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.

- Cách thức thực hiện: Qua các thông tin sự kiện, nhân vật lịch sử => GV nhấn mạnh lòng tự hào, tự tôn về truyền thống quê hương, từ đó dẫn dắt khơi gợi khát vọng được cống hiến cho quê hương của HS, với HS cấp THCS, cần tham gia tích cực vào các hoạt động của Hội, Đoàn.

Qua tình huống về một số việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương như: các tệ nạn xã hội, lối sống thực dụng, ích kỉ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được

+ Thông tin thứ nhất: Nói về truyền thống văn hóa của tỉnh Bắc Ninh

+ Thông tin thứ hai: Nói về truyền thống yêu nước

Học sinh cảm thấy tự hào về những truyền thống tốt đẹp của quê hương

- Học sinh kể được:

+ Những truyền thống tốt đẹp của quê hương mình và có ý thức trách nhiệm giữ gìn và phát huy những truyền thống đó

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin - Giáo viên chia lớp thành các nhóm, <p><i>Nhóm 1,2,3: Tìm hiểu thông tin 1</i> <i>Nhóm 4,5,6: Tìm hiểu thông tin 2</i></p> <p>Trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng trao đổi, thảo luận để trả lời được câu hỏi <p>- Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu - Các nhóm cùng tìm hiểu nội dung mà không phải báo cáo làm nhiệm vụ nhận xét, và bổ sung <p>Giáo viên tổ chức thảo luận chung: <i>Em hiểu thế nào là tự hào về truyền thống quê hương, hãy kể những truyền thống của quê hương em?</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật một số truyền thống tốt đẹp của quê hương <p>Gv nhấn mạnh:</p> <p>Trải qua quá trình lao động sản xuất, từ thực tiễn quá trình đấu tranh sinh tồn, xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã góp phần tạo nên những truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước. Những truyền thống đó vừa là điểm tựa để mỗi cá nhân không ngừng phát triển và kế thừa</p>	<p>I. Khám phá</p> <p>1. Một số truyền thống của quê hương.</p> <p>Tự hào về truyền thống của quê hương là sự tự tin, hãnh diện về những giá trị mà người dân ở quê hương đã sáng tạo ra và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.</p> <p>Mỗi vùng miền, địa phương trên đất nước Việt Nam đều có những truyền thống tốt đẹp về ẩm thực, lễ hội, nghệ thuật, trang phục, tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm,..</p>

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương.

a. Mục tiêu:

- HS thực hiện được những việc làm cụ thể để góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương

b. Nội dung:

- Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, hai nhóm sẽ cùng nhau tìm hiểu một tình huống, và trả lời được các câu hỏi

+ Nhóm 1,2: Tình huống 1

+ Nhóm 3,4: Tình huống 2

+ Nhóm 5,6: Tình huống 3

- Học sinh chia sẻ những việc làm nhằm góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương

Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt sau: Thực hiện được những việc làm phù hợp góp phần giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.

- Tìm hiểu về truyền thống quê hương.
- Tham gia các lễ hội truyền thống, sinh hoạt văn hoá của địa phương, quê hương.
- Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.
- Tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những việc phù hợp.
- Tuyên truyền, giới thiệu các giá trị văn hoá truyền thống.
- Kính trọng người lớn tuổi, người có công với quê hương, đất nước.

Thông qua việc thực hiện tốt những hành vi này sẽ góp phần thúc đẩy việc thực hiện các quyền con người trong việc hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc qua đó góp phần tạo điều kiện để con người được phát huy tốt các quyền của mình trên lĩnh vực văn hóa.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số:** Biết tìm kiếm các thông tin liên quan đến dòng họ, các truyền thống tốt đẹp của dòng họ. Khai thác trên môi trường số các biện pháp góp phần bảo vệ truyền thống của gia đình, dòng họ.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kĩ thuật và ứng dụng AI: biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ; biết kết hợp nhiều công cụ AI để tạo sản phẩm số có ý nghĩa (video, thuyết trình, mô phỏng).

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên yêu cầu học sinh sử dụng các công cụ số (vi deo, mạng xã hội..) để tìm hiểu về truyền thống quê hương mình. Tập hợp các thông tin đó thành hệ thống phù hợp để chia sẻ với các bạn trong lớp.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những việc làm cụ thể để giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương

+ Tình huống 1: là hoạt động

+ Tình huống 2: là hoạt động

+ Tình huống 3: là hoạt động

- Từ các ví dụ đã tìm hiểu, học sinh chỉ ra được những việc làm nhằm góp phần giữ gìn giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương như: tích cực tìm hiểu, chủ động tham gia các hoạt động nhằm góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành thành nhiệm vụ học tập như sau:	2. Giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương.

<p>- Trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa</p> <p>+ <i>Nhóm 1,2: Tình huống 1</i></p> <p>+ <i>Nhóm 3,4: Tình huống 2</i></p> <p>+ <i>Nhóm 5,6: Tình huống 3</i></p> <p>- Chỉ ra được những việc làm nhằm góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình.</p> <p>+ Xác định được việc làm cụ thể trong tình huống</p> <p>+ Nêu được những biểu hiện cụ thể của học sinh</p> <p>- Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :</p> <p>+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình</p> <p>- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Để giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương, mỗi học sinh chúng ta cần làm những việc như thế nào?</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....</p> <p>- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ</p> <p>Mỗi cá nhân cần phải có trách nhiệm giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương bằng những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi và năng lực của bản thân</p>	<p>- Chúng ta cần tìm hiểu và tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương,</p> <p>- Những việc làm phù hợp để giữ gìn và phát huy truyền thống đó như: tôn trọng sự đa dạng văn hoá vùng miền; kính trọng và biết ơn những người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; tham gia các hoạt động sinh hoạt văn hoá của quê hương;...</p> <p>- Cần phê phán, ngăn chặn những việc làm trái ngược gây tổn hại đến những truyền thống tốt đẹp của quê hương.</p>
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài tập 1: Em tán thành hay không tán thành với những quan điểm dưới đây? Vì sao

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ về các ý kiến trong SGK và giải thích

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

+ *Ý kiến a: Tán thành, vì chính dòng họ, tổ tiên mình là những người góp phần xây dựng và tạo ra các giá trị tốt đẹp của quê hương, đất nước*

+ *Ý kiến b: Không tán thành, vì nghề thủ công truyền thống là những nghề do cha ông tạo ra, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội, hiện nay những nghề này vẫn có giá trị to lớn nên chúng ta cần duy trì và phát triển*

+ *Ý kiến c: Tán thành, vì truyền dân gian và những làn điệu dân ca chính là những giá trị tinh thần mà mỗi chúng ta cần giữ gìn và tự hào*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 2: Em hãy liệt kê những việc nên làm, những việc không nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương theo gợi ý dưới đây

Truyền thống	Việc nên làm	Việc không nên làm

a. Mục tiêu:

HS bước đầu phân biệt được những việc nên làm, những việc không nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương

b. Nội dung:

* Học sinh cặp đôi, các cặp đôi cùng nhau suy nghĩ và hoàn thiện bài tập vào vở ghi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh lấy được những ví dụ cụ thể về những việc nên làm, những việc không nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương

Truyền thống	Việc nên làm	Việc không nên làm
Yêu nước	Chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ	
Hiếu học	Tích cực học tập	Lười học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi, mỗi cặp đôi kể tên từ 3- 5 truyền thống và nêu được những việc nên làm và không nên làm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh cùng lựa chọn cặp đôi, các cặp đôi cùng suy nghĩ để lựa chọn truyền thống sau đó suy nghĩ những việc cần làm và không nên làm liên quan đến truyền thống đó, học sinh hoàn thành vào vở

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện cho các cặp đôi trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết quả của các cặp đôi và khái quát nội dung:

Bài tập 3: Em đồng tình hay không đồng tình với những hành vi của các bạn dưới đây?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ về các ý kiến trong SGK và giải thích

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

+ Ý kiến a:

+ Ý kiến b:

+ Ý kiến c:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 4: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc theo nhóm các nhóm sẽ cùng nhau tìm hiểu và giải quyết một tình huống sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

Nhóm 1, 2 tình huống: a

Nhóm 1, 2 tình huống: b

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình các hành vi và việc làm của các nhân vật, đưa ra được cách giải quyết trong từng tình huống.

Tình huống: a

Tình huống: b

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm các nhóm sẽ cùng nhau tìm hiểu và giải quyết một tình huống sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

Nhóm 1, 2 tình huống: a

Nhóm 1, 2 tình huống: b

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh làm việc theo nhóm, các thành viên trong nhóm cùng nhau suy nghĩ và trả lời. Cử đại diện chuẩn bị báo cáo kết quả nếu được yêu cầu

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình, các nhóm còn lại theo dõi để bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Em hãy tìm hiểu về một truyền thống của quê hương và viết bài giới thiệu truyền thống đó cho mọi người.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu qua sách báo, sưu tầm, và nhờ sự tư vấn của người lớn để lựa chọn được một truyền thống tốt đẹp và viết bài về truyền thống đó

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Bài viết của học sinh nói về truyền thống tốt đẹp của quê hương mình

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh lựa chọn một truyền thống tốt đẹp của quê hương và viết bài viết để giới thiệu truyền thống đó với mọi người

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà tìm hiểu, chia sẻ với bố mẹ, ông bà... để hoàn thành bài tập được giao

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm

Bài tập 2: Em hãy cùng các bạn trong nhóm tập hợp một làn điệu dân ca, điệu múa truyền thống hoặc một bài hát ca ngợi truyền thống quê hương để biểu diễn trước lớp

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm tập hợp một làn điệu dân ca, điệu múa truyền thống hoặc một bài hát ca ngợi truyền thống quê hương để biểu diễn

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Nhóm lựa chọn được một làn điệu dân ca, điệu múa truyền thống hoặc một bài hát ca ngợi truyền thống quê hương và dàn dựng thành tiết mục văn nghệ để biểu diễn

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm tập hợp một làn điệu dân ca, điệu múa truyền thống hoặc một bài hát ca ngợi truyền thống quê hương để biểu diễn

Lớp chia thành 4 nhóm, các nhóm thống nhất nội dung để tránh trùng lặp nội dung

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà tìm hiểu, có thể nhờ sự tư vấn, trợ giúp của bố mẹ, ông bà... để hoàn thành bài tập được giao

- Học sinh phân công cụ thể các công việc trong nhóm để sưu tầm và dàn dựng biểu diễn

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm có thể tiến hành biểu diễn vào thời gian phù hợp

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên đánh giá kết quả làm việc của các nhóm, rút kinh nghiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm

Rút kinh nghiệm:

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG

GV SOẠN

TÊN BÀI DẠY:

QUAN TÂM, CẢM THÔNG VÀ CHIA SẺ

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.

2. Về phẩm chất

Có phẩm chất nhân ái, biểu hiện ở cả lời nói và việc làm đó là luôn luôn thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. Sẵn sàng tha thứ cho người khác khi họ mắc sai lầm và biết cách sửa chữa, phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở thái độ tôn trọng người khác, quan tâm, bàn bạc với mọi người xung quanh khi giải quyết các công việc chung. Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về cảm thông, chia sẻ.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến cảm thông, chia sẻ.

- Năng lực đặc thù:

Học sinh biết điều chỉnh hành vi của mình, khi tham gia vào các mối quan hệ, biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với người khác, sẵn sàng giúp đỡ hỗ trợ người khác trong khả năng của mình

Học sinh biết tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, thông qua việc sẵn sàng, chủ động tham gia và đề xuất cách giải quyết các vấn đề mà bản thân hoặc người khác gặp phải để cùng nhau vượt qua

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quyền con người.

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác (thực hiện quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng)

b. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Học sinh biết tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, thông qua việc sẵn sàng, chủ động tham gia và đề xuất cách giải quyết các vấn đề mà bản thân hoặc người khác gặp phải để cùng nhau vượt qua

c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

d. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân:** Tham gia đóng góp cho xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ số, chia sẻ các thông tin hữu ích và có trách nhiệm.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI; Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập; đánh giá được các công cụ AI vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Nhận biết được những biểu hiện của sự cảm thông, chia sẻ được thể hiện trong cuộc sống như thế nào

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cùng tham gia trò chơi tiếp sức, trong một thời gian các bạn cùng nhau kể những câu ca dao, tục ngữ nói về sự cảm thông, chia sẻ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh biết và nêu được những câu ca dao tục ngữ nói về sự cảm thông, chia sẻ

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV tổ chức cho học sinh chia đội
- Nhiệm vụ của mỗi đội là tìm các câu ca dao, tục ngữ nói về sự cảm thông, chia sẻ

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tổ chức phân chia thành các đội chơi,
- Các thành viên trong đội cùng nhau trao đổi và tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên tổng hợp kết quả của các đội

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Trong cuộc sống, mỗi người đều cần sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Những lời nói động viên, cử chỉ ân cần, sự giúp đỡ chân thành, tấm lòng bao dung,... sẽ làm cho cuộc sống tốt đẹp, ấm áp hơn. Bài học này sẽ giúp em thấu hiểu hơn ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ, từ đó góp phần lan toả những giá trị tốt đẹp của lòng nhân ái tới cộng đồng.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng tìm hiểu câu chuyện “Chiếc băng gạc cho trái tim tan vỡ” đồng thời quan sát các hành vi thể hiện thông qua các bức tranh và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

- **Cách thức thực hiện:** GV có thể đưa ra các câu chuyện thực tiễn (trong lịch sử đấu tranh của dân tộc, ủng hộ miền Trung, trong giai đoạn ứng phó với covid-19...) để nhấn mạnh tới lối sống nhân ái, tình nghĩa của con người Việt Nam => HS tự hào về truyền thống tốt đẹp này của dân tộc ta, từ đó thôi thúc HS mong muốn được cống hiến cho đất nước.

Qua các câu chuyện về sự cảm thông chia sẻ quan tâm của Bác với mọi người.

Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Học sinh biết tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, thông qua việc sẵn sàng, chủ động tham gia và đề xuất cách giải quyết các vấn đề mà bản thân hoặc người khác gặp phải để cùng nhau vượt qua

- **Cách thức thực hiện:** Nêu được các ví dụ cụ thể thể hiện sự cảm thông, chia sẻ với những gian khổ, hy sinh trong nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

c. Sản phẩm: Học sinh chỉ ra được

a) Biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ:

Lắng nghe, động viên, an ủi, nhắn tin, gọi điện hỏi thăm.

Chia sẻ về vật chất và tinh thần với những người gặp khó khăn.

Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

b) Ở bức tranh thứ 3, hành vi từ chối đi thăm bạn ốm chưa thể hiện được sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

Qua hành động đó, em nghĩ chúng ta cần phải luôn quan tâm đến bạn bè, biết cảm thông và chia sẻ cùng với bạn khi bạn gặp khó khăn.

c) Một số biểu hiện khác của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

Cô giáo quan tâm và giúp đỡ các bạn học kém, nhẹ nhàng chỉ bảo các bạn học sinh khi gặp vấn đề khó giải quyết.

Khi có bạn trong lớp nghỉ học vì bị ốm, các bạn khác đã đến thăm và hướng dẫn bài học mà bạn nghỉ ốm đã lỡ mất.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng tìm hiểu câu chuyện “Chiếc băng gạc cho trái tim tan vỡ” và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa <p><i>Nêu các biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ trong câu chuyện "Chiếc băng gạc cho trái tim tan vỡ" và những bức tranh trên.</i></p> <p><i>Trong các bức tranh trên, hành vi nào chưa thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Em có suy nghĩ gì về hành vi đó?</i></p> <p><i>Em hãy kể thêm một số biểu hiện khác của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng trao đổi, thảo luận để trả lời được câu hỏi - Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu - Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra <p>Giáo viên tổ chức thảo luận chung: <i>Em hiểu thế nào là sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ?</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động 	<p>I. Khám phá</p> <p>1. Biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ</p> <p>Sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ là sự chăm sóc bằng tình cảm chân thành; đặt mình vào vị trí của người khác, nhận biết và thấu hiểu cảm xúc của họ; sẵn sàng, giúp đỡ trao gửi nhiều điều tốt đẹp cho nhau</p> <p>Chúng ta cần có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, động viên, an ủi, nhắn tin, gọi điện hỏi thăm; - Chia sẻ về vật chất và tinh thần với những người gặp khó khăn; - Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

<p>viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....</p> <p>- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học sinh phân biệt được những hành vi thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ, những hành vi ko thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ</p> <p>Gv nhấn mạnh:</p> <p>Sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ là sự chăm sóc bằng tình cảm chân thành; đặt mình vào vị trí của người khác, nhận biết và thấu hiểu cảm xúc của họ; san sẻ, giúp đỡ, trao gửi những điều tốt đẹp cho nhau.</p>	
--	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được ý nghĩa của quan tâm, cảm thông và chia sẻ

b. Nội dung:

- Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, hai nhóm sẽ cùng nhau tìm hiểu một tình huống, và trả lời được các câu hỏi

+ Nhóm 1,2: Tình huống 1

+ Nhóm 3,4: Tình huống 2

+ Nhóm 5,6: Tình huống 3

Tích hợp quyền con người

- Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác (thực hiện quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng)

Chúng ta cần:

+ Giải thích cho bạn bè hiểu ý nghĩa của việc biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

+ Cùng với bạn bè tìm hiểu và giúp đỡ những người gặp khó khăn xung quanh chúng ta.

+ Khuyến nhủ bạn nếu bạn có thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

Chính những hành vi này sẽ góp phần quan trọng vào thực hiện quyền con người đặc biệt là góp phần giúp đỡ Quyền của nhóm dễ bị tổn thương, quyền trẻ em, người khuyết tật....để hướng học sinh thực hiện các hành vi chuẩn mực, cảm thông, giúp đỡ họ được tham gia vào xã hội bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ đối với các nhân vật trong tình huống

a) Trong các trường hợp trên, sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ đã giúp con người vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nỗi buồn để có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc hơn; các mối quan hệ gia đình, bạn bè trở nên tốt đẹp và bền vững hơn.

b) Theo em, chúng ta phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ vì:

Trong cuộc sống của chúng ta, xung quanh vẫn còn nhiều những mảnh đời bất hạnh.

Họ cần sự giúp đỡ của chúng ta rất nhiều, họ cần chúng ta đồng cảm và chia sẻ. Chính vì thế mà thời đại này, có những người có tấm lòng đồng cảm và biết chia sẻ và cũng có những người họ thờ ơ với những người xung quanh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành thành nhiệm vụ học tập như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa + Nhóm 1,2: Tình huống 1 + Nhóm 3,4: Tình huống 2 + Nhóm 5,6: Tình huống 3 - Lý giải được lý do vì sao mỗi con người quan tâm, cảm thông và chia sẻ <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. 	<p>2. Ý nghĩa của quan tâm, cảm thông và chia sẻ</p> <p>Nhận được sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ, mỗi người sẽ có động lực vượt qua khó khăn, thử thách. Người biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ sẽ nhận được sự yêu quý, tôn trọng của mọi người. Nhờ đó, cuộc sống sẽ tràn ngập tình yêu thương, niềm vui và hạnh phúc; các mối</p>

<p>+ Xác định được việc làm cụ thể trong tình huống</p> <p>+ Nêu được những nội dung cơ bản để giải quyết các tình huống</p> <p>- Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :</p> <p>+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình</p> <p>- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Sự quan tâm, chia sẻ và cảm thông có ý nghĩa như thế nào đối với người thực hiện và người đón nhận</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....</p> <p>- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ</p> <p>Mỗi cá nhân cần phải thường xuyên bồi dưỡng cho mình những phẩm chất như quan tâm, cảm thông và chia sẻ để góp phần làm cho cuộc sống trở nên tươi đẹp và tràn ngập niềm vui</p>	<p>quan hệ sẽ trở nên tốt đẹp và bền vững hơn</p>
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài tập 1: Em tán thành hay không tán thành với những quan điểm dưới đây? Vì sao

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ về các ý kiến trong SGK và giải thích

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

a) Chỉ người nào gặp khó khăn mới cần tới sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

Không tán thành.

Vì ai cũng cần tới sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Tuy nhiên, những người gặp khó khăn cần nhiều hơn.

b) Khi ai đó có lời đề nghị thì mình mới cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

Không tán thành.

Vì dù họ không đề nghị (có thể vì ngại ngùng, có thể vì họ sợ làm phiền người khác) thì mình vẫn cần thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Bên cạnh đó, nếu mình cần sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ thì cũng nên có lời đề nghị người khác giúp đỡ.

c) Để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ, chỉ cần tặng quà là đủ.

Không tán thành.

Vì tặng quà (vật chất) chỉ là một biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ còn cần cả những lời nói, cử chỉ ân cần để thể hiện tấm lòng thật sự quan tâm, biết nghĩ đến người khác.

d) Sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ giúp mọi người cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc và yêu thương nhau hơn.

Tán thành.

Vì đó chính là ý nghĩa của quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 2: Em hãy nhận xét hành vi của các bạn dưới đây.

a. Mục tiêu:

HS bước đầu phân biệt được những việc nên làm, những việc không nên làm nhằm thể hiện sự cảm thông, quan tâm và chia sẻ với người khác

b. Nội dung:

* Học sinh cặp đôi, các cặp đôi cùng nhau suy nghĩ và hoàn thiện bài tập vào vở ghi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh lấy được những ví dụ cụ thể về những việc nên làm, những việc không nên làm nhằm thể hiện sự cảm thông, quan tâm và chia sẻ với người khác

a) Suy nghĩ và việc làm của H không đúng, bạn cần thường xuyên gọi điện hỏi thăm để thể hiện sự quan tâm với ông bà, ông bà sẽ rất vui vẻ và hạnh phúc khi H quan tâm và yêu thương ông bà.

b) Việc làm của M thể hiện bạn rất biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn của bác hàng xóm.

c) Việc làm của K thể hiện bạn không chỉ quan tâm, cảm thông và chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn của bạn bè mà còn rất khéo léo khi thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ đó.

d) Việc làm của A thể hiện bạn chưa biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ khi thấy người khác gặp hoàn cảnh khó khăn.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi, mỗi cặp đôi kể cùng trao đổi, thảo luận để đưa ra nhận xét về việc làm của các nhân vật trong từng trường hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh cùng lựa chọn cặp đôi, các cặp đôi cùng suy nghĩ để nhận xét về việc làm của các nhân vật, học sinh hoàn thành vào vở

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện cho các cặp đôi trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết quả của các cặp đôi và khái quát nội dung:

Bài tập 3: Em sẽ làm gì nếu ở trong các tình huống dưới đây

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ về các ý kiến trong SGK và giải thích

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

a) Dễ cho em bé nín khóc, dẫn em đến địa điểm gần nhất như trụ sở công an, uỷ ban nhân dân xã/phường,... nhờ giúp đỡ. Sau đó đến trường trình bày với thầy, cô giáo về việc vừa xảy ra.

b) An ủi, động viên bạn và nói với thầy, cô giáo để có biện pháp giúp đỡ bạn để bạn yên tâm học tập.

c) Nếu không có điều kiện vật chất để giúp bạn, em vẫn có thể giúp bạn bằng cách động viên, an ủi, lắng nghe, chia sẻ buồn vui cùng bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 4: Hoàn thành nhiệm vụ theo bảng gợi ý

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân suy nghĩ và chỉ ra những lời nói và việc làm của bản thân mình thể hiện sự cảm thông, quan tâm và chia sẻ với một số cá nhân

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh nêu được những việc làm và lời nói thể hiện sự cảm thông và chia sẻ

	Lời nói	Việc làm
Người trong gia đình		
Bạn bè		
Thầy, cô giáo		
Người khác		

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Suy tâm và kể về một tấm gương biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác mà em biết. Em học tập được điều gì từ tấm gương đó.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức biết cảm thông, quan tâm và chia sẻ với mọi người.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu qua sách báo, suy tâm, và nhờ sự tư vấn của người lớn để lựa chọn được một tấm gương tiêu biểu

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân: Tham gia đóng góp cho xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ số, chia sẻ các thông tin hữu ích và có trách nhiệm.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI; Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập; đánh giá được các công cụ AI vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội

- Cách thức thực hiện.

+ Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận về một số nguyên tắc chia sẻ thông tin trên mạng xã hội
+ Từ việc chia sẻ này giáo viên giúp học sinh hiểu được kỹ năng chia sẻ thông tin một cách phù hợp vừa góp phần lan tỏa những ý nghĩa tích cực vừa đúng quy định của pháp luật

+ Kiểm tra tính chính xác và nguồn tin: Luôn xác thực thông tin trước khi chia sẻ. Chỉ chia sẻ tin từ các nguồn chính thống, đáng tin cậy, tránh lan truyền tin giả (fake news), tin đồn nhảm.

+ Bảo mật thông tin cá nhân: Không chia sẻ các thông tin nhạy cảm như số căn cước công dân, số điện thoại, địa chỉ nhà, mật khẩu, mã OTP, hoặc ảnh chụp giấy tờ tùy thân của bản thân và người khác.

+ Ứng xử văn hóa và đạo đức: Sử dụng ngôn từ văn minh, không sử dụng mạng xã hội để đe dọa, xúc phạm, miệt thị hay lan truyền thông tin bôi nhọ người khác. Tôn trọng truyền thống, văn hóa dân tộc.

+ Tuân thủ pháp luật (Luật An ninh mạng): Không đăng tải, chia sẻ các nội dung cấm, các thông tin sai sự thật gây hoang mang dư luận hoặc vi phạm quyền lợi của nhà nước, tổ chức, cá nhân.

+ Cảnh trọng với nội dung lạ: Không click vào các liên kết (link) lạ, tin nhắn rác hoặc các lời mời đầu tư, "việc nhẹ lương cao" có dấu hiệu lừa đảo.

+ Trách nhiệm với nội dung chia sẻ: Trước khi bấm "chia sẻ", hãy suy nghĩ về tác động của nó đối với người xem và cộng đồng

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Bài viết của học sinh nói về một tấm gương biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác mà em biết, rút ra được ý nghĩa cho bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh tìm hiểu, sưu tầm để lựa chọn được một tấm gương tiêu biểu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà tìm hiểu, chia sẻ với bố mẹ, ông bà... để hoàn thành bài tập được giao

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm

Bài tập 2: Em hãy tìm hiểu về một bạn có hoàn cảnh khó khăn và lập kế hoạch giúp đỡ bạn đó

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức biết cảm thông, quan tâm và chia sẻ với mọi người.

b. Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu trong lớp, trường, hoặc thôn xóm về một bạn hoặc một cá nhân có hoàn cảnh khó khăn để lên kế hoạch trợ giúp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Biết được cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, đề xuất được một số biện pháp nhằm giúp đỡ họ vượt qua khó khăn

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh tìm hiểu trong lớp, trường, hoặc thôn xóm về một bạn hoặc một cá nhân có hoàn cảnh khó khăn để lên kế hoạch trợ giúp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà tìm hiểu, có thể nhờ sự tư vấn, trợ giúp của bố mẹ, ông bà... để hoàn thành bài tập được giao

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Xây dựng kế hoạch giúp đỡ cá nhân đó vượt qua khó khăn, có thể chia sẻ với ông bà, cha mẹ, anh chị để được sự tư vấn và tham gia cùng hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên phát hiện những học sinh, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn thực sự, đánh giá được tính hiệu quả trong kế hoạch hỗ trợ của các học sinh trong lớp

TÊN BÀI DẠY:

HỌC TẬP TỰ GIÁC TÍCH CỰC

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.

Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực.

Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực.

Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này

2. Về phẩm chất

Chăm chỉ: Học sinh biết cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; quý trọng, ủng hộ những người tự giác tích cực trong học tập

Trách nhiệm: Thể hiện bằng việc luôn cố gắng nỗ lực vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập của bản thân.

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:
- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về học tập tự giác tích cực.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến học tập tự giác tích cực.

- Năng lực đặc thù:

+Năng lực điều chỉnh hành vi Tự đánh giá mức độ tự giác tích cực của bản thân, qua đó điều chỉnh tính tự giác, tích cực của bản thân trong hoạt động học tập của mình

+Năng lực phát triển bản thân: Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày;

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quyền con người.

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: thực hiện Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.

b. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực.

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.1_Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số phù hợp với việc học tập của bản thân

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI: NLc:** Các kỹ thuật và ứng dụng AI: biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ; biết kết hợp nhiều công cụ AI để tạo sản phẩm số có ý nghĩa (video, thuyết trình, mô phỏng).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS nghe bài hát “Hồng đảm đâu” (sáng tác: Nguyễn Văn Hiên) và cho biết các bạn nhỏ trong bài hát đã tự giác học tập như thế nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh biết và nêu được các bạn nhỏ đã có ý thức tự giác học tập không đi chơi khi chưa xong nhiệm vụ

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS nghe bài hát “Hồng đảm đâu” (sáng tác: Nguyễn Văn Hiên) và cho biết các bạn nhỏ trong bài hát đã tự giác học tập như thế nào?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh chú ý lắng nghe bài hát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên tổng hợp ý kiến của các bạn học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Trong cuộc sống, mỗi người có ý thức học tập tự giác tích cực biểu hiện ở việc có mục đích và động cơ học tập đúng đắn; chủ động, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ học tập (học và làm bài đầy đủ, tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực hợp tác học nhóm,...);

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của học tập tự giác tích cực.

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số biểu hiện của của học tập tự giác tích cực.

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng tìm hiểu câu chuyện “Bác Hồ tự học ngoại ngữ” đồng thời quan sát các hành vi thể hiện thông qua các bức tranh và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

a) *Bác Hồ đã tự học ngoại ngữ như thế nào?*

b) *Em hãy nêu những biểu hiện của việc học tập tự giác, tích cực và chưa tự giác, tích cực qua các bức tranh trên.*

c) *Em hãy kể thêm những biểu hiện khác của học tập tự giác, tích cực và chưa tự giác, tích cực mà em biết.*

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: **Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực.**

- **Cách thức thực hiện:** GV có thể giới thiệu câu nói của bác Hồ “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp không nhờ một phần vào công học tập của các cháu” => nhấn mạnh tới với lứa tuổi HS, cố gắng cho đất nước chính là việc tự giác học tập tự giác, tích cực.

c. **Sản phẩm:** Học sinh chỉ ra được

a) Cách Bác Hồ tự học ngoại ngữ:

Để học được ngoại ngữ, Bác đã kiên trì mỗi ngày đều học. Dù Bác phải làm việc từ 4 giờ sáng đến 9 giờ tối, rất mệt nhưng Bác vẫn cố gắng dành thêm hai giờ đồng hồ nữa để học.

Bác còn đặt mục tiêu mỗi ngày luyện 10 từ mới, luyện đến khi thuộc mới thôi. Bác còn viết từ mới lên tay để vừa làm việc vừa học. Bác còn chủ động học hỏi từ các chuyên gia, từ những người thành thạo ngoại ngữ.

b) Biểu hiện của việc học tập tự giác, tích cực:

Bức tranh 1: Các bạn học sinh chủ động, tự giác làm bài cùng với nhau, cùng nhau bàn luận cách giải quyết để tìm ra lời giải cho bài tập.

Bức tranh 2: Bạn học sinh chủ động đặt ra thời gian tự học ở nhà và tự giác làm bài tập khi đến giờ học.

Bức tranh 3: Bạn học sinh chủ động xem trước nội dung bài học mới để hiểu trước bài học hôm sau.

Bức tranh 4: Các bạn học sinh rất tích cực phát biểu xây dựng bài.

c) Biểu hiện học tập tập tự giác, tích cực:

Tự giác học bài, làm bài tập mà không cần bố mẹ, thầy cô nhắc nhở

Gặp bài khó thì chủ động nghiên cứu cách làm, không ngồi đợi người khác làm hộ

Chủ động tìm hiểu kiến thức mới bằng cách đọc sách, lên mạng tra cứu, hỏi bố mẹ hoặc anh chị

Biểu hiện học tập chưa tự giác, tích cực:

Không chịu làm bài tập, đến khi bị phạt mới làm

Mượn bài tập của bạn khác để chép mà không tự làm

Đến khi nào kiểm tra mới chịu học bài, còn bình thường thì không học

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng tìm hiểu câu chuyện “Bác Hồ tự học ngoại ngữ” đồng thời quan sát các hành vi thể hiện thông qua các bức tranh và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa</p> <p>a) <i>Bác Hồ đã tự học ngoại ngữ như thế nào?</i></p> <p>b) <i>Em hãy nêu những biểu hiện của việc học tập tự giác, tích cực và chưa tự giác, tích cực qua các bức tranh trên.</i></p> <p>c) <i>Em hãy kể thêm những biểu hiện khác của học tập tự giác, tích cực và chưa tự giác, tích cực mà em biết.</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng trao đổi, thảo luận để trả lời được câu hỏi - Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu 	<p>I. Khám phá</p> <p>1. Biểu hiện của học tập tự giác tích cực.</p> <p>Khái niệm: Học tập tự giác, tích cực là chủ động, cố gắng tự mình thực hiện tốt nhiệm vụ học tập mà không cần ai nhắc nhở, khuyến bảo.</p> <p>Biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có mục đích và động cơ học tập đúng đắn; - Chủ động, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ học tập (học và làm bài đầy đủ, hăng hái phát

<p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu</p> <p>- Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra</p> <p>Giáo viên tổ chức thảo luận chung: <i>Em hiểu thế nào là học tập tự giác và tích cực.</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....</p> <p>- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học sinh phân biệt được những hành vi học tập tự giác, tích cực với những hành vi không học tập tự giác, tích cực</p> <p>Gv nhấn mạnh:</p> <p>Học tập tự giác, tích cực là chủ động thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ học tập đã đề ra.</p>	<p>biểu xây dựng bài, tích cực hợp tác khi học nhóm,...);</p> <p>-Luôn cố gắng, vượt khó, kiên trì trong học tập;</p> <p>- Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập cụ thể, phù hợp với năng lực của bản thân.</p>
---	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.

a. Mục tiêu:

- HS giải thích được ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực đối với học sinh

b. Nội dung:

- Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, hai nhóm sẽ cùng nhau tìm hiểu một tình huống, và trả lời được các câu hỏi

+ Nhóm 1,2: *Tình huống 1*

+ Nhóm 3,4: *Tình huống 2*

a) Việc tự giác, tích cực học tập đã đem lại điều gì cho Tuấn và Yến?

b) Em hãy cho biết ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.

Tích hợp quyền con người

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: thực hiện Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.

Học tập là công việc gắn bó với con người từ bao đời nay. Có thể nói, không một bước phát triển nào của văn minh nhân loại mà không gắn với việc học. Tuy nhiên, nhận thức về vai trò, ý nghĩa, cách thức của việc học tập ở mỗi thời đại, mỗi xã hội cũng có những chỗ khác nhau.

Việc học ngày nay không chỉ thể hiện truyền thống hiếu học tốt đẹp đó mà còn được xem như một trong những nhu cầu cơ bản tất yếu của đời sống, là cơ sở quan trọng để mỗi cá nhân phát huy tốt nhất năng lực bản thân, sống hạnh phúc hơn và thăng tiến hơn. Học tập không phải là việc ngày một, ngày hai mà là việc suốt đời, không chỉ là việc của một hay hai người mà là của tất cả mọi người, không chỉ học ở trường học mà là học ở tất cả mọi nơi.

Giáo viên căn cứ vào nội dung các quyền con người như: Quyền và nghĩa vụ trong học tập của công dân để làm nổi bật vai trò của việc học tập trong việc học tập trong việc thực hiện các quyền con người.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực đối với các nhân vật trong tình huống

a) Việc tự giác, tích cực học tập đã đem lại cho Tuấn và Yến nhiều kết quả tốt trong học tập và rèn luyện. Nhờ tích cực, tự giác học tập mà Tuấn đã giành giải Nhất ở cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia dành cho HS trung học; Yến đã trở thành một HS năng động, tự tin, ... luôn được thầy cô và bạn bè yêu mến;...

b) Học tập tự giác, tích cực giúp chúng ta ngày càng tiến bộ, học hỏi được thêm nhiều kiến thức mới, điều hay, nâng cao kết quả học tập. Rèn luyện được tính tự lập, tự chủ, kiên cường, bền bỉ, có kỷ luật với bản thân. Thành công trong cuộc sống, được mọi người yêu mến, đạt được những điều bản thân mong muốn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, hai nhóm sẽ cùng nhau tìm hiểu	2. Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.

<p>một tình huống, và trả lời được các câu hỏi</p> <p>+ Nhóm 1,2: Tình huống 1</p> <p>+ Nhóm 3,4: Tình huống 2</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình.</p> <p>+ Xác định được việc làm cụ thể trong tình huống</p> <p>+ Nêu được những nội dung cơ bản để giải quyết các tình huống</p> <p>- Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :</p> <p>+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình</p> <p>- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Học tập tự giác tích cực có ý nghĩa như thế nào đối với học sinh chúng ta?</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....</p> <p>- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những ý nghĩa của Học tập tự giác, tích cực</p> <p>Học tập tự giác, tích cực giúp chúng ta ngày càng tiến bộ, học hỏi được thêm nhiều kiến thức mới, điều hay, nâng cao kết quả học tập. Rèn luyện được tính tự lập, tự chủ, kiên cường, bền bỉ, có kỷ luật với bản thân. Thành công trong cuộc sống, được mọi người yêu mến, đạt được những điều bản thân mong muốn.</p> <p>HS tự giác, tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội để mở rộng sự hiểu biết về mọi mặt; rèn luyện được là năng cần thiết cho bản thân; góp phần xây dựng quan hệ tập thể lành mạnh, thân ái.</p>	<p><i>Học tập tự giác, tích cực giúp chúng ta:</i></p> <p>-Không ngừng tiến bộ, đạt kết quả cao trong học tập:</p> <p>- Rèn luyện được tính tự lập, tự chủ, ý chí kiên cường, bền bỉ;</p> <p>-Thành công trong cuộc sống và được mọi người tin yêu, quý mến.</p>
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài tập 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ về các ý kiến trong SGK và giải thích

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

+ Đồng tình với ý kiến a và d:

a) Luôn chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập mà không cần ai nhắc nhở là việc làm đúng, thể hiện việc học tập tự giác, tích cực.

d) Tự giác, tích cực học tập giúp em rèn luyện tính tự lập, tự chủ và tích lũy kiến thức cho bản thân.

+ Không đồng tình với ý kiến b và c vì:

b) Chỉ cần tự giác, tích cực học tập khi tới các kì kiểm tra là việc làm sai. Học tập là cả một quá trình rèn luyện và tích lũy. Nếu chỉ học vì mục đích điểm số là học đối phó, không giúp HS tiến bộ trong học tập.

c) Chỉ cần xây dựng kế hoạch học tập còn việc thực hiện thì tùy thuộc vào hoàn cảnh là việc làm không đúng vì thực hiện kế hoạch đặt ra sẽ không chỉ có lợi đối với việc nâng cao chất lượng học tập mà còn giúp HS bồi dưỡng và hình thành những thói quen tích cực như: luôn làm việc có kế hoạch, luôn có ý thức và ý chí thực hiện kế hoạch, biết quản lý bản thân, quản lý thời gian,...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 2: Bạn nào dưới đây đã học tập tự giác, tích cực? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS bước đầu phân biệt được những việc nên làm, những việc không nên nhằm thể hiện việc học tập tự giác, tích cực.

b. Nội dung:

* Học sinh cặp đôi, các cặp đôi cùng nhau suy nghĩ và hoàn thiện bài tập vào vở ghi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) Q chưa tự giác, tích cực trong học tập vì bạn thường nhờ các bạn học giỏi trong lớp làm giúp bài tập rồi chép lại.

b) A đã tự giác, tích cực trong học tập. Bạn đã dành thời gian để đọc thêm tác phẩm văn học, sưu tầm những câu chuyện, câu nói hay để vận dụng vào viết văn,... nên đã nâng cao kỹ năng viết văn của mình.

c) B chưa tự giác, tích cực trong học tập vì bạn chỉ tập trung học tốt môn Tiếng Anh nhưng lại coi thường các môn học khác.

d) N chưa tự giác, tích cực trong học tập vì bạn chỉ ngồi vào bàn học đúng giờ nhưng lại không tập trung. Bạn thường xuyên xem điện thoại, tin nhắn khi làm bài tập; chỉ học bài khi bố mẹ thúc giục, kiểm tra.

e) T chưa tự giác, tích cực học tập vì bạn còn ngủ gật trong giờ học; P là người tự giác, tích cực học tập vì đã góp ý, khuyên T nên tập trung nghe cô giảng bài.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi, mỗi cặp đôi kể cùng trao đổi, thảo luận để đưa ra nhận xét về việc làm của các nhân vật trong từng trường hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh cùng lựa chọn cặp đôi, các cặp đôi cùng suy nghĩ để nhận xét về việc làm của các nhân vật, học sinh hoàn thành vào vở

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện cho các cặp đôi trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết quả của các cặp đôi và khái quát nội dung: GV khuyên HS nên học tập bạn A, bạn P, không nên làm theo bạn Q, bạn B, bạn N, và bạn T để góp phần rèn luyện đức tính tự giác, tích cực trong học tập cũng như trong cuộc sống hằng ngày.

Bài tập 3: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* GV yêu cầu các nhóm thảo luận, sắm vai xử lý tình huống. Mỗi nhóm chọn một tình huống để sắm vai.

- Lần lượt các nhóm lên sắm vai. Các HS khác quan sát, nhận xét cách xử lý tình huống của từng nhóm, đề xuất cách xử lý khác (nếu có).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

+ Tình huống 1: M nên sắp xếp lại thời gian làm bài tập hôm nay lên sớm hơn mọi ngày để hoàn thành và có thời gian tham dự bữa tiệc sinh nhật của bạn thân như đã hứa.

Trong trường hợp số lượng bài tập phải hoàn thành nhiều nên không thể tham dự sinh nhật bạn như đã hứa thì M cần gọi điện xin lỗi bạn, nói rõ lý do không tham dự được và sẽ chúc mừng sinh nhật bạn vào ngày nghỉ cuối tuần.

+ **Tinh hướng 2:** K nên trao đổi, chia sẻ suy nghĩ của mình để các bạn hiểu. Bên cạnh đó, K nên thường xuyên giúp đỡ các bạn học yếu trong lớp để các bạn cùng tiến bộ như mình, có như vậy, một số bạn sẽ thay đổi cách nghĩ về K. Nếu K giải thích nhưng một số bạn vẫn không hiểu mình thì K có thể nhờ các bạn có uy tín trong lớp hoặc cô giáo chủ nhiệm giải thích giúp mình.

+ **Tinh hướng 3:** Khuyến C không nên như vậy, bạn cần tích cực tham gia phát biểu ý kiến để thầy, cô giáo và các bạn biết câu trả lời, quan điểm của bạn. Bên cạnh đó, tích cực phát biểu cũng góp phần rèn kỹ năng nói trước đám đông và giúp C trở nên tự tin hơn.

+ **Tinh hướng 4:** Em nên nói chuyện với các bạn trong nhóm/tổ/lớp hòa đồng với S, bạn tham gia các hoạt động tập thể của lớp, của trường; giúp đỡ bạn trong học tập: hướng dẫn, gợi ý bài tập nào S chưa làm được, nhờ cô giáo phân công các bạn học giỏi/khá trong lớp trực tiếp giúp đỡ S,...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Em hãy viết về một tấm gương học tập tự giác, tích cực mà em biết. Em học tập được điều gì từ tấm gương đó?

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức học tập tự giác tích cực cho bản thân.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu qua sách báo, sưu tầm, và nhờ sự tư vấn của người lớn để lựa chọn được một tấm gương tiêu biểu

Nội dung bài viết nên tập trung vào các ý sau:

- + Tên, địa chỉ của tấm gương;
- + Những biểu hiện tích cực, tự giác trong học tập của bạn;
- + Kết quả trong học tập và rèn luyện của bạn nhờ việc học tập tự giác, tích cực;
- + Những điều em học tập được ở bạn.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.1_Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số phù hợp với việc học tập của bản thân

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kỹ thuật và ứng dụng AI: biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ; biết kết hợp nhiều công cụ AI để tạo sản phẩm số có ý nghĩa (video, thuyết trình, mô phỏng).

- **Cách thức thực hiện:** Học sinh hình thành thói quen tự giác tìm kiếm các thông tin trên môi trường số để vận dụng vào quá trình học tập như: Các đề luyện thi, đề ôn tập, tư liệu tham khảo, các bài viết văn hay..

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Bài viết của học sinh nói về một tấm gương học tập tự giác tích cực và chia sẻ với người khác mà em biết, rút ra được ý nghĩa cho bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu qua sách báo, sưu tầm, và nhờ sự tư vấn của người lớn để lựa chọn được một tấm gương tiêu biểu

Nội dung bài viết nên tập trung vào các ý sau:

- + Tên, địa chỉ của tấm gương;
 - + Những biểu hiện tích cực, tự giác trong học tập của bạn;
 - + Kết quả trong học tập và rèn luyện của bạn nhờ việc học tập tự giác, tích cực;
 - + Những điều em học tập được ở bạn.
- Học sinh về nhà tìm hiểu, chia sẻ với bố mẹ, ông bà... để hoàn thành bài tập được giao

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm. GV có thể lựa chọn một vài bài viết ấn tượng và đọc lại cho cả lớp cùng nghe

Bài tập 2: Em hãy xác định một biểu hiện chưa tự giác, tích cực học tập của bản thân. Lập kế hoạch để khắc phục điểm chưa tự giác, tích cực đó theo gợi ý dưới đây:

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức học tập tự giác tích cực cho bản thân.

b. Nội dung:

- Học sinh hoàn thành bảng kế hoạch rèn luyện một số biểu hiện chưa tự giác, tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Học sinh biết được những điểm chưa tích cực tự giác của bản thân để từ đó có kế hoạch khắc phục.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh hoàn thành bảng kế hoạch rèn luyện một số biểu hiện chưa tự giác, tích cực

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, hoàn thành bảng và rút ra ý nghĩa của bản thân

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh biết được những điểm chưa tích cực tự giác của bản thân để từ đó có kế hoạch khắc phục.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm. GV có thể lựa chọn một vài bài viết ấn tượng và đọc lại cho cả lớp cùng nghe và rút ra được các biện pháp để khắc phục

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 4: GIỮ CHỮ TÍN

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.
- Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.
- Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.
- Phê phán những người không biết giữ chữ tín.

2. Về phẩm chất

Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người;

Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:
- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về giữ chữ tín.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến giữ chữ tín.

- Năng lực đặc thù:

Điều chỉnh hành vi: Tự điều chỉnh hành vi của bản thân, luôn thống nhất giữa lời nói và việc làm của bản thân.

Tư duy phê phán: Đánh giá, phê phán được những hành vi không giữ chữ tín, ở trường lớp, nơi mình sinh sống

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Cách thức thực hiện:** . Qua câu chuyện về việc Bác Hồ giữ chữ tín, đúng giờ.

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.

b. Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.

- **Cách thức thực hiện:** Qua câu chuyện về việc Bác Hồ giữ chữ tín, đúng giờ giáo viên nhấn mạnh mỗi học sinh cần có ý thức học tập Bác ở nội dung giữ chữ tín

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.1_Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Tạo và chia sẻ các thông tin một cách chân thực và phù hợp, không tìm kiếm, chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Nêu được các nguyên tắc đạo đức cơ bản của AI: không gây hại, không thiên kiến, công bằng, minh bạch; biết áp dụng các nguyên tắc đó khi học tập, làm việc với công cụ AI (không gian lận, tôn trọng quyền riêng tư); biết đánh giá sản phẩm AI có nguy cơ xâm phạm quyền con người, đề xuất giải pháp cải thiện

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Tạo tâm thế tích cực cho HS, huy động những kinh nghiệm thực tế của HS về giữ chữ tín

b. **Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn HS chia sẻ trải nghiệm: Trong cuộc sống, có khi nào em cam kết hoặc người khác cam kết với em một điều gì đó mà không thực hiện chưa? Lúc đó, em cảm thấy thế nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh chia sẻ được suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về việc không thực hiện đúng cam kết với người khác

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên hướng dẫn HS làm việc cá nhân chia sẻ trải nghiệm: Trong cuộc sống, có khi nào em cam kết hoặc người khác cam kết với em một điều gì đó mà không thực hiện chưa? Lúc đó, em cảm thấy thế nào?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, một số học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên tổng hợp ý kiến của các một số học sinh và định hướng ý kiến của các hs khác nhau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Việc giữ lời hứa là để giữ niềm tin đối với mọi người. Đó chính là một biểu hiện của giữ chữ tín - một phẩm chất quan trọng của con người, giúp mọi người tin tưởng, thương yêu, gắn bó với nhau hơn.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm chữ tín là gì

a. Mục tiêu:

HS nêu được khái niệm chữ tín và giữ chữ tín..

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng đọc câu chuyện trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

a) Việc cậu bé cố gắng tìm cách trả lại tiền cho vị đạo diễn đã thể hiện điều gì?

b) Theo em, thế nào là chữ tín?

Học sinh hoàn thành phiếu học tập sau

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.

- **Cách thức thực hiện:** . Giáo viên sử dụng các câu chuyện về chủ tịch Hồ Chí Minh Qua câu chuyện về việc Bác Hồ giữ chữ tín, đúng giờ

Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.

- **Cách thức thực hiện:** . Qua câu chuyện về việc Bác Hồ giữ chữ tín, đúng giờ giáo viên nhấn mạnh mỗi học sinh cần có ý thức học tập Bác ở nội dung giữ chữ tín

Thông tin: Trong thời gian về thăm Pác Bó, Bác Hồ cư xử rất chan hòa với tất cả mọi người. Một hôm, sau một thời gian nghe tin Bác đi công tác xa, một em thiếu nhi đã từng khoát tay Bác chạy đến nắm lấy tay Bác và nói:

– Bác ơi, sau khi Bác đi công tác về, bác nhớ mua cho cháu một chiếc vòng tay nhé!

Bác âu yếm nhìn cháu nhỏ, xoa đầu cháu và nói nhỏ:

– Ở nhà nhớ ngoan, khi nào về Bác sẽ mua cho cháu nhé.

Nói một lúc rồi Bác vẫy tay chào mọi người ra về.

Hơn hai năm sau, một thời gian sau Bác trở về, mọi người vui mừng đón Bác, ai cũng vui vẻ hỏi thăm sức khỏe Bác, không ai nhớ chuyện cũ. Bỗng Bác mở túi lấy ra một chiếc vòng tay của thể hệ mới và tặng cho cô bé năm xưa khiến cô gái và mọi người đều xúc động rơi nước mắt. Bác bảo:

– Cháu nó đòi mua tức là nó thích lắm. Khi trưởng thành, hứa là làm được, đó là “tín”. Một khi đã hứa thì nên thực hiện nó với tất cả mọi người.

Bài học kinh nghiệm rút ra:

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy Bác Hồ đã giữ lời hứa ngay cả với một đứa trẻ bởi với Bác chữ tín rất quan trọng. Hành động giữ chữ tín là một trong những phẩm chất cao đẹp và đáng trân quý mà mỗi người chúng ta đều cần phải rèn luyện để giữ gìn và phát huy.

c. **Sản phẩm:** Học sinh chỉ ra được

a) Việc cậu bé cố gắng tìm cách trả lại tiền cho vị đạo diễn đã thể hiện rằng cậu bé là một người biết giữ lời hứa và rất cố gắng để thực hiện được lời hứa của mình.

b) Chữ tín chính là niềm tin của con người đối với nhau. Giữ chữ tín chính là giữ gìn niềm tin của người khác dành cho mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng đọc câu chuyện trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi</p> <p>a) Việc cậu bé cố gắng tìm cách trả lại tiền cho vị đạo diễn đã thể hiện điều gì?</p> <p>b) Theo em, thế nào là chữ tín?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng trao đổi, thảo luận để trả lời được câu hỏi</p> <p>- Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu</p> <p>- Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra</p> <p>Giáo viên tổ chức thảo luận chung: Em hiểu thế nào là chữ tín và thế nào là giữ chữ tín</p>	<p>I. Khám phá</p> <p>1. Khái niệm chữ tín và biểu hiện của giữ chữ tín</p> <p>a) Chữ tín là gì</p> <p>- Chữ tín là niềm tin của con người đối với nhau.</p> <p>- Giữ chữ tín là coi trọng, giữ gìn niềm tin của mọi người đối với mình.</p>

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV mời HS chia sẻ những hiểu biết của nhóm qua việc đọc câu chuyện, và rút ra được nội dung cơ bản của khái niệm chữ tín là gì và giữ chữ tín là gì

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học hiểu được một số khái niệm cơ bản về chữ tín là gì và giữ chữ tín là gì

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: biểu hiện của giữ chữ tín**a. Mục tiêu:**

HS hình bày được các biểu hiện của giữ chữ tín

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK, thảo luận nhóm để nêu biểu hiện của giữ chữ tín và không giữ chữ tín thông qua việc trả lời 2 câu hỏi sau

a) Nêu những biểu hiện của việc giữ chữ tín và không giữ chữ tín trong các bức tranh trên.

b) Hãy kể thêm một số biểu hiện của việc giữ chữ tín và không giữ chữ tín.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.1_Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Tạo và chia sẻ các thông tin một cách chân thực và phù hợp, không tìm kiếm, chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Nêu được các nguyên tắc đạo đức cơ bản của AI: không gây hại, không thiên kiến, công bằng, minh bạch; biết áp dụng các nguyên tắc đó khi học tập, làm việc với công cụ AI (không gian lận, tôn trọng quyền riêng tư); biết đánh giá sản phẩm AI có nguy cơ xâm phạm quyền con người, đề xuất giải pháp cải thiện

- **Cách thức thực hiện.** Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm kiếm trên môi trường số các cá nhân, các câu chuyện hoặc các ví dụ về bài học cuộc sống nói về việc giữ chữ tín sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp thông qua môi trường số phù hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được

a) Nhận xét:

Bức tranh 1: Biểu hiện của việc giữ chữ tín là việc bố mẹ đã hứa với con rằng sẽ tặng con một chiếc xe đạp nếu con đạt danh hiệu Học sinh Giỏi, dù bố mẹ cần phải tiết kiệm tiền để sửa nhà nhưng vẫn giữ đúng lời hứa với con.

Bức tranh 2: Bạn nam là người biết giữ chữ tín. Mặc dù trời mưa to, nhưng vì bạn nam đã hẹn bạn nữ rằng 8h sẽ đến nên bạn nam đã mặc áo mưa để đến cho kịp thời gian đã hẹn.

Bức tranh 3: Việc bạn nam cho rằng cây trồng xuống đất rồi sẽ không có ai biết rằng bạn chưa tháo túi ni lông ra, đã thể hiện bạn nam là một người làm ăn gian dối, vì không muốn tốn thời gian mà mặc kệ hậu quả về sau, là một người không biết giữ chữ tín.

Bức tranh 4: Bạn Thành là người biết giữ chữ tín. Bạn đã giữ đúng lời hứa là sẽ làm tròn trách nhiệm của một lớp trưởng, vì vậy bạn Thành nhận được lòng tin của cả lớp và tiếp tục được tin nhiệm làm lớp trưởng.

b) Biểu hiện của giữ chữ tín:

Bạn A hứa rằng sẽ tặng cho em gái một chiếc thiệp vào ngày sinh nhật, vì vậy bạn A đã dành ra 3 ngày tự ngồi làm một chiếc thiệp thật xinh để tặng đúng ngày sinh nhật em gái.

Bạn H xin nghỉ học 2 hôm để đi chơi với gia đình. Sau đó H đã mượn vở ghi chép của bạn để về ôn tập bài học. H hứa với bạn hôm sau sẽ trả vở cho bạn nên H đã dành cả ngày tập trung ngồi ôn bài để kịp trả vở cho bạn như đã hẹn.

Biểu hiện của không giữ chữ tín:

Bạn C hứa với mẹ rằng làm xong bài tập rồi mới đi chơi, nhưng bạn C vẫn trốn sang nhà bạn chơi dù chưa làm xong bài.

Bạn M vay của bạn cùng lớp 5.000 đồng để mua kẹo ngoài cổng trường và hứa hôm sau trả. Nhưng sau đó bạn M không trả tiền mà tiếp tục đi vay các bạn khác.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	1. Khái niệm chữ tín và

<p>GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK, thảo luận nhóm để nêu biểu hiện của giữ chữ tín và không giữ chữ tín thông qua việc trả lời 2 câu hỏi sau</p> <p>a) <i>Nêu những biểu hiện của việc giữ chữ tín và không giữ chữ tín trong các bức tranh trên.</i></p> <p>b) <i>Hãy kể thêm một số biểu hiện của việc giữ chữ tín và không giữ chữ tín.</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. + Xác định được việc làm cụ thể được phản ánh trong các bức tranh + Nêu được những biểu hiện của việc giữ chữ tín và không giữ chữ tín - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Theo em trong cuộc sống và học tập giữ chữ tín được biểu hiện như thế nào?</i> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những biểu hiện của giữ chữ tín. 	<p>biểu hiện của giữ chữ tín</p> <p>b) Biểu hiện của giữ chữ tín</p> <p>Biểu hiện của giữ chữ tín là:</p> <p>biết trọng lời hứa, đúng hẹn, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của bản thân, trung thực, thống nhất giữa lời nói và việc làm.</p>
--	---

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của giữ chữ tín.

a. Mục tiêu:

HS giải thích được vì sao phải giữ chữ tín.

b. Nội dung:

GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp trong SGK (một trường hợp biết giữ chữ tín, một trường hợp không biết giữ chữ tín), trả lời câu hỏi:

+ Việc giữ chữ tín đã đem lại lợi ích gì cho công ty ở Nhật Bản?

+ Hãy nêu hậu quả của việc không giữ chữ tín.

+ Vì sao chúng ta cần giữ chữ tín?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được

+ Việc giữ chữ tín khiến cho công ty ở Nhật Bản chịu thiệt thòi trước mắt nhưng nhận được lợi ích lâu dài.

+ Việc một số bạn HS không biết giữ chữ tín làm mất niềm tin của thầy cô, bạn bè, gây ảnh hưởng xấu đến các mối quan hệ.

+ Chúng ta cần giữ chữ tín vì nếu biết giữ chữ tín ta sẽ được mọi người tin tưởng, tôn trọng, hợp tác, dễ thành công hơn trong công việc và cuộc sống. Ngược lại, sẽ bị mọi người xem thường, lời nói không có giá trị.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp trong SGK (một trường hợp biết giữ chữ tín, một trường hợp không biết giữ chữ tín), trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Việc giữ chữ tín đã đem lại lợi ích gì cho công ty ở Nhật Bản? + Hãy nêu hậu quả của việc không giữ chữ tín. 	<p>3. Ý nghĩa của giữ chữ tín</p> <p>Người biết giữ chữ tín sẽ được mọi người tin tưởng, tôn trọng, hợp tác, dễ thành công hơn trong công việc,</p>

<p>+ Vì sao chúng ta cần giữ chữ tín?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. + Xác định được việc làm cụ thể trong tình huống + Nêu được những nội dung cơ bản để giải quyết các tình huống - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật ý nghĩa của giữ chữ tín <p><i>Nếu như chúng ta không giữ chữ tín, thì mọi người xung quanh sẽ mất niềm tin vào chúng ta, sẽ không tôn trọng chúng ta. Việc mất chữ tín, mất niềm tin giữa người với người sẽ làm ảnh hưởng xấu tới các mối quan hệ, gây chia rẽ và mất đoàn kết.</i></p>	<p>cuộc sống và góp phần làm cho các mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp hơn.</p>
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Câu 1. Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về việc giữ chữ tín. Chia sẻ hiểu biết của em về những câu ca dao, tục ngữ đã tìm được.

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

Chơi trò chơi “Ai nhanh hơn? ”: Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói -về giữ chữ tín

Cách chơi: Từ 5 - 7 HS tham gia. HS đứng thành vòng tròn, tới lượt ai thì người đó sẽ phải đọc nhanh một câu ca dao, tục ngữ về giữ chữ tín, không trùng với câu của người khác đã đọc, cho đến khi chỉ còn một người duy nhất.

- Sau khi chơi, GV nêu câu hỏi: Những câu ca dao, tục ngữ đó nói về điều gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về Những câu ca dao, tục ngữ mà các em vừa nêu là lời răn dạy của cha ông ta dành cho các thế hệ sau phải biết giữ chữ tín.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc nhóm kết hợp làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về các câu ca dao tục ngữ về chữ tín

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Câu 2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS bước đầu phân biệt được những việc nên làm, những việc không nên nhằm thực hiện tốt việc giữ lời hứa

b. Nội dung:

* Học sinh cặp đôi, các cặp đôi cùng nhau suy nghĩ và hoàn thiện bài tập vào vở ghi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) Không đồng tình vì giữ niềm tin đối với những người có hành động xấu không phải là giữ chữ tín như ý nghĩa của bài học này. Ví dụ: Giữ lời hứa hành động xấu cùng với kẻ xấu.

b) Đồng tình vì làm tốt công việc như đã cam kết khiến người khác tin tưởng mình. Đó chính là một biểu hiện quan trọng của giữ chữ tín.

c) Không đồng tình vì không cần giữ chữ tín một cách máy móc, mù quáng.

d) Không đồng tình, ai cũng cần phải giữ chữ tín.

e) Đồng tình vì người thất tín có thể được lợi trước mắt nhưng sẽ làm mất niềm tin của mọi người, dần dần sẽ mất bạn bè, đối tác, mất đi lợi ích lâu dài.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi, mỗi cặp đôi kể cùng trao đổi, thảo luận để đưa ra nhận xét về việc làm của các nhân vật trong từng trường hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh cùng lựa chọn cặp đôi, các cặp đôi cùng suy nghĩ để nhận xét về việc làm của các nhân vật, học sinh hoàn thành vào vở

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện cho các cặp đôi trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết quả của các cặp đôi và khái quát nội dung: GV khuyên HS nên học tập một số bạn có hành vi đúng để cùng nhau xây dựng quan hệ với bạn bè và người xung quang được tốt đẹp

Câu 3. Trong các trường hợp dưới đây, hành vi nào thể hiện giữ chữ tín, hành vi nào thể hiện không giữ chữ tín? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

GV yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm hiểu và suy nghĩ các trường hợp trong sách giáo khoa và đưa ra ý kiến để giải quyết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

a) H vẫn giữ chữ tín vì mặc dù không thực hiện được lời hứa nhưng có lí do chính đáng và đã xin lỗi bạn, hẹn bạn lần khác.

b) V biết giữ lời hứa dù bận rộn nhưng V vẫn sắp xếp thời gian để giúp bạn như đã hứa.

c) Việc làm của T thể hiện không giữ chữ tín vì đã hẹn trả truyện cho bạn mà không trả.

d) Việc làm của bà X thể hiện bà là người biết giữ chữ tín trong kinh doanh. Điều này góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng đồng thời nâng cao uy tín của cửa hàng, giúp bà bán được nhiều hàng hơn.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm hiểu và suy nghĩ các trường hợp trong sách giáo khoa và đưa ra ý kiến để giải quyết.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của nhóm mình, các nhóm khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Câu 4. Em hãy đưa ra lời khuyên cho bạn trong các tình huống sau:

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* GV yêu cầu các nhóm thảo luận, sắm vai xử lý tình huống. Mỗi nhóm chọn một tình huống để xử lý.

- Lần lượt các nhóm lên sắm vai. Các HS khác quan sát, nhận xét cách xử lý tình huống của từng nhóm, đề xuất cách xử lý khác (nếu có).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

+ Tình huống 1: Nếu sau đó có thể bảo quản được thì đợi hôm sau khách đến lấy; Nếu sau đó không thể bảo quản thì bán cho người khác, hôm sau trả lại số tiền ấy cho khách;...

+ Tình huống 2: Không phải là bố mẹ M không giữ chữ tín mà do nguyên nhân khách quan nên chưa thực hiện được lời hứa. M cần nói với bố mẹ rằng khi nào có tiền hãy mua đàn cho mình. Đồng thời M nên làm thêm việc nhà phụ giúp bố mẹ, cố gắng học giỏi hơn nữa để bố mẹ vui lòng, có động lực vượt qua khó khăn để giữ lời hứa với M.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Câu 1. Viết một đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về lời khuyên "Hãy tiết kiệm lời hứa".

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức học tập tự giác tích cực cho bản thân.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ nội dung và viết bài bày tỏ suy nghĩ về lời khuyên trên

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Bài viết làm rõ ý nghĩa và vai trò quan trọng của giữ lời hứa

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ nội dung và viết bài bày tỏ suy nghĩ về lời khuyên trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thành bài viết

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các hs thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm.

Bài tập 2: Cùng các bạn trong nhóm xây dựng và biểu diễn một tiểu phẩm về chủ đề “Giữ chữ tín trong HS”.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức học tập tự giác tích cực cho bản thân.

b. Nội dung:

- Học sinh tham gia đóng vai, xây dựng kịch bản về chủ đề “Giữ chữ tín trong HS”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Học sinh biết được những việc cần làm những việc cần tránh để giữ chữ tín

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh tham gia đóng vai, xây dựng kịch bản về chủ đề “Giữ chữ tín trong HS”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, xây dựng kịch bản, phân công vai diễn và luyện tập

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Học sinh tiến hành diễn theo yêu cầu của giáo viên, khuyến khích các ý tưởng sáng tạo

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các đóng vai cho từng kịch bản, nhận xét rút kinh nghiệm và tổng hợp khái quát vấn đề

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 5: BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.

Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.

Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá.

2. Về phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ các di sản văn hoá,; có ý thức tìm hiểu để phát huy giá trị của di sản văn hoá.

Trách nhiệm: Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá. Xác định được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo tồn di sản văn hóa.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo tồn di sản văn hóa.

- Năng lực đặc thù:

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá. Có ý thức khi có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ các di sản văn hoá; phản đối những hành vi xâm hại các di sản văn hoá

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Có ý thức tự giác tìm hiểu các kiến thức, cơ bản về các di sản văn hoá; biết cách thu thập, xử lý thông tin để khai thác các giá trị to lớn mà các di sản văn hoá mang lại. Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được những vấn đề cần bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.

b. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Xem video, tranh, ảnh minh họa về những tấm gương cá nhân và tập thể góp phần bảo vệ di sản văn hóa. Nêu những tấm gương cá nhân và tập thể góp phần bảo vệ di sản văn hóa.

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:**

+ **NL: 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số:** Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung về các di sản văn hóa với người khác thông qua các công nghệ số phù hợp..

+ **NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân:** Tham gia đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản một cách phù hợp

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** Nla: Tư duy lấy con người làm trung tâm: Hiểu vai trò của con người trong thiết kế, vận hành, sử dụng AI; biết rằng con người chịu trách nhiệm với các phản hồi, tác động AI;

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS tham gia trò chơi, ai nhanh hơn, Em hãy tìm và hát những làn điệu mang đậm bản sắc văn hóa quê hương, dân tộc: quan họ, chèo, hát ru...

GV chia lớp thành hai đội, lần lượt các đội kể tên các làn điệu và lời một đoạn trong đó. Đáp án của các đội không được trùng lặp nhau. Đội nào kể và hát đúng nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh biết và nêu được

Những làn điệu dân ca mang đậm bản sắc văn hóa quê hương, dân tộc chính là di sản văn hóa của Việt Nam.

Bởi vì di sản văn hóa là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyên giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS tham gia trò chơi, ai nhanh hơn, Em hãy tìm và hát những làn điệu mang đậm bản sắc văn hóa quê hương, dân tộc: quan họ, chèo, hát ru...

GV chia lớp thành hai đội, lần lượt các đội kể tên các làn điệu và lời một đoạn trong đó. Đáp án của các đội không được trùng lặp nhau. Đội nào kể và hát đúng nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh chia đội chơi, các thành viên trong đội bàn bạc và thống nhất cách chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên tổng hợp ý kiến của các bạn đội

Giáo viên đặt câu hỏi chung: Theo em, những làn điệu trên có phải là di sản văn hóa của Việt Nam không?

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Những làn điệu đó là di sản văn hoá của Việt Nam, đại diện cho các vùng miền gắn với các phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội. Thông qua những làn điệu là lời khuyên nhủ của cha ông về những điều hay lẽ phải, về thuần phong mỹ tục, về đạo lí, tôn sư trọng đạo, lệ làng phép nước, về anh hùng nghĩa khí,... Bảo tồn và phát triển các di sản đó góp phần làm phong phú bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa của Việt Nam.

a. Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm di sản văn hoá và kể được một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng đọc thông tin, qua sát hình ảnh các bức tranh và trả lời câu hỏi

a) Trong những bức ảnh trên, hình ảnh nào là di sản văn hóa? Hình ảnh nào không phải là di sản văn hóa? Hình ảnh nào là di sản văn hóa vật thể? Hình ảnh nào là di sản văn hóa phi vật thể?

b) Theo em, di sản văn hóa là gì?

c) Kể thêm những di sản văn hóa khác ở Việt Nam mà em biết?

Học sinh hoàn thành phiếu học tập sau

Địa điểm	DSVH	Không phải DSVH	DSVH vật thể	DSVH phi vật thể
1. Hồ Gươm, Hà Nội				
2. Cầu Cần Thơ, thành phố Cần Thơ				
3. Nhã nhạc cung đình				

Huế, Thừa Thiên Huế				
4. Tháp Chăm, Ninh Thuận				
5. Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh				
6. Không gian văn hoá Công chiêng Tây Nguyên				

Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.

- **Cách thức thực hiện:** Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung về các di sản văn hóa với người khác thông qua các công nghệ số phù hợp..

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** Nla: Tư duy lấy con người làm trung tâm: Hiểu vai trò của con người trong thiết kế, vận hành, sử dụng AI; biết rằng con người chịu trách nhiệm với các phản hồi, tác động AI;

- **Cách thức thực hiện.**

+ Giáo viên hướng dẫn học sinh hoạt động theo nhóm: Các nhóm sẽ tự làm các video, hoặc hình thức phù hợp để giới thiệu về một số di sản văn hóa ở địa phương

c. **Sản phẩm:** Học sinh chỉ ra được

Bức ảnh 1: Hồ Gươm, Hà Nội - Đây là di sản văn hóa vật thể của Việt Nam.

Bức ảnh 2: Cầu Cần Thơ, thành phố Cần Thơ - Đây không phải là di sản văn hóa.

Bức ảnh 3: Nhã nhạc cung đình Huế, Huế- Đây là di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam.

Bức ảnh 4: Tháp Chăm, Ninh Thuận - Đây là di sản văn hóa vật thể của Việt Nam.

Bức ảnh 5: Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh - Đây là di sản văn hóa vật thể của Việt Nam.

Bức ảnh 6: Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên - Đây là di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam.

b) Di sản văn hoá là những sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Di sản văn hoá gồm di sản văn hoá vật thể (Thành nhà Hồ, Thánh địa Mỹ Sơn, Rừng ngập mặn Cần Giờ,..) và di sản văn hoá phi vật thể (Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Mộc bản Triều Nguyễn, Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ,...).

c) Các di sản văn hóa ở Việt Nam:

Di sản văn hóa vật thể:

- Quần thể di tích Cố đô Huế

Phố cổ Hội An

Hoàng thành Thăng Long

Di sản văn hóa phi vật thể:

Dân ca Quan họ

Ca trù

Hội Gióng

Hát xoan Phú Thọ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng đọc thông tin, qua sát hình ảnh các bức tranh và trả lời câu hỏi a) Trong những bức ảnh trên, hình ảnh nào là di sản văn hóa? Hình ảnh nào không phải là di sản văn hóa? Hình ảnh nào là di sản văn hóa vật thể? Hình ảnh nào là di sản văn hóa phi vật thể? b) Theo em, di sản văn hóa là gì?	I. Khám phá 1. Khái niệm di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa của Việt Nam. + Di sản văn hoá là những sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học,

<p>c) Kể thêm những di sản văn hóa khác ở Việt Nam mà em biết? Học sinh hoàn thành phiếu học tập sau</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng trao đổi, thảo luận để trả lời được câu hỏi - Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu - Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra <p>Giáo viên tổ chức thảo luận chung: <i>Em hiểu thế nào là di sản văn hóa, di sản văn vật thể, di sản văn hóa phi vật thể</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV mời HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về khái niệm di sản văn hoá cũng như thế nào là di sản văn hoá vật thể, di sản văn hoá phi vật thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học hiểu được một số khái niệm cơ bản về văn hóa. <p>Gv nhấn mạnh:</p> <p>Học tập tự giác, tích cực là chủ động thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ học tập đã đề ra.</p>	<p>được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hoá liên quan, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác. + Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia,...
--	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội.

a. Mục tiêu:

- HS giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập thảo luận về hai thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:

a) *Di sản văn hóa phố cổ Hội An có ý nghĩa như thế nào đối với người dân Quảng Nam và cả nước?*

b) *Lễ Tịch điền có ý nghĩa như thế nào đối với người dân Hà Nam và cả nước?*

c) *Từ việc tìm hiểu ý nghĩa của các di sản văn hóa trên và những hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội?*

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Xem video, tranh, ảnh minh họa về những tấm gương cá nhân và tập thể góp phần bảo vệ di sản văn hóa. Nêu những tấm gương cá nhân và tập thể góp phần bảo vệ di sản văn hóa.

- **Cách thức thực hiện:** Qua tình huống bạn HS tích cực trau dồi kiến thức, đạo đức, hiểu biết thêm về lịch sử, văn hóa của đất nước; cho HS tìm hiểu một số di sản văn hóa của Việt Nam => GV giáo dục niềm tự hào, tự tôn dân tộc Việt Nam cho HS. Nhấn mạnh công dân toàn cầu là công dân mang bản sắc văn hoá riêng của một đất nước, một dân tộc và tôn trọng những khác biệt văn hoá của các quốc gia, dân tộc, vùng lãnh thổ khác.

+ Qua ví dụ về chủ trương, chính sách của Nhà nước về bảo vệ di sản

+ Qua tình huống để phê phán biểu hiện sai trái trong bảo tồn di sản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được ý nghĩa

a) Phố cổ Hội An là một điểm đến hấp dẫn với du khách trong nước và quốc tế. Du lịch, dịch vụ phát triển đã góp phần quan trọng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và nguồn thu ngân sách địa phương. Hơn nữa, Hội An được xem như một “bảo tàng sống - bảo tàng về lịch sử kiến trúc, dân cư đô thị”, là niềm tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa của đất nước.

b) Lễ Tịch điền mang ý nghĩa khuyến nông, là nét đẹp văn hóa trở về nguồn cội, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Việc tổ chức Lễ hội Tịch điền chứa đựng nhiều phong tục đẹp đẽ của dân tộc Việt Nam, khơi dậy và giáo dục truyền thống văn hóa của dân tộc cho các thế hệ con cháu, nhắc lại truyền thống tốt đẹp của cha ông, từ vua đến người nông dân đều yêu lao động, cần cù lao động trên mảnh đất thân yêu của mình.

c) Trong nước:

Di sản văn hóa là tài sản của dân tộc, nói lên truyền thống của dân tộc, thể hiện công đức của các thế hệ tổ tiên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, thể hiện kinh nghiệm của dân tộc trên các lĩnh vực. Những di sản đó cần được giữ gìn, phát huy trong sự nghiệp xây dựng, phát triển nền văn hóa VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới.

Thế giới:

Tô đậm bản sắc riêng của dân tộc VN.

Làm phong phú thêm kho tàng di sản văn hóa thế giới.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm học tập thảo luận về hai thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi: a) <i>Di sản văn hóa phố cổ Hội An có ý nghĩa như thế nào đối với người dân Quảng Nam và cả nước?</i> b) <i>Lễ Tịch điền có ý nghĩa như thế nào đối với người dân Hà Nam và cả nước?</i> c) <i>Từ việc tìm hiểu ý nghĩa của các di sản văn hóa trên và những hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội?</i> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. + Xác định được việc làm cụ thể trong tình huống + Nêu được những nội dung cơ bản để giải quyết các tình huống - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Di sản văn hóa có ý nghĩa như thế nào đối với đất nước ta và thế giới</i> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những ý nghĩa của Di sản văn hóa <p>Di sản văn hoá là tài sản dân tộc, thể hiện truyền thống, công sức, kinh nghiệm sống của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>2. Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội.</p> <p>Bảo vệ di sản văn hoá góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc góp phần làm phong phú kho tàng di sản văn hoá thế giới.</p>

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa

a. Mục tiêu:

HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hoá và trả lời câu hỏi.

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập thảo luận về hai thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:

a) Chính quyền và nhân dân xã V đã thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa như thế nào?

b) Hãy nêu quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được

Chính quyền và nhân dân xã V đã có những việc làm đúng theo quy định của pháp luật để bảo vệ di sản văn hoá như: chính quyền địa phương rất chăm lo việc bảo tồn di tích, ngăn chặn và xử lý nghiêm những hành vi phá hoại ảnh hưởng đến di tích; bà con trong xã thường nhắc nhở nhau giữ gìn vệ sinh, tôn tạo di tích luôn khang trang, sạch đẹp.

- Nêu quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Các nhóm học tập thảo luận về hai thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi: a) Chính quyền và nhân dân xã V đã thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa như thế nào? b) Hãy nêu quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. + Xác định được việc làm cụ thể trong tình huống + Nêu được những nội dung cơ bản để giải quyết các tình huống - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Tổ chức và cá nhân có quyền và nghĩa vụ như thế nào trong việc bảo vệ di tích?</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật các quy định cơ bản của pháp luật trong việc giữ gìn và bảo vệ di sản văn hóa</p>	<p>3. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa tổ chức, cá nhân có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 1. Sở hữu hợp pháp di sản văn hoá; 2. Tham quan, nghiên cứu di sản văn hoá; 3. Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; 4. Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất; 5. Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hoá.</p>

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa

a. Mục tiêu:

HS nêu được một số việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hoá phù hợp với lứa tuổi.

b. Nội dung:

GV hướng dẫn các nhóm học tập đọc thông tin, quan sát các bức tranh trong SGK và nêu những việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hoá:

a) Em hãy nêu những việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hóa trong trường học và các bức tranh trên.

b) Theo em, học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn, bảo vệ và phát triển di sản văn hóa ở Việt Nam?

Tích hợp khung năng lực số và AI

- Các năng lực số có thể tích hợp: **NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân:** Tham gia đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản một cách phù hợp

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** Nla: Tư duy lấy con người làm trung tâm: Hiểu vai trò của con người trong thiết kế, vận hành, sử dụng AI; biết rằng con người chịu trách nhiệm với các phản hồi, tác động AI;

- **Cách thức thực hiện.**

+ Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh tìm hiểu một số mô hình của các bạn học sinh trên cả nước về hoạt động bảo vệ di sản văn hóa và chia sẻ với các bạn trong lớp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được

a) Trường hợp: Hồng đã góp phần bảo tồn di sản dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh bằng cách biểu diễn điệu dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh trong các ngày lễ của trường và từ chối lời đề nghị biểu diễn các bài hát hiện đại của bạn cùng lớp.

Bức tranh 1: Bạn nhỏ đã góp phần bảo tồn di sản văn hóa bằng cách giới thiệu di sản văn hóa của địa phương mình cho những người đến tham quan.

Bức tranh 2: Các bạn nhỏ đã góp phần bảo tồn di sản văn hóa bằng cách thông báo cho chú công an về hành vi vẽ bậy lên bức tường ở đình làng của một số thanh niên để chú công an kịp thời xử lý được những hành vi phá hoại di sản văn hóa.

Bức tranh 3: Bạn nhỏ đã góp phần bảo tồn di sản văn hóa bằng cách vẽ những bức tranh về hồ Gươm và giới thiệu với những vị du khách nước ngoài về di sản văn hóa của đất nước mình.

Bức tranh 4: Mọi người dân từ trẻ nhỏ đến người lớn đều góp phần bảo tồn di sản văn hóa bằng cách thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu di tích để giữ khu di tích luôn luôn sạch sẽ.

b) Những việc học sinh có thể làm để góp phần bảo tồn di sản văn hóa:

Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh, giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hóa ở địa phương mình.

Đi tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hóa.

Không vứt rác bừa bãi.

Tổ giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật, di vật.

Lên án các hành vi cố ý phá hoại, làm ảnh hưởng đến di sản văn hóa.

Tham gia các lễ hội truyền thống.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>GV hướng dẫn các nhóm học tập đọc thông tin, quan sát các bức tranh trong SGK và nêu những việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hoá:</p> <p>a) Em hãy nêu những việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hóa trong trường hợp và các bức tranh trên.</p> <p>b) Theo em, học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn, bảo vệ và phát triển di sản văn hóa ở Việt Nam?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình.</p> <p>+ Xác định được việc làm cụ thể trong tình huống</p> <p>- Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :</p> <p>+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình</p> <p>- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Mỗi học sinh chúng ta cần làm gì để bảo tồn di sản văn hóa</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....</p> <p>- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật</p> <p>Đặc biệt, GV cần nhấn mạnh ý nghĩa của việc bảo tồn các di sản văn hoá của đất nước, của dân tộc, bởi đây là biểu hiện rõ nét của lòng</p>	<p>4. Trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa</p> <p>+ Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hoá;</p> <p>+ Viết bài tuyên truyền, giới thiệu về các di tích lịch sử, di sản văn hoá;</p> <p>+ Bảo vệ môi trường, không vứt rác bừa bãi, giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hoá;</p> <p>+ Đấu tranh, tố giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật, di vật và các hành vi làm tổn hại đến di sản văn hoá;</p> <p>+ Tham gia các lễ hội truyền thống;</p> <p>+ Tích cực học ngoại ngữ để giới thiệu di sản văn hóa của địa phương, đất nước mình với du khách là người nước ngoài.</p>

<p>yêu quê hương, đất nước. Yêu quê hương mình cũng chính là yêu những nét đẹp truyền thống, yêu câu hát dân ca, lễ hội của làng quê hay một ngôi chùa, một đình làng xưa cũ, nơi mang những hơi thở của đời sống bao thế hệ cha ông. Việc bảo tồn di sản văn hoá còn là bảo vệ nền tảng tinh thần của dân tộc. Mà nền tảng tinh thần là linh hồn của dân tộc, là bản sắc văn hoá. Nếu mất đi bản sắc đó tức là mất đi gốc rễ truyền thống, mất đi chỗ dựa tinh thần vững chắc trước một thời đại toàn cầu hoá.</p>	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài tập 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ về các ý kiến trong SGK và giải thích

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

a) Đồng tình.

Bởi vì một danh lam, thắng cảnh được UNESCO công nhận là một sản phẩm vật chất hoặc tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ đời này sang đời khác, có giá trị nổi bật toàn cầu, có tầm ảnh hưởng vượt qua phạm vi quốc gia, và ảnh hưởng đến toàn thế giới, chứa đựng những nét riêng biệt, cho nên nó là di sản văn hóa của đất nước.

b) Đồng tình.

Bởi vì cả di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể đều quan trọng như nhau.

Mỗi một di sản văn hóa đều có giá trị riêng của nó, đều đem lại giá trị và có ý nghĩa đối với con người và xã hội. Vì vậy mọi di sản văn hóa đều cần được bảo tồn.

c) Không đồng tình.

Bởi mỗi di sản văn hóa đều thuộc sở hữu của tất cả mọi người.

Vậy nên mọi người đều có trách nhiệm phải bảo vệ di sản văn hóa, thực hiện những việc làm phù hợp với lứa tuổi và khả năng của bản thân để góp phần bảo tồn di sản văn hóa.

d) Đồng tình.

Bởi các di sản văn hóa chứa đựng những nét tinh hoa và bản sắc dân tộc riêng của Việt Nam từ xa xưa đến nay.

Phải bảo tồn và giữ gìn những nét tinh hoa ấy mới có thể gìn giữ được nét đặc trưng của Việt Nam, từ đó nâng tầm giá trị nền văn hóa.

e) Không đồng tình.

Bởi vì mỗi một di tích lịch sử - văn hóa đều chứa đựng những câu chuyện riêng, những ý nghĩa lịch sử và văn hóa riêng, mang bản sắc dân tộc Việt Nam.

Vì vậy chúng ta cần phải bảo vệ mọi di tích lịch sử - văn hóa, cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ công sức và tâm huyết của ông cha từ xa xưa, gìn giữ nét đẹp lịch sử - văn hóa Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về suy nghĩ của các bạn học sinh trong tình huống sau:

a. Mục tiêu:

HS bước đầu phân biệt được những việc nên làm, những việc không nên nhằm thể hiện việc bảo vệ di sản văn hóa.

b. Nội dung:

* Học sinh cặp đôi, các cặp đôi cùng nhau suy nghĩ và hoàn thiện bài tập vào vở ghi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) H chưa biết giữ gìn, bảo tồn di sản văn hoá vì có việc làm không đúng khi tham quan các di tích lịch sử: khắc tên lên tượng đài, bức tượng, thân cây,...

b) T đã biết giữ gìn, bảo tồn di sản văn hoá vì bạn đã nhắc nhở các bạn cùng xóm không chèn thả gia súc trong khu di tích lịch sử.

c) M đã biết phát triển, bảo tồn di sản văn hoá vì bạn đã cùng các bạn tới nhà bác K học hát chèo - một di sản văn hoá phi vật thể.

d) N đã có việc làm đúng với trách nhiệm của người HS trong việc giữ gìn, bảo tồn, phát triển di sản văn hoá Việt Nam. Bạn đã tích cực học ngoại ngữ để có thể giới thiệu về di sản đó tới du khách nước ngoài.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi, mỗi cặp đôi kể cùng trao đổi, thảo luận để đưa ra nhận xét về việc làm của các nhân vật trong từng trường hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh cùng lựa chọn cặp đôi, các cặp đôi cùng suy nghĩ để nhận xét về việc làm của các nhân vật, học sinh hoàn thành vào vở

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện cho các cặp đôi trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết quả của các cặp đôi và khái quát nội dung: GV khuyên HS nên học tập một số bạn có hành vi đúng để cùng nhau bảo vệ di tích

Bài tập 3: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* GV yêu cầu các nhóm thảo luận, sắm vai xử lý tình huống. Mỗi nhóm chọn một tình huống để sắm vai.

- Lần lượt các nhóm lên sắm vai. Các HS khác quan sát, nhận xét cách xử lý tình huống của từng nhóm, đề xuất cách xử lý khác (nếu có).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh trình bày được suy nghĩ của mình về các ý kiến sách giáo khoa đưa ra

+ Tình huống 1: Khuyên bạn H cùng mình đi báo công an hoặc có thể báo người lớn trong thôn xóm biết để ngăn chặn, xử lý việc làm sai trái của mấy thanh niên lấy trộm cổ vật trong ngôi chùa, vì việc làm của các thanh niên trong tình huống này là vi phạm Luật Di sản văn hoá.

+ Tình huống 2: Khuyên các bạn chấm dứt những việc làm không đúng khi tham quan ngôi chùa. Việc tự động gõ chuông và sờ tay lên các bức tượng Phật thể hiện sự thiếu nghiêm túc ở nơi linh thiêng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 4: Địa phương nơi em sinh sống có di sản văn hoá nào? Em đã làm gì để bảo vệ di sản văn hoá đó?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn tại địa phương

b. Nội dung:

* GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm

+ Các nhóm được hình thành theo địa bàn dân cư cùng nhau tìm hiểu các di sản văn hóa tại địa bàn dân cư, ghi chép và đề xuất các ý tưởng để bảo vệ di sản đó

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Đề xuất các ý tưởng để bảo vệ di sản trên địa bàn dân cư

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm

+ Các nhóm được hình thành theo địa bàn dân cư cùng nhau tìm hiểu các di sản văn hóa tại địa bàn dân cư, ghi chép và đề xuất các ý tưởng để bảo vệ di sản đó

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh cùng nhau thảo luận trong nhóm, làm việc tại nhà, nhờ sự tư vấn hỗ trợ của người lớn để có thể dự kiến kế hoạch cho phù hợp với lứa tuổi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên lên kế hoạch để học sinh chia sẻ sản phẩm với các nhóm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận, động viên học sinh tham gia tích cực vào các hoạt động để bảo vệ di sản

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu, sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về các di sản văn hóa của địa phương,... sau đó thiết kế thành một tờ báo tường và thuyết trình về ý nghĩa của các di sản văn hóa đó.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức học tập tự giác tích cực cho bản thân.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau phân công nhiệm vụ các thành viên để hoàn thành bài tập. Trong quá trình sưu tầm có thể tham khảo hoặc nhờ sự trợ giúp của người lớn

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Tờ báo tường hoặc bài viết nói về một số di sản văn hóa tại địa phương

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau phân công nhiệm vụ các thành viên để hoàn thành bài tập. Trong quá trình sưu tầm có thể tham khảo hoặc nhờ sự trợ giúp của người lớn

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm.

Bài tập 2: Em hãy lập và thực hiện kế hoạch bảo vệ một di sản ở địa phương em theo bảng gợi ý sau:

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức học tập tự giác tích cực cho bản thân.

b. Nội dung:

- Học sinh hoàn thành bảng kế hoạch bảo vệ một di sản ở địa phương em theo bảng gợi ý sau

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Học sinh biết được những việc cần làm những việc cần tránh để bảo vệ di sản văn hóa

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh hoàn thành bảng kế hoạch bảo vệ một di sản ở địa phương em theo bảng gợi ý sau

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, hoàn thành bảng và rút ra ý nghĩa của bản thân

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Học sinh biết được những việc cần làm những việc cần tránh để bảo vệ di sản văn hóa để từ đó có kế hoạch thực hiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm. GV có thể lựa chọn một vài bài viết ấn tượng và đọc lại cho cả lớp cùng nghe và rút ra được các biện pháp để khắc phục

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 6: ỨNG PHÓ TÂM LÝ CĂNG THẲNG

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng.

Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng

2. Về phẩm chất

Chăm chỉ: Thường xuyên rèn luyện bản thân mình thích ứng với các tình huống xảy ra để hạn chế gây căng thẳng cho bản thân.

Trách nhiệm: Thể hiện ở việc có ý thức tự rèn luyện tự tu dưỡng bản thân, chủ động trang bị những kiến thức cơ bản, những kỹ năng cần thiết, chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh tránh gây tâm lý căng thẳng cho bản thân.

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về ứng phó với tâm lý căng thẳng.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến ứng phó với tâm lý căng thẳng.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi. Chủ động điều chỉnh hành vi của bản thân cho phù hợp khi xuất hiện tâm lý căng thẳng

+ Năng lực phát triển bản thân: Thường xuyên rèn luyện bản thân để có kỹ năng giải quyết tốt các công việc hạn chế việc gặp tình huống gây tâm lý căng thẳng cho bản thân.

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

b. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 5.3. Sử dụng sáng tạo công nghệ số:** Sử dụng được các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức, hoặc hình thành các kỹ năng ứng phó với tâm lý căng thẳng

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập; đánh giá được các công cụ AI vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội; đề xuất được quy tắc ứng xử hoặc mô hình chính sách đạo đức cho AI trong trường học hoặc cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS tham gia trò chơi, ai nhanh hơn, mỗi học sinh lần lượt kể một tình huống gây căng thẳng...

GV chia lớp thành hai đội, thành viên của các đội lần lượt kể tên các tình huống mà mình bị căng thẳng. Đáp án của các đội không được trùng lặp nhau. Đội nào kể nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh.

Học sinh biết và nêu được

Những tình huống có thể gây căng thẳng cho bản thân mình và bước đầu có cách ứng xử phù hợp để thoát khỏi tâm lý căng thẳng

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS tham gia trò chơi, ai nhanh hơn, mỗi học sinh lần lượt kể một tình huống gây căng thẳng...

GV chia lớp thành hai đội, thành viên của các đội lần lượt kể tên các tình huống mà mình bị căng thẳng. Đáp án của các đội không được trùng lặp nhau. Đội nào kể nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh chia đội chơi, các thành viên trong đội bàn bạc và thống nhất cách chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên tổng hợp ý kiến của các bạn đội

Giáo viên đặt câu hỏi cho một số học sinh: Khi gặp phải tình huống căng thẳng các em đã làm gì?

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Trong cuộc sống, mỗi chúng ta đều có thể gặp phải những tình huống gây ra tâm lý căng thẳng, ảnh hưởng tiêu cực đến cơ thể và tinh thần. Tuy nhiên nếu biết cách ứng phó, chúng ta sẽ vượt qua được và trưởng thành vững vàng hơn.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Các tình huống gây căng thẳng

a. Mục tiêu:

- HS nêu được các tình huống gây căng thẳng cho con người.

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng quan sát hình ảnh các bức tranh và trả lời câu hỏi

a) Em hãy nêu những tình huống gây căng thẳng cho các bạn trong mỗi bức tranh trên.

b) Theo em, ngoài các tình huống đã nêu, còn có những tình huống nào khác gây tâm lý căng thẳng cho học sinh?

c. Sản phẩm:

Học sinh chỉ ra được

a) Những tình huống gây căng thẳng:

Bức tranh 1: Bạn học sinh căng thẳng vì bị các bạn khác chê cười, chế giễu, bàn tán những điều không tốt về mình.

Bức tranh 2: Bạn học sinh căng thẳng vì có quá nhiều bài tập cần phải làm, làm mãi không xong.

Bức tranh 3: Bạn học sinh căng thẳng khi bài kiểm tra bị điểm kém, bởi vì bạn rất lo sợ sẽ bị bố mắng.

Bức tranh 4: Bạn học sinh căng thẳng vì bố mẹ của bạn cãi nhau rất to ở ngay trước mặt bạn, bạn sợ hãi vì không làm gì được.

a. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

- **Cách thức thực hiện:** Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

b) Một số tình huống gây tâm lý căng thẳng cho học sinh:

Hàng xóm cạnh nhà bạn T ngày nào cũng bật nhạc rất to đến khuya, ảnh hưởng đến việc học tập và nghỉ ngơi của T.

Cô giáo đặt ra một câu hỏi và yêu cầu bạn A phát biểu câu trả lời, bạn A không biết câu trả lời là gì và lo sợ sẽ bị cô giáo mắng, các bạn cười chê.

Bởi vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, mỗi khi đến trường bạn L đều bị một nhóm học sinh vây quanh bắt nạt và sai bạn L phải làm việc này việc kia cho họ.

Bố mẹ bạn P vì muốn bạn thi đỗ vào một trường cấp 3 trọng điểm, nên bắt bạn đi học thêm ở rất nhiều nơi. Ngày nào bạn P cũng học đến tận khuya và không có đủ thời gian nghỉ ngơi.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng quan sát hình ảnh các bức tranh và trả lời câu hỏi a) Em hãy nêu những tình huống gây căng thẳng cho các bạn trong mỗi bức tranh trên. b) Theo em, ngoài các tình huống đã nêu, còn có những tình huống nào khác gây tâm lý căng thẳng cho học sinh? <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng quan sát tranh, trao đổi, thảo luận để trả lời được câu hỏi - Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu - Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra <p>Giáo viên tổ chức thảo luận chung: Em hiểu thế nào căng thẳng tâm lý, các tình huống nào thường gây căng thẳng về tâm lý cho con người?</p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV mời HS chia sẻ những trường hợp khác mà có thể dẫn đến tâm lý căng thẳng cho bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học hiểu được một số khái niệm căng thẳng tâm lý và các trường hợp làm căng thẳng tâm lý <p>Gv nhấn mạnh:</p> <p>Những tình huống khác có thể gây căng thẳng cho HS: tình huống đến từ bên ngoài như thay đổi chỗ ở, tài chính gia đình, kì vọng của gia đình, áp lực học tập, các mối quan hệ bạn bè như bị tẩy chay, bị bắt nạt,... hoặc các tình huống đến từ bên trong như sự thay đổi cơ thể, sức khỏe có vấn đề, tâm lý tự ti, suy nghĩ tiêu cực, nhận thức chưa đúng về bản thân,...</p>	<p>I. Khám phá</p> <p>1. Các tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng</p> <p>a) Các tình huống gây căng thẳng</p> <p>Căng thẳng tâm lý là tình trạng mà con người cảm thấy khi phải chịu áp lực về tinh thần, thể chất. Các tình huống thường gây căng thẳng như: bị tẩy chay, bị bắt nạt, thay đổi chỗ ở, áp lực học tập, thay đổi cơ thể, sức khỏe có vấn đề....</p>

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung : Biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng

a. Mục tiêu:

- HS chỉ ra được những biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập tiếp tục quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời các câu hỏi:

a) Em hãy nêu biểu hiện của cơ thể khi gặp tâm lý căng thẳng được mô tả trong mỗi bức tranh.

b) Ngoài ra, cơ thể thường có biểu hiện gì khi bị căng thẳng?

c) Em hãy xếp các biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng vào một trong bốn nhóm: (1) Thể chất, (2) Tinh thần, (3) Hành vi, (4) Cảm xúc.

Thể chất	Tinh thần	Hành vi	Cảm xúc.

--	--	--	--

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được

+ Biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng trong các bức tranh:

Tranh 1: Đau đầu

Tranh 2: Đồ mồ hôi tay

Tranh 3: Khóc, buồn bã

Tranh 4: Đau bụng

Tranh 5: Tức giận, la hét

Tranh 6: Không muốn ăn, uống

Tranh 7: Thu mình, tự cô lập bản thân

- Sắp xếp các biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng vào một trong bốn nhóm:

(1) Thể chất: Cơ thể mệt mỏi, nhức đầu, rối loạn giấc ngủ, tim đập nhanh, đau tức ngực khó thở, buồn nôn và nôn,...

(2) Tinh thần: Sa sút trí nhớ, buồn bã, không vui vẻ, không tập trung được trong công việc, học tập, lú lẫn, thiếu quyết đoán,...

(3) Hành vi: Khóc lóc, ăn uống bất thường, hấp tấp, tự làm hại bản thân hoặc làm hại người khác, hút thuốc, nghiện ngập,...

(4) Cảm xúc: Căng thẳng, lo lắng, sợ hãi, bồn chồn, tức giận, sợ hãi, thất vọng, dễ nóng tính, bực tức, và thường xuyên khó chịu,...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>- Các nhóm học tập tiếp tục quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời các câu hỏi:</p> <p>a) Em hãy nêu biểu hiện của cơ thể khi gặp tâm lý căng thẳng được mô tả trong mỗi bức tranh.</p> <p>b) Ngoài ra, cơ thể thường có biểu hiện gì khi bị căng thẳng?</p> <p>c) Em hãy xếp các biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng vào một trong bốn nhóm: (1) Thể chất, (2) Tinh thần, (3) Hành vi, (4) Cảm xúc.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình.</p> <p>+ Xác định được những biểu hiện cụ thể của tâm lý căng thẳng</p> <p>+ Hoàn thành phiếu học tập để sắp xếp các biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng</p> <p>- Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :</p> <p>+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình</p> <p>- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Khi tâm lý bị căng thẳng thường biểu hiện như thế nào về thể chất, tinh thần, hành vi và cảm xúc.</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....</p>	<p>1. Các tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng</p> <p>b) Biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng</p> <p>Một số biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng: mệt mỏi, chán ăn, khó ngủ, đau đầu, tim đập nhanh, hoa mắt, chóng mặt, đồ mồ hôi, đau bụng,...</p>

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những biểu hiện của tâm lý căng thẳng	
---	--

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lý căng thẳng

a. Mục tiêu:

HS nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lý căng

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập thảo luận về 4 thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:

a) Em hãy nêu nguyên nhân gây ra tâm lý căng thẳng và ảnh hưởng của tâm lý đó đến các bạn trong trường học trên.

b) Theo em, còn có những nguyên nhân nào khác thường gây ra tâm lý căng thẳng cho học sinh? Những nguyên nhân đó ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống và việc học tập của học sinh?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được

a) Nguyên nhân gây ra tâm lý căng thẳng và ảnh hưởng của tâm lý đó đến các bạn trong trường học trên:

Tình huống 1:

Nguyên nhân khiến T căng thẳng là do khối lượng kiến thức cần phải ôn tập quá nhiều, hơn nữa ngoài việc học ở trường còn phải học thêm ở trung tâm, việc di chuyển mệt mỏi khiến T không có đủ thời gian để nghỉ ngơi.

Tình trạng căng thẳng kéo dài đã khiến cho tinh thần và thể chất của T bị ảnh hưởng tiêu cực, dẫn đến việc không đạt được kết quả học tập như mong muốn.

Tình huống 2:

Nguyên nhân khiến A căng thẳng là do bị người lạ đe dọa và quấy rầy bằng rất nhiều tin nhắn có nội dung khiếm nhã.

Việc này đã khiến cho sức khỏe tinh thần của A bị ảnh hưởng nghiêm trọng và lo sợ việc đến trường.

Tình huống 3: Nguyên nhân khiến N căng thẳng là do bị bạn học chặn đường bắt nạt và đánh, chỉ vì N làm đúng quy chế trong giờ thi không cho bạn chép bài. Việc đó đã khiến cho tinh thần của N suy giảm nghiêm trọng, khiến cho N sợ hãi không dám đến trường.

Tình huống 4:

Nguyên nhân khiến M căng thẳng là do M luôn phải cố ép bản thân đạt được những kì vọng mà bố mẹ mong muốn, dồn hết sức lực vào việc học tập mà không có đủ thời gian nghỉ ngơi, cộng thêm ảnh hưởng từ những thay đổi sinh lí của cơ thể càng khiến M cảm thấy áp lực, căng thẳng.

Việc này đã khiến cho M không làm chủ được hành vi của bản thân, gây ảnh hưởng đến mối quan hệ của M với người thân.

b) Nguyên nhân gây ra tâm lý căng thẳng cho học sinh:

Yếu tố từ bên trong:

Sức khỏe sinh lí: Tình trạng sức khỏe không tốt như ốm đau, dinh dưỡng thiếu chất hoặc mắc bệnh tật...

Sức khỏe tinh thần: Thường xuyên suy nghĩ những điều tiêu cực, đặt quá nhiều kỳ vọng không thực tế, tự tạo áp lực cho bản thân, thường xuyên mất ngủ

Yếu tố từ bên ngoài:

Sống trong môi trường nhiều tiếng ồn

Thời tiết thay đổi đột ngột, quá nóng hoặc quá lạnh

Môi trường: Ô nhiễm khói bụi, giao thông tắc nghẽn

Gia đình: Bất hòa với bố mẹ, người thân trong gia đình, mất bạn bè, người thân,...

Xã hội: Áp lực học tập, mâu thuẫn xung đột với bạn bè, bệnh thành tích học tập,...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Các nhóm học tập thảo luận về 4 thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi: a) Em hãy nêu nguyên nhân gây ra tâm lý căng thẳng và ảnh hưởng của tâm lý đó đến các bạn trong trường học trên.	2. Nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lý căng thẳng tổ chức, cá nhân có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

<p>b) Theo em, còn có những nguyên nhân nào khác thường gây ra tâm lý căng thẳng cho học sinh? Những nguyên nhân đó ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống và việc học tập của học sinh?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan dẫn đến tâm lý căng thẳng đối với học sinh 	<p>Nguyên nhân gây ra căng thẳng có thể đến từ bên ngoài như: áp lực học tập, các mối quan hệ bạn bè, kì vọng của gia đình,... hoặc có thể đến từ bản thân như: tâm lý tự ti, suy nghĩ tiêu cực, lo lắng thái quá, các vấn đề về sức khỏe,...</p> <p>Tâm lý căng thẳng gây ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống hằng ngày và sự phát triển của cơ thể: kết quả học tập giảm sút, mất tập trung, đau nhức cơ thể, suy giảm trí nhớ, cáu gắt, bạo lực,... và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các mối quan hệ trong cuộc sống.</p>
---	---

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó tích cực khi căng thẳng

a. Mục tiêu:

HS nêu được cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng

b. Nội dung:

GV hướng dẫn các nhóm học tập đọc thông tin, quan sát các bức tranh trong SGK trả lời câu hỏi

a) Cách ứng phó của các bạn trong từng tình huống căng thẳng như thế nào? Kết quả ra sao?

b) Em hãy kể thêm những cách khác để ứng phó tích cực với tình huống căng thẳng.

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.

- Cách thức thực hiện: Qua tình huống HS A căng thẳng tâm lý, có suy nghĩ tiêu cực ảnh hưởng tới sức khỏe bản thân, GV lồng ghép nhấn mạnh suy nghĩ tích cực, ham học hỏi, khám phá, sáng tạo, hướng đến những điều tốt đẹp cho bản thân và xã hội.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 5.3. Sử dụng sáng tạo công nghệ số: Sử dụng được các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức, hoặc hình thành các kỹ năng ứng phó với tâm lý căng thẳng

- Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI: NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập; đánh giá được các công cụ AI vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội; đề xuất được quy tắc ứng xử hoặc mô hình chính sách đạo đức cho AI trong trường học hoặc cộng đồng.

- Cách thức thực hiện: Giáo viên hướng dẫn học sinh khai thác các thông tin trên môi trường số một cách phù hợp góp phần giúp học sinh có thể nâng cao kỹ năng và nhận thức khi gặp tình huống căng thẳng

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được

a) Cách ứng phó của các bạn trong từng tình huống căng thẳng:

Trường hợp 1: Hải lo lắng, căng thẳng trước cuộc thi hùng biện và bạn nhận ra rằng nếu tiếp tục tình trạng này thì nhất định kết quả sẽ không tốt. Vì vậy, Hải đã hít thở sâu để giúp cơ thể bình tĩnh lại và tự khích lệ bản thân sẽ làm tốt. Nhờ vậy mà cuộc thi của Hải diễn ra thành công và đạt kết quả tốt.

Trường hợp 2: Mai rất lo sợ và căng thẳng khi làm mất đồng hồ vì sợ bố mẹ trách mắng. Vì vậy Mai đã chạy thể dục vòng quanh khu nhà, để giúp đầu óc thư giãn và giải tỏa căng thẳng. Nhờ vậy mà Mai không còn thấy sợ hãi nữa mà can đảm nói sự thật với bố mẹ và hứa sẽ cẩn thận hơn.

Trường hợp 3: Tuấn sợ bố mẹ sẽ thất vọng khi biết kết quả kiểm tra của mình không tốt như mong đợi nên rất buồn và tự trách bản thân. Nhưng Tuấn đã bình tĩnh lại, thay đổi suy nghĩ của bản thân theo

hướng lạc quan hơn, tin tưởng rằng bản thân sẽ làm tốt hơn trong những bài kiểm tra tiếp theo. Nhờ vậy mà bạn không còn căng thẳng nữa.

Trường hợp 4: Hà lo lắng căng thẳng vì luôn bị những tin nhắn từ người lạ trên mạng quấy rối. Hà đã tìm đến sự giúp đỡ của mẹ. Mẹ Hà đã an ủi và trấn an Hà, giúp Hà ngăn chặn những tin nhắn đó. Vì vậy mà Hà sớm thoát khỏi trạng thái âu lo.

b) Những cách khác để ứng phó tích cực với tình huống căng thẳng:

Khi bị căng thẳng, em cần nhận diện được những biểu hiện cơ thể và cảm xúc của bản thân; tìm hiểu nguyên nhân gây ra căng thẳng, sau đó có cách ứng phó tích cực.

Một số cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng là: đối mặt và suy nghĩ tích cực, vận động thể chất, tập trung vào hơi thở, yêu thương bản thân,...

Khi cảm thấy quá căng thẳng hay mối lo quá lớn không thể tự mình xử lý được, hãy tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người đáng tin cậy như người thân, thầy cô, bạn bè,...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn các nhóm học tập đọc thông tin, quan sát các bức tranh trong SGK trả lời câu hỏi</p> <p>a) <i>Cách ứng phó của các bạn trong từng tình huống căng thẳng như thế nào? Kết quả ra sao?</i></p> <p>b) <i>Em hãy kể thêm những cách khác để ứng phó tích cực với tình huống căng thẳng.</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Mỗi học sinh chúng ta cần làm gì để ứng phó một cách tích cực khi tâm lý căng thẳng</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật</p> <p>Khi bị căng thẳng, em cần nhận diện được những biểu hiện cơ thể và cảm xúc của bản thân; tìm hiểu nguyên nhân gây ra căng thẳng, sau đó có cách ứng phó tích cực.</p>	<p>3. Cách ứng phó tích cực khi căng thẳng Một số cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng là: đối mặt và suy nghĩ tích cực, vận động thể chất, tập trung vào hơi thở, yêu thương bản thân,...</p> <p>Khi cảm thấy quá căng thẳng hay mối lo quá lớn không thể tự mình xử lý được, hãy tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người đáng tin cậy như người thân, thầy cô, bạn bè,...</p>

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài tập 1: Em cùng các bạn chơi trò chơi “Tiếp sức” kể về những tình huống gây căng thẳng cho học sinh trong cuộc sống: Các thành viên của mỗi đội lần lượt lên kể, nhóm nào kể được nhiều tình huống hơn sẽ thắng cuộc.

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS tham gia trò chơi, ai nhanh hơn, mỗi học sinh lần lượt kể một tình huống gây căng thẳng...

GV chia lớp thành hai đội, thành viên của các đội lần lượt kể tên các tình huống mà mình bị căng thẳng. Đáp án của các đội không được trùng lặp nhau. Đội nào kể nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh biết và nêu được

Những tình huống có thể gây căng thẳng cho bản thân mình và bước đầu có cách ứng xử phù hợp để thoát khỏi tâm lý căng thẳng

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS tham gia trò chơi, ai nhanh hơn, mỗi học sinh lần lượt kể một tình huống gây căng thẳng...

GV chia lớp thành hai đội, thành viên của các đội lần lượt kể tên các tình huống mà mình bị căng thẳng. Đáp án của các đội không được trùng lặp nhau. Đội nào kể nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh chia đội chơi, các thành viên trong đội bàn bạc và thống nhất cách chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên tổng hợp ý kiến của các bạn đội

Giáo viên đặt câu hỏi cho một số học sinh: Khi gặp phải tình huống căng thẳng các em đã làm gì?

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các nhóm

Bài tập 2: Hãy viết lại những suy nghĩ, lời nói tiêu cực sau đây thành những suy nghĩ, lời nói tích cực

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến từ đó hình thành kỹ năng ứng

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và viết lại được các suy nghĩ đó thành các suy nghĩ lời nói tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh viết lại các suy nghĩ một cách tích cực

Mình không thể chấp nhận được lỗi lầm đó. *Ai cũng có lúc mắc sai lầm, quan trọng mình học được bài học gì và sẽ không lặp lại sai lầm đó nữa.*

Chẳng ai quan tâm đến mình. *Vẫn còn có bố mẹ/ông bà/thầy cô/bạn bè/ vẫn quan tâm, thương yêu mình mà.*

Bạn bè không thích chơi với mình. *Mình sẽ thử tham gia vào các trò chơi cùng với các bạn, có lẽ là các bạn sợ rằng mình không thích các bạn nên mình sẽ chủ động quan tâm các bạn hơn*

Mình làm gì cũng thất bại. - *Lần sau mình sẽ làm tốt hơn, mình học được gì từ thất bại này?*

Mình học thể này thi sẽ thi trượt mất. - *Mình sẽ học bài chăm chỉ hơn thi sẽ thi được thôi.*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và viết lại được các suy nghĩ đó thành các suy nghĩ lời nói tích cực

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung trả lời vào vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện có thể đưa ra các cách khác nhau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 3: Tập thở:

a. Mục tiêu:

HS bước đầu biết được các kỹ năng đơn giản để có thể giải tỏa những căng thẳng tâm lý.

b. Nội dung:

Giáo viên tổ chức cho học sinh vận động cả lớp

GV ổn định lớp, giữ trật tự và cho cả lớp cùng làm. Mỗi HS sẽ ghi lại cảm xúc, cảm nhận của cơ thể trước và sau khi thực hành thở như hướng dẫn trong SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh ghi được cảm xúc, cảm nhận của cơ thể trước và sau khi thực hành thở như hướng dẫn

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh vận động cả lớp

GV ổn định lớp, giữ trật tự và cho cả lớp cùng làm. Mỗi HS sẽ ghi lại cảm xúc, cảm nhận của cơ thể trước và sau khi thực hành thở như hướng dẫn trong SGK.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh cùng nhau thực hiện động tác theo hướng dẫn của sách giáo khoa
- Sau khi thực hiện xong, các học sinh viết lại cảm xúc của mình khi thực hiện

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh chia sẻ cảm xúc của mình trước và sau khi thực hiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét ý thức tham gia của các học sinh, cũng như chỉ rõ những tác dụng của việc tập thở góp phần giải tỏa tâm lý căng thẳng

Bài tập 4: Đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

Biểu hiện nào cho thấy hai bạn N và M đang bị căng thẳng?

Nguyên nhân gây căng thẳng cho các bạn là gì? Nêu hậu quả của sự căng thẳng đó?

Theo em, N và M nên làm gì để thoát khỏi trường hợp đó?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) Trường hợp 1:

Biểu hiện ở mặt tinh thần là N thấy rất lo lắng, căng thẳng và biểu hiện ở mặt thể chất là đau đầu, mất ngủ.

Nguyên nhân là do khối lượng bài tập cần làm quá nhiều nên N không thể hoàn thành hết được. Sự lo lắng, căng thẳng trong thời gian dài đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của N.

Trong trường hợp này, N nên tìm đến sự trợ giúp của bố mẹ, thầy cô. N nên nói rõ tình trạng của mình cho bố mẹ, thầy cô hiểu và N cần dành thời gian để nghỉ ngơi, ăn uống đầy đủ.

b) Trường hợp 2:

Biểu hiện ở mặt cảm xúc là M rất buồn, lo sợ và bất an, dẫn đến biểu hiện ở hành vi là xem phim hoặc chơi game để né tránh cảm xúc.

Nguyên nhân là do M lo sợ rằng bố mẹ sẽ li dị, gia đình sẽ chia cách mỗi người một nơi. Vì lo lắng quá và không thể tập trung học hành nên kết quả học tập của M đã giảm sút.

Trong trường hợp này, M nên tìm cách để bình tĩnh lại (hít thở sâu, tập thể dục,...) và đối mặt với vấn đề. M cần nói chuyện rõ ràng với bố mẹ, nói với bố mẹ rằng việc bố mẹ bất hòa làm ảnh hưởng xấu đến M. Và M cũng cần phải hiểu rằng nếu bố mẹ không thể ở với nhau nữa thì việc li dị mới là tốt nhất cho bố mẹ, nên M cần chấp nhận và hiểu cho bố mẹ.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

Biểu hiện nào cho thấy hai bạn N và M đang bị căng thẳng?

Nguyên nhân gây căng thẳng cho các bạn là gì? Nêu hậu quả của sự căng thẳng đó?

Theo em, N và M nên làm gì để thoát khỏi trường hợp đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Em hãy viết lại những tình huống thường gây căng thẳng cho bản thân, từ đó tìm ra nguyên nhân, lập kế hoạch phòng tránh để không bị rơi vào những tình huống này và cách ứng phó tích cực nếu vẫn gặp những tình huống đó.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành kỹ năng biết giải tỏa những khi tâm lý căng thẳng.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành phiếu học tập

Tình huống gây căng thẳng	Nguyên nhân	Cách phòng tránh	Cách ứng phó tích cực
////	////	////	////

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Hoàn thành phiếu học tập theo nội dung trên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành phiếu học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, hoàn thành bài tập tại nhà

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm.

Bài tập 2: Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng và biểu diễn một vở kịch ngắn về tâm lý căng thẳng của học sinh và cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành kỹ năng biết giải tỏa những khi tâm lý căng thẳng.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau tìm hiểu, suy nghĩ và lên kịch bản cho vở kịch cũng như dàn dựng trước lớp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Chuẩn bị và biểu diễn thành công trước lớp vở kịch ngắn về tâm lý căng thẳng của học sinh và cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau tìm hiểu, suy nghĩ và lên kịch bản cho vở kịch cũng như dàn dựng trước lớp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Biểu diễn thành công trước lớp vở kịch ngắn về tâm lý căng thẳng của học sinh và cách ứng phó tích cực với tâm lý căng thẳng.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Học sinh biết được những việc cần làm những việc cần tránh để ứng phó khi xuất hiện tâm lý căng thẳng

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh thực hiện vở diễn, đánh giá và tổng hợp quá trình chuẩn bị và tổ chức của học sinh

TÊN BÀI DẠY:
BÀI 7: PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
(4 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường

Nguyên nhân, tác hại của bạo lực học đường.

2. Về phẩm chất

Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi

Trách nhiệm: Có ý thức trong việc đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực gây mất đoàn kết trong học tập và bạn bè. Thực hiện tốt nội quy nhà trường, ngăn chặn đẩy lùi những hiện tượng vi phạm nội quy nhà trường, gây mất an ninh trật tự

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng chống bạo lực học đường.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng chống bạo lực học đường..

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Học sinh có thái độ đấu tranh, lên án các hành vi bạo lực học đường, không cổ vũ, không thực hiện những hành vi vi phạm, vận động bạn bè cùng thực hiện tốt nội quy.

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quyền con người.

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt số: Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường

b. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

d. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.2_ Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy khi tiếp cận các thông tin về bạo lực học đường qua môi trường số.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI: NLd:** Thiết kế hệ thống AI: Xác định được các tình huống thực tiễn có thể và nên ứng dụng AI; để góp phần nâng cao kỹ năng ứng phó với các tình huống căng thẳng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về tác hại và hậu quả của bạo lực học đường.

b. Nội dung: Học sinh làm việc cá nhân suy nghĩ và thực hiện yêu cầu: Hãy kể lại một hành vi bạo lực học đường mà em đã gặp phải hoặc chứng kiến. Em có suy nghĩ và cảm nhận gì về hành vi đó?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh kể được một hành vi bạo lực học đường đã gặp và nêu được cảm nhận về hậu quả của hành vi đó

Hậu quả: Điều đó khiến cho em rất sợ hãi mỗi khi đến trường, trên lớp học không thể tập trung vào bài giảng vì lo lắng không biết các bạn sẽ bắt mình làm gì, thường xuyên mơ thấy ác mộng khiến cho cơ thể mệt mỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân suy nghĩ và thực hiện yêu cầu: Hãy kể lại một hành vi bạo lực học đường mà em đã gặp phải hoặc chứng kiến. Em có suy nghĩ và cảm nhận gì về hành vi đó?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân + thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao suy nghĩ và đưa ra quan điểm nhận xét của mình về hành vi bạo lực học đường mà mình từng chứng kiến

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên tổng hợp ý kiến của các học sinh, tổ chức cho học sinh thảo luận, chia sẻ suy nghĩ của bản thân về hành vi bạo lực học đường cũng như tác hại của hành vi đó.

Kết luận, nhận định.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Bạo lực học đường là một vấn đề nan giải gây nên những tác hại nghiêm trọng về nhiều mặt. Việc phòng, chống bạo lực học đường cần có sự chung tay, góp sức của toàn xã hội, trong đó, học sinh giữ vai trò chủ yếu. Các em cần có những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc ứng phó với bạo lực học đường để đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường

a. Mục tiêu:

HS nêu được một số biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm nghiên cứu một tình huống sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

Nhóm 1,2: Tình huống 1

Nhóm 3,4: Tình huống 2

Nhóm 5,6: Tình huống 3

a) Bạo lực học đường là gì? Hãy nêu các biểu hiện của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, còn có những biểu hiện nào khác của bạo lực học đường?

b) Hãy nêu những nguyên nhân của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, bạo lực học đường còn do những nguyên nhân nào khác?

c) Trong các trường hợp trên, các bạn C, H, Q, N đã phải chịu những hậu quả gì? Em hãy liệt kê những tác hại của bạo lực học đường theo gợi ý dưới đây:

c. Sản phẩm: Học sinh chỉ ra được

a) Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học. (Khoản 5, Điều 2 Nghị định số 80/2017/NĐ-CP).

Biểu hiện của bạo lực học đường:

Trường hợp 1: C đã nhiều lần gây gổ đánh nhau và đánh bạn cùng lớp làm cho bạn bị thương.

Trường hợp 2: H bị các bạn cùng lớp cô lập, nói xấu, ghép ảnh chế giễu khiến cho H vô cùng tự ti.

Trường hợp 3: N đã trêu chọc Q khiến cho Q cảm thấy mất thể diện, còn Q thì vì bạn trêu chọc mà đã đánh N.

Một số biểu hiện khác: Bạo lực học đường có nhiều biểu hiện như: đánh đập, ngược đãi, chê bai, lăng mạ, chửi bới, đe dọa, khủng bố, cô lập, lan truyền những thông tin sai sự thật về người học,.. xảy ra trong cơ sở giáo dục.

b) Nguyên nhân của bạo lực học đường:

Trường hợp 1: Do C thiếu đi sự quan tâm, dạy dỗ từ phía gia đình nên đã giao du với những người bạn xấu, dẫn đến thiếu kỹ năng sống, không biết cách giải quyết vướng mắc với bạn.

Trường hợp 2: Do đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi học sinh nên khi xảy ra mâu thuẫn, những nhóm bạn đông sẽ có xu hướng cô lập, nói xấu, chế giễu những bạn có mâu thuẫn với mình.

Trường hợp 3: Do tính cách của N thì thích trêu chọc bạn, còn Q thì không giữ được bình tĩnh khi bị trêu chọc đã dẫn tới xô xát với nhau.

Một số nguyên nhân khác: Nguyên nhân của bạo lực học đường do đặc điểm tâm, sinh lí của lứa tuổi học sinh, do thiếu kiến thức, thiếu kĩ năng sống, do ảnh hưởng từ môi trường gia đình, môi trường xã hội không lành mạnh; do sự thiếu quan tâm từ cơ sở giáo dục,...

c) Nhận xét:

Trường hợp 1: Bạn C đã bị nhà trường kỉ luật.

Trường hợp 2: Bạn H đã bị khủng hoảng tâm lí nghiêm trọng, có dấu hiệu trầm cảm.

Trường hợp 3: Bạn Q và N bị nhà trường kỉ luật.

Tác hại của bạo lực học đường:

Đối với học sinh: hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lí cho người bị hành hung; ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách của các em học sinh, khiến cho các em dễ trở thành người xấu; gây ra những hình ảnh xấu ảnh hưởng đến tương lai của học sinh; ảnh hưởng tiêu cực đến học tập.

Đối với gia đình: gây ra những hình ảnh xấu ảnh hưởng đến tương lai gia đình, gây bất hòa, chia rẽ các mối quan hệ trong gia đình.

Đối với nhà trường và xã hội: gây ra những hình ảnh xấu ảnh hưởng đến tương lai của học sinh và nhà trường; mất đi những người tài có ích cho xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm nghiên cứu một tình huống sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <p><i>Nhóm 1,2: Tình huống 1</i> <i>Nhóm 3,4: Tình huống 2</i> <i>Nhóm 5,6: Tình huống 3</i></p> <p>a) Bạo lực học đường là gì? Hãy nêu các biểu hiện của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, còn có những biểu hiện nào khác của bạo lực học đường?</p> <p>b) Hãy nêu những nguyên nhân của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, bạo lực học đường còn do những nguyên nhân nào khác?</p> <p>c) Trong các trường hợp trên, các bạn C, H, Q, N đã phải chịu những hậu quả gì? Em hãy liệt kê những tác hại của bạo lực học đường theo gợi ý dưới đây:</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng đọc thông tin, thảo luận để trả lời được câu hỏi - Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu - Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra <p>Giáo viên tổ chức thảo luận chung: <i>Bạo lực học đường có nguyên nhân từ đâu và gây ra hậu quả như thế nào?</i></p> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học hiểu được nguyên nhân và tác hại do bạo lực học đường gây 	<p>1. Biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường</p> <p>a) <i>Khái niệm bạo lực học đường.</i></p> <p>Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học lập. (Khoản 5, Điều 2 Nghị định số 80/2017/NĐ-CP).</p> <p>b) <i>Nguyên nhân bạo lực học đường.</i></p> <p>Do đặc điểm tâm, sinh lí của lứa tuổi học sinh, do thiếu kiến thức, thiếu kĩ năng sống, do ảnh hưởng từ môi trường gia đình, môi trường xã hội không lành mạnh; do sự thiếu quan tâm từ cơ sở giáo dục,...</p> <p>c) <i>Tác hại của bạo lực học đường.</i></p> <p>Đối với học sinh: hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lí cho người bị hành hung; ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách của các em học sinh, khiến cho các em dễ trở thành người xấu; gây ra những hình ảnh xấu ảnh hưởng đến tương lai của học sinh; ảnh hưởng tiêu cực đến học tập.</p> <p>Đối với gia đình: gây ra những hình ảnh xấu ảnh hưởng đến tương lai gia đình, gây bất hòa, chia rẽ các mối quan hệ trong gia đình.</p>

<p>ra.</p> <p>Gv nhấn mạnh:</p> <p>Bạo lực học đường gây nên những tác hại nghiêm trọng về nhiều mặt không chỉ cho đối tượng bị bạo lực mà còn để lại lâu dài về tâm lý, sức khỏe và danh dự đối với gia đình, nhà trường và xã hội.</p>	<p>Đối với nhà trường và xã hội: gây ra những hình ảnh xấu ảnh hưởng đến tương lai của học sinh và nhà trường; mất đi những người tài có ích cho xã hội.</p>
---	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó với bạo lực học đường

a. Mục tiêu:

HS biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập tiếp tục tìm hiểu các nội dung mà sách giáo khoa đưa ra, hoàn thành việc trả lời câu hỏi tương ứng với từng nội dung cụ

Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung: Trước khi xảy ra bạo lực học đường

a) Trong những trường hợp trên, các bạn đã làm gì để phòng tránh bạo lực học đường?

b) Theo em, học sinh cần làm gì để phòng tránh bạo lực học đường?

Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung: Khi xảy ra bạo lực học đường

a) Em hãy nhận xét cách ứng phó của T và B trong các trường hợp trên.

b) Theo em, học sinh nên làm gì và không nên làm gì khi xảy ra bạo lực học đường? Liệt kê theo gợi ý dưới đây:

Nhóm 5,6: Tìm hiểu nội dung: Sau khi xảy ra bạo lực học đường

a) Em hãy nhận xét cách ứng phó của các bạn trong những trường hợp trên.

b) Theo em, sau khi xảy ra bạo lực học đường, học sinh nên làm gì và không nên làm gì? Vì sao?

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

- **Cách thức thực hiện:** Qua tình huống về xây dựng tình bạn, tình yêu thương con người, tình thân nhân ái, vị tha. Tuyên truyền, đấu tranh phòng chống các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 1.2_ **Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy khi tiếp cận các thông tin về bạo lực học đường qua môi trường số.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLd: Thiết kế hệ thống AI: Xác định được các tình huống thực tiễn có thể và nên ứng dụng AI; để góp phần nâng cao kỹ năng ứng phó với các tình huống căng thẳng.

- **Cách thức thực hiện.** Giáo viên yêu cầu học sinh tìm các ví dụ (hình ảnh, vi deo, clip) trên mạng xã hội nói về hiện tượng bạo lực học đường, qua các thông tin này học sinh rút ra cho mình kỹ năng đối phó cũng như nâng cao nhận thức về phòng chống bạo lực học đường

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Trước khi xảy ra bạo lực học đường

a) Cách các bạn đã làm để phòng tránh bạo lực:

Trường hợp 1: V đã nhờ đến sự giúp đỡ của mẹ và cô giáo giúp đỡ khi có nguy cơ bị bạo lực học đường.

Trường hợp 2: Th đã chủ động nhận sai và xin lỗi khi lỡ gây ra phiền phức cho bạn cùng trường, nhờ vậy mà bạn đó không tức giận nữa.

b) Cách học sinh phòng tránh bạo lực:

Kết bạn với những bạn tốt.

Trang bị cho bản thân những kiến thức, kỹ năng liên quan đến bạo lực học đường.

Thông báo cho giáo viên hoặc những người lớn đáng tin cậy khi phát hiện nguy cơ bạo lực học đường.

Rời khỏi những nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực học đường,...

Cần tránh: kết bạn với những bạn xấu, tỏ thái độ tiêu cực với bạn bè, tụ tập ở những nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực học đường,...

Khi xảy ra bạo lực học đường

a) Nhận xét:

Bạn T đã giữ được bình tĩnh, không lo lắng, hoảng sợ, đối phó khôn khéo với nhóm học sinh cướp đồ và kịp thời tìm được người cứu giúp.

Bạn B dù rất sốc khi nhìn thấy bức ảnh ghép của mình nhưng đã không sợ hãi mà ngay lập tức tìm sự giúp đỡ từ cô giáo.

b) Nhận xét:

Nên làm: bình tĩnh, kiềm chế các cảm xúc tiêu cực; chủ động nhờ người khác giúp đỡ; quan sát xung quanh để tìm đường thoát;...

Không nên làm: tỏ thái độ khiêu khích, thách thức; sử dụng hành vi bạo lực để đáp trả; kêu gọi bạn bè cùng tham gia bạo lực;...

Sau khi xảy ra bạo lực học đường

a) Nhận xét:

Sau khi bị bạo lực học đường, bạn A đã biết suy nghĩ kỹ càng và quyết định đúng đắn là nhờ đến sự giúp đỡ của thầy cô.

Bạn M sau khi bị bạo lực học đường đã lo sợ mà quyết định không đúng đắn là giấu bố mẹ, thầy cô; tự một mình đến nhà bạn để băng bó vết thương.

b) Nhận xét:

Nên làm:

Thông báo sự việc với bố mẹ, người thân, thầy cô, công an và nhờ họ hỗ trợ đảm bảo an toàn.

Nhờ sự trợ giúp từ các cơ sở chuyên môn như bệnh viện, phòng tư vấn tâm lý học đường,... => để kịp thời nhận được sự hỗ trợ cả về thể chất lẫn tâm lý, tránh gây ra tâm lý căng thẳng về sau.

Không nên làm: tránh giấu giếm, bao che, tự giải quyết bằng các biện pháp tiêu cực,... => không kịp giải quyết kịp thời, không thể giải quyết tận gốc vấn đề, để lại tâm lý lo lắng, căng thẳng, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần và sức khỏe thể chất.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm học tập tiếp tục tìm hiểu các nội dung mà sách giáo khoa đưa ra, hoàn thành việc trả lời câu hỏi tương ứng với từng nội dung cụ <p><i>Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung: Trước khi xảy ra bạo lực học đường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trong những trường hợp trên, các bạn đã làm gì để phòng tránh bạo lực học đường? b) Theo em, học sinh cần làm gì để phòng tránh bạo lực học đường? <p><i>Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung: Khi xảy ra bạo lực học đường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a) Em hãy nhận xét cách ứng phó của T và B trong các trường hợp trên. b) Theo em, học sinh nên làm gì và không nên làm gì khi xảy ra bạo lực học đường? Liệt kê theo gợi ý dưới đây: <p><i>Nhóm 5,6: Tìm hiểu nội dung: Sau khi xảy ra bạo lực học đường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a) Em hãy nhận xét cách ứng phó của các bạn trong những trường hợp trên. b) Theo em, sau khi xảy ra bạo lực học đường, học sinh nên làm gì và không nên làm gì? Vì sao? <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu 	<p>2. Cách ứng phó với bạo lực học đường</p> <p><i>Trước khi xảy ra bạo lực học đường</i></p> <p>Kết bạn với những bạn tốt.</p> <p>Trang bị cho bản thân những kiến thức, kỹ năng liên quan đến bạo lực học đường.</p> <p>Thông báo cho giáo viên hoặc những người lớn đáng tin cậy khi phát hiện nguy cơ bạo lực học đường.</p> <p>Rời khỏi những nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực học đường;...</p> <p>Cần tránh: kết bạn với những bạn xấu, tỏ thái độ tiêu cực với bạn bè, tụ tập ở những nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực học đường;...</p> <p><i>Khi xảy ra bạo lực học đường</i></p> <p>Nên làm: bình tĩnh, kiềm chế các cảm xúc tiêu cực; chủ động nhờ người khác giúp đỡ; quan sát xung quanh để tìm đường thoát;...</p> <p>Không nên làm: tỏ thái độ khiêu khích, thách thức; sử dụng hành vi bạo lực để đáp trả; kêu gọi bạn bè cùng tham gia bạo lực;...</p> <p><i>Sau khi xảy ra bạo lực học đường</i></p> <p>Nên làm:</p> <p>Thông báo sự việc với bố mẹ, người thân, thầy cô, công an và nhờ họ hỗ trợ đảm bảo an toàn.</p> <p>Nhờ sự trợ giúp từ các cơ sở chuyên môn như bệnh viện, phòng tư vấn tâm lý học đường,... => để kịp thời nhận được sự hỗ trợ</p>

<p>Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình - Sau khi kết thúc từng vấn đề, giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận chung để rút ra những việc nên làm và những điều nên tránh trong từng trường hợp <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... 	<p>cả về thể chất lẫn tâm lí, tránh gây ra tâm lí căng thẳng về sau.</p> <p>Không nên làm: tránh giấu giếm, bao che, tự giải quyết bằng các biện pháp tiêu cực,... => không kịp giải quyết kịp thời, không thể giải quyết tận gốc vấn đề, để lại tâm lí lo lắng, căng thẳng, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần và sức khỏe thể chất.</p>
--	---

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường

a. Mục tiêu:

HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường.

b. Nội dung:

- Giáo viên cho học sinh làm việc cá nhân, học sinh đọc và suy nghĩ về các nội dung mà sách giáo khoa đưa ra liên quan đến các quy định của pháp luật về phòng chống bạo lực học đường và trả lời câu hỏi

+ Ở trường hợp 2 trong nội dung cách ứng phó sau khi xảy ra bạo lực học đường (mục 2), các HS nam đánh bạn M như vậy có vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường không? Vì sao?

+ Em hãy nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

- Cách thức thực hiện: Qua tình huống về việc thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước học sinh tự giác chấp hành nội quy, quy định của pháp luật.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Việc các bạn HS nam đánh bạn M là vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường vì những hành vi đó xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của bạn M, trái với quy định của pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh làm việc cá nhân, học sinh đọc và suy nghĩ về các nội dung mà sách giáo khoa đưa ra liên quan đến các quy định của pháp luật về phòng chống bạo lực học đường và trả lời câu hỏi + Ở trường hợp 2 trong nội dung cách ứng phó sau khi xảy ra bạo lực học đường (mục 2), các HS nam đánh bạn M như vậy có vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường không? Vì sao? + Em hãy nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc cá nhân, đối chiếu liên hệ với tình huống ở mục 2 để suy nghĩ và trả lời câu hỏi <p>Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện một số học sinh chia sẻ suy nghĩ của bản thân về hành vi của bạn M - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: 	<p>3. Một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiêm cấm các hành vi bạo lực học đường. - HS được tuyên truyền, phổ biến kiến thức, trang bị các kỹ năng cần thiết để nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc phòng, chống bạo lực học đường. - HS được tư vấn, hỗ trợ tâm lí, hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn khi phát hiện có nguy cơ bị bạo lực học đường hoặc bị bạo lực học đường,... <p>Nếu gây ra các hành vi bạo lực học đường, HS sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, HS sẽ phải chịu các hình thức xử lí tương ứng như: Kỷ luật, phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn, .. Ngoài ra, cha mẹ HS phải bồi thường các thiệt hại,</p>

<p><i>Pháp luật quy định như thế nào trong việc phòng chống bạo lực học đường, quy định đó có ý nghĩa như thế nào?</i></p> <p>Kết luận, nhận định</p> <p>- Gv nhận xét, đánh giá, giúp học sinh hiểu được ý nghĩa của việc nhà nước ta ban hành các quy định về phòng chống bạo lực học đường.</p>	<p>khắc phục hậu quả của hành vi bạo lực học đường do con mình gây ra.</p>
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến dưới đây đúng hay sai? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến việc đấu tranh, phòng tránh bạo lực học đường.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ từng trường hợp và đưa ra quan điểm của mình cho từng trường hợp đó

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

a) Ý kiến sai. Bạo lực học đường có nhiều biểu hiện như: đánh đập, ngược đãi, chê bai, lăng mạ, chửi bới, đe dọa, khủng bố, cô lập, lan truyền những thông tin sai sự thật về người khác,...

b) Ý kiến đúng. Bạo lực học đường do nhiều nguyên nhân gây ra như: do đặc điểm tâm, sinh lý của lứa tuổi HS; do thiếu kiến thức, kỹ năng sống; do ảnh hưởng từ môi trường gia đình, môi trường xã hội không lành mạnh; do sự thiếu quan tâm từ gia đình, cơ sở giáo dục,...

c) Ý kiến sai. Bạo lực học đường gây ra nhiều tác hại cả về thể chất, tâm lý, kinh tế đối với học sinh, gia đình, nhà trường và xã hội.

d) Ý kiến sai. Việc phòng, chống bạo lực học đường là trách nhiệm chung của Nhà nước và toàn xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ từng trường hợp và đưa ra quan điểm của mình cho từng trường hợp đó

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của cá nhân, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra quan điểm cho từng trường hợp
- Mỗi trường hợp có thể gọi từ 1-2 hs để có sự so sánh

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về hành vi của các bạn dưới đây?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến từ đó hình thành kỹ năng biết phòng chống bạo lực học đường một cách phù hợp

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho từng trường hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Hành vi trêu chọc, bắt nạt G của các bạn là sai trái, là bạo lực học đường.
- Hành vi trêu chọc và đe dọa S của H là sai trái, vi phạm pháp luật. Do đó, S đã làm rất đúng khi kể lại sự việc bị H trêu chọc với bố mẹ để được giúp đỡ, can thiệp.
- Hành vi của Q là sai, đáng phê phán.
- Hành vi của N là sai, đây là một lựa chọn rất tiêu cực khi bị bạo lực học đường và có thể dẫn đến nhiều hậu quả không tốt cho N.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm trong từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của cá nhân, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra quan điểm cho từng trường hợp
- Mỗi trường hợp có thể gọi từ 1-2 hs để có sự so sánh

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Bài tập 3: Đề xuất các biện pháp phòng, tránh bạo lực học đường

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến từ đó hình thành kỹ năng biết phòng chống bạo lực học đường một cách phù hợp

b. Nội dung:

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và đưa ra cách xử lý cho từng trường hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) *Khi nhận được tin nhắn hoặc thư đe dọa từ người khác:*

+ *Nên:* báo cho thầy cô, người thân để được hỗ trợ; tránh đi một mình tới những nơi vắng vẻ.

+ *Không nên:* tỏ thái độ thách thức đối phương; rủ bạn bè đánh, đe dọa đối tượng tình nghi.

b) *Khi một người bạn đang có mâu thuẫn với mình hẹn ở lại trường nói chuyện riêng sau buổi học:*

+ *Nên:* nhẹ nhàng từ chối bạn, nếu bạn tỏ thái độ gay gắt thì nhờ GV hỗ trợ giải quyết mâu thuẫn.

+ *Không nên:* đồng ý gặp riêng bạn nơi vắng vẻ, rủ bạn bè đi cùng với mục đích tiêu cực (đánh nhau,...).

c) *Khi một nhóm HS cùng trường yêu cầu em tới chỗ vắng với thái độ khó chịu, đe dọa:*

+ *Nên:* dùng thái độ nhẹ nhàng từ chối hoặc kiếm cớ trì hoãn và báo cáo với GV nhờ hỗ trợ.

+ *Không nên:* im lặng, che giấu và đi một mình tới chỗ vắng theo yêu cầu của nhóm HS kia; rủ bạn khác cùng đi với mục đích tiêu cực;...

d) *Khi vô tình nghe nhóm bạn nam cùng lớp bàn kế hoạch cuối buổi học chặn đường đánh một bạn lớp bên cạnh.*

+ *Nên:* tìm cách báo lại với GV để được hỗ trợ kịp thời,...

+ *Không nên:* im lặng, che giấu, kể cho bạn khác nghe và rủ cùng đi xem đánh nhau,...

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc nhóm cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm trong từng trường hợp cụ thể. Với mỗi trường hợp học sinh cần dự kiến phương án nên hoặc không nên làm gì

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của nhóm chú ý đưa ra những việc nên làm và nên tránh trong từng trường hợp

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đại diện các nhóm đưa ra quan điểm cho từng trường hợp

- Trong mỗi trường hợp giáo viên cần yêu cầu học sinh giải thích cụ thể vì sao lựa chọn giải pháp như vậy

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Bài tập 4: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa và đưa ra phương án trả lời phù hợp ứng với từng tình huống cụ thể

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) N nhẹ nhàng giải thích với V việc tự ý xem nhật kí là xâm phạm quyền riêng tư của người khác và yêu cầu V trả lại, nếu không sẽ báo cáo với GV chủ nhiệm. Hoặc N trực tiếp đi gặp GV chủ nhiệm nhờ can thiệp.

b) Em giải thích cho Đ và T hiểu việc chặn đường S để trả thù là hành vi sai trái và có thể dẫn đến những hậu quả không tốt. Khuyến Đ nên kể lại sự việc mình bị S bắt nạt nhiều lần với bố mẹ hoặc GV chủ nhiệm để được giúp đỡ ngăn chặn hành vi đó lại.

c) Em giải thích cho D hiểu hành vi trấn lột tiền ăn sáng của các bạn là hành vi bạo lực học đường, nếu không ngăn chặn thì các bạn sẽ tiếp tục lặp lại hành vi đó VỚI D và những bạn khác. Khuyến D nên kể lại sự việc với bố mẹ, GV chủ nhiệm để được giúp đỡ.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa và đưa ra phương án trả lời phù hợp ứng với từng tình huống cụ thể

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 5: Chia sẻ những việc em đã làm để phòng, chống bạo lực học đường

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

Các nhóm cùng nhau làm việc trao đổi và đưa ra các giải pháp của nhóm để phòng chống bạo lực học đường.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Đề xuất các giải pháp để phòng, chống bạo lực học đường

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Các nhóm cùng nhau làm việc trao đổi và đưa ra các giải pháp của nhóm để phòng chống bạo lực học đường.

Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm nghiên cứu và lên ý tưởng

Báo cáo thảo luận

Sau 5 phút thảo luận, GV mời các nhóm lên trình bày kế hoạch, đại diện các nhóm khác nhận xét kế hoạch tổ chức của từng nhóm

Kết luận, nhận định

GV nhận xét, hướng dẫn học sinh chủ động hình thành các kỹ năng để phòng chống bạo lực học đường

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Em hãy tham gia các hoạt động tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức và ghi lại cảm xúc, cách phòng chống bạo lực học đường mà em rút ra được qua các hoạt động đó

a. Mục tiêu:

Mục tiêu: HS liên hệ thực tế về phòng, chống bạo lực học đường

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Có hiểu biết, kỹ năng phòng chống bạo lực học đường

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Em hãy tham gia các hoạt động tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức và ghi lại cảm xúc, cách phòng chống bạo lực học đường mà em rút ra được qua các hoạt động đó

Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm học sinh suy nghĩ và xây dựng kế hoạch, hoàn thành bài tập tại nhà

Báo cáo thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Kết luận, nhận định.

Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm.

Bài tập 2: Em hãy lập thiết kế một khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh để tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành kỹ năng phòng chống bạo lực học đường

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, hoặc làm việc nhóm suy nghĩ và thiết kế một khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh để tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Biết lập xây dựng một khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh để tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, hoặc làm việc nhóm suy nghĩ và thiết kế một khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh để tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường

Thực hiện nhiệm vụ

- Hoàn thành bài tập vào vở và thực hiện kế hoạch đã lập, thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Báo cáo thảo luận

Tùy từng điều kiện cụ thể, các học sinh có thể tổ chức một buổi báo cáo kết quả hoặc thuyết trình về bức tranh đã vẽ

Kết luận và nhận định.

Giáo viên bố trí thời gian và hình thức để có thể góp ý và tư vấn học sinh hoàn thành nhiệm vụ được giao

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 8: QUẢN LÝ TIỀN

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả.

Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả.

2. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Thể hiện ở ý thức xây dựng kế hoạch chi tiêu tiền phù hợp với bản thân và gia đình.

Chăm chỉ: Thường xuyên hình thành kỹ năng chi tiêu hợp lý không lãng phí.

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quản lý tiền.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quản lý tiền.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Tự giác điều chỉnh hành vi, thói quen, việc làm và hành động cụ thể để có cách tiêu dùng và quản lý tiền bạc một cách phù hợp.

Năng lực phát triển bản thân: Biết lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp thực hiện được việc quản lý và chi tiêu tiền hợp lý theo kế hoạch đã đề ra.

Tự chủ và tự học: Tự lập và rèn luyện kỹ năng quản lý tiền của bản thân trong học tập và sinh hoạt hàng ngày.

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.

- **Cách thức thực hiện:** Chia sẻ câu chuyện về những tấm gương sáng tạo, biết chủ động tạo thu nhập chính đáng cho bản thân, gia đình, đóng góp cho cộng đồng. Phân biệt được nguồn thu nhập chính đáng, hợp pháp và thu nhập không chính đáng, không hợp pháp.

b. Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Có ý thức tự giác tiết kiệm và chi tiêu hợp lý

- **Cách thức thực hiện:** Chia sẻ câu chuyện về những tấm gương quản lý tiền của Bác từ đó giáo viên yêu cầu học sinh rút ra được bài học cho bản thân.

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 2.3. **Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân:** Tìm kiếm được cơ hội, xây dựng kỹ năng quản lý tiền phù hợp qua môi trường số.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về tiền cũng như ý nghĩa của việc quản lý tiền

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, mỗi cá nhân sẽ lên kế hoạch để chi tiêu số tiền 200.000đ và chia sẻ suy nghĩ của bản thân về kế hoạch chi tiêu đó.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh xây dựng được kế hoạch chi tiêu số tiền 200.000đ một cách hiệu quả nhất

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, mỗi cá nhân sẽ lên kế hoạch để chi tiêu số tiền 200.000đ và chia sẻ suy nghĩ của bản thân về kế hoạch chi tiêu đó.

Sau đó gọi đồng thời một số học sinh lên bảng trình bày kế hoạch chi tiêu 200.000đ của bản thân để các bạn trong lớp cùng trao đổi

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân + thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao trên bảng (nếu được gọi)

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên tổng hợp ý kiến của các bạn đội

Giáo viên đặt câu hỏi cho một số học sinh: Em hãy giải thích (chia sẻ) suy nghĩ của bản thân về kế hoạch chi tiêu của em với số tiền 200.000đ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Trong cuộc sống, tiền là phương tiện để mua sắm mọi thứ phục vụ cho nhu cầu cuộc sống. Kiếm tiền đã khó nhưng chi tiêu tiền thế nào cho hợp lý và hiệu quả lại càng khó hơn. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu biết nhiều hơn về quản lý tiền thế nào cho hiệu quả

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả

a. Mục tiêu:

- HS nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả.

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng đọc câu chuyện trong sách giáo khoa trang 44 và trả lời câu hỏi

a) Em có nhận xét gì về việc quản lý tiền của Thúy?

b) Theo em, việc quản lý tiền hiệu quả có ý nghĩa gì trong cuộc sống?

c. Sản phẩm: Học sinh chỉ ra được

+ Thuý được mẹ tin tưởng giao cho một số tiền để chi tiêu khi cần thiết. Bạn đã nhận thức được bố mẹ rất vất vả để kiếm tiền nên tự nhủ phải có trách nhiệm quản lý số tiền được cho một cách hiệu quả.

+ Nội dung quản lý tiền của bạn Thuý bao gồm:

Giữ tiền cẩn thận.

Luôn chi tiêu có kế hoạch, chỉ mua những thứ thật cần thiết.

Nghĩ cách kiếm thêm tiền phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh.

+ Ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả:

Biết quản lý tiền hiệu quả giúp giảm bớt gánh nặng tiền bạc cho bố mẹ; rèn luyện được thói quen chi tiêu hợp lý; biết cách kiếm tiền phù hợp với khả năng, sức lực của mình;... để tạo dựng được cuộc sống ổn định, tự chủ và không ngừng phát triển.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng đọc câu chuyện trong sách giáo khoa trang 44 và trả lời câu hỏi a) Em có nhận xét gì về việc quản lý tiền của Thuý? b) Theo em, việc quản lý tiền hiệu quả có ý nghĩa gì trong cuộc sống? <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng đọc thông tin, thảo luận để trả lời được câu hỏi - Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu - Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra <p>Giáo viên tổ chức thảo luận chung: <i>Biết cách quản lý tiền có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân người đó và gia đình?</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học hiểu được thế nào là quản lý tiền, cũng như vai trò, ý nghĩa của việc quản lý tiền <p>Gv nhấn mạnh:</p> <p>Biết quản lý tiền hiệu quả giúp giảm bớt gánh nặng tiền bạc cho bố mẹ; rèn luyện được thói quen chi tiêu hợp lý; biết cách kiếm tiền phù hợp với khả năng, sức lực của mình;... để tạo dựng được cuộc sống ổn định, tự chủ và không ngừng phát triển.</p>	<p>I. Khám phá</p> <p>1. Ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tiền là biết cách sử dụng tiền hợp lý, có hiệu quả - Quản lý tiền hiệu quả giúp em rèn luyện thói quen chi tiêu hợp lý, tiết kiệm, biết cách kiếm tiền phù hợp với khả năng của mình... để tạo dựng được cuộc sống ổn định, tự chủ và không ngừng phát triển.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Nguyên tắc: Sử dụng tiền hợp lý và hiệu quả

a. Mục tiêu:

- HS biết các kỹ năng để sử dụng tiền hợp lý và hiệu quả.

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập tiếp tục quan sát tranh trong SGK và đọc câu chuyện để trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng nội dung

Nhóm 1,2

a) Trong các sản phẩm trên, đâu là thứ em mong muốn có? Đâu là thứ em rất cần? Nếu chỉ có một số tiền có hạn không mua được tất cả những thứ em muốn thì em sẽ chọn mua những sản phẩm nào? Vì sao?

b) Nếu chi tiêu tùy tiện, vượt quá mức cho phép sẽ dẫn đến hậu quả gì? Theo em, có cách nào để tránh việc chi tiêu quá mức?

Nhóm 3,4

a) Vì sao H khó vay tiền của các bạn trong lớp?

b) Theo em, khi vay mượn tiền cần chú ý điều gì? Vì sao?

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân:** Tìm kiếm được cơ hội, xây dựng kỹ năng quản lý tiền phù hợp qua môi trường số.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập

- **Cách thức thực hiện.** Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu các công cụ quản lý tiền cụ thể được giới thiệu trên môi trường số. Yêu cầu học sinh tìm hiểu và thực hành 1 công cụ phù hợp với bản thân và chia sẻ với các bạn trong lớp

- **Ứng dụng tích hợp quản lý chi tiêu (Ví điện tử/Ngân hàng):**

+ MoMo: Cung cấp tính năng "Quản lý chi tiêu" AI, phân loại giao dịch tự động, nhắc thanh toán.

+ Timo Digital Bank: Ngân hàng số có tính năng tách quỹ (Goal Pot) để tiết kiệm và quản lý chi tiêu.

+ ZaloPay: Quản lý lịch sử giao dịch và thanh toán hóa đơn nhanh chóng trong hệ sinh thái Zalo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Câu 1:

a) Gợi ý:

Thứ mong muốn có: ví dụ (5), (6), (8), (9), (11),...

Thứ rất cần (nếu chỉ có một số tiền có hạn): (1), (4), (8),... Số (1) là bởi vì cần vở ghi để phục vụ cho việc học tập, số (4) bởi vì cần đồ ăn để có đủ năng lượng học tập, số (8) bởi vì đôi giày cũ của em đã bị rách, em cần mua một đôi giày mới để giờ học thể dục và đi lại đảm bảo an toàn hơn...

b) Nhận xét:

Nếu như chi tiêu vượt quá mức cho phép sẽ khiến cho chúng ta không còn đủ tiền để chi tiêu cho những thứ thật sự cần thiết, khi có những trường hợp phát sinh đột ngột cần đến tiền thì sẽ không có đủ tiền để chi trả, dẫn đến hậu quả một số bạn có hành vi xấu là ăn trộm tiền, cướp giật...

Để tránh việc chi tiêu quá mức, chúng ta cần cân nhắc kỹ lưỡng trước khi mua một thứ đồ gì đó, suy nghĩ kỹ xem đó có phải món đồ thật sự cần thiết ở thời điểm hiện tại hay không.

Câu 2:

a) Các bạn trong lớp không cho H vay mượn tiền bởi vì các bạn không tin tưởng H nữa. Nguyên nhân là do trước đây H đã vay mượn các bạn nhiều lần nhưng không trả tiền đúng hạn, vì vậy không có được niềm tin của các bạn.

b) Khi vay mượn tiền, trước hết là phải đảm bảo rằng đó là số tiền mình có khả năng trả lại sau, bởi vì nếu không suy xét kỹ mà vay tiền thoải mái không tiết chế, có thể dẫn đến việc không đủ khả năng để trả nợ. Tiếp theo là phải chú ý đến thời điểm đã giao hạn và phải trả tiền đúng hạn, nếu không sẽ làm lỡ việc của người khác và đánh mất sự tin tưởng từ họ.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Các nhóm học tập tiếp tục quan sát tranh trong SGK và đọc câu chuyện để trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng nội dung Nhóm 1,2 a) Trong các sản phẩm trên, đâu là thứ em mong muốn có? Đâu là thứ em rất cần? Nếu chỉ có một số tiền có hạn không mua được tất cả những thứ em muốn thì em sẽ chọn mua những sản phẩm nào? Vì sao? b) Nếu chi tiêu tùy tiện, vượt quá mức cho phép sẽ dẫn đến hậu quả gì? Theo em, có cách nào để tránh việc chi tiêu quá mức? Nhóm 3,4 a) Vì sao H khó vay tiền của các bạn trong lớp? b) Theo em, khi vay mượn tiền cần chú ý điều gì? Vì sao? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu Báo cáo kết quả và thảo luận	2. Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả Chi tiêu có kế hoạch: chỉ mua những thứ thực sự cần và phù hợp với khả năng chi trả Chỉ vay tiền khi thực sự cần và phải trả đúng hạn

<p>- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :</p> <p>+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình</p> <p>- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Để sử dụng tiền hợp lý và hiệu quả mỗi chúng ta cần chú ý điều gì</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....</p> <p>- Gv nhận xét, đánh giá, giúp học sinh hiểu được biểu hiện của sử dụng tiền hợp lý và hiệu quả</p>	
--	--

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Nguyên tắc: Đặt mục tiêu và thực hiện tiết kiệm hiệu quả

a. Mục tiêu:

Học sinh hình thành kỹ năng xây dựng mục tiêu và các biện pháp để tiết kiệm hiệu quả.

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập tiếp tục quan sát tranh trong SGK và đọc câu chuyện để trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng nội dung

Nhóm 1,2

a) Trong đoạn hội thoại trên, chị Hà đã đặt ra mục tiêu tiết kiệm tiền và thực hiện mục tiêu đó như thế nào?

b) Em đã bao giờ đặt mục tiêu tiết kiệm tiền chưa? Nếu có, em đã thực hiện mục tiêu đó như thế nào?

c) Hãy nêu lợi ích của việc đặt mục tiêu tiết kiệm tiền.

Nhóm 3,4

a) Vì sao tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... lại giúp chúng ta tiết kiệm được tiền? Nêu ý nghĩa của việc tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... trong cuộc sống?

b) Em hãy nêu cách tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... mà em biết.

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: **Biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.**

- Cách thức thực hiện: Chia sẻ câu chuyện về những tấm gương sáng tạo, biết chủ động tạo thu nhập chính đáng cho bản thân, gia đình, đóng góp cho cộng đồng. Phân biệt được nguồn thu nhập chính đáng, hợp pháp và thu nhập không chính đáng, không hợp pháp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Nhóm 1,2

a) Nhận xét:

Trong đoạn hội thoại trên, trước tiên chị Hà đã xác định được thứ mà chị muốn mua chính là một chiếc áo len để tặng bà => Chị Hà đã lên kế hoạch tiết kiệm từ trước đó mấy tháng.

Chị đã tiết kiệm bằng từ số tiền tiêu vặt mà mẹ cho, thay vì mua vở mới và mua nước thì chị đã sử dụng những quyển vở từ năm trước và tự mang bình nước từ nhà đi => Mỗi tháng chị đều có một khoản tiền nhỏ để cho vào hũ tiết kiệm.

c) Đặt mục tiêu tiết kiệm sẽ cho chúng ta động lực để không tiêu tiền hoang phí, biết lên kế hoạch để tiêu tiền một cách hợp lý, hơn nữa còn cho ta động lực để nghĩ ra cách kiếm thêm tiền phù hợp với lứa tuổi và khả năng.

Nhóm 3,4

a) Nhận xét:

Tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... giúp chúng ta tiết kiệm được tiền vì thức ăn, điện, nước là những thứ mà chúng ta sử dụng càng nhiều thì càng tốn nhiều tiền để mua => Sử dụng vừa đủ, không lãng phí thức ăn, điện, nước sẽ giúp tiết kiệm tiền.

Ý nghĩa:

Khi chúng ta không sử dụng hoang phí, biết tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... chúng ta sẽ tiết kiệm được một khoản tiền đáng kể, có thể dành để chi tiêu cho những việc cần thiết khác.

Hơn nữa, thức ăn, điện, nước,... là những thứ có hạn, rất nhiều người trên thế giới gặp phải nạn đói, không có điện và nước sạch để sử dụng => Chúng ta cần phải sử dụng hợp lý những nguồn tài nguyên này.

b) Tiết kiệm thức ăn:

Chỉ mua lượng thức ăn vừa đủ ăn

Cố gắng ăn hết, không bỏ phí thức ăn

Phần thức ăn còn thừa nào mà có thể bảo quản được thì cất đi để hôm sau ăn tiếp, đỡ phí phạm

Tiết kiệm điện:

Tắt hết những thiết bị điện khi không sử dụng

Chỉ bật bình nóng lạnh 15 phút trước khi sử dụng và tắt đi trong khi sử dụng, vừa để tiết kiệm điện vừa đảm bảo an toàn cho bản thân.

Tiết kiệm nước:

Chỉ sử dụng nước khi cần thiết, không phí phạm nước sạch vào các mục đích để vui chơi, đùa nghịch

Có thể tiết kiệm nước đã qua sử dụng (nước rửa rau,...) dùng để rửa sân, rửa xe,...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm học tập tiếp tục quan sát tranh trong SGK và đọc câu chuyện để trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng nội dung <p>Nhóm 1,2</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trong đoạn hội thoại trên, chị Hà đã đặt ra mục tiêu tiết kiệm tiền và thực hiện mục tiêu đó như thế nào? b) Em đã bao giờ đặt mục tiêu tiết kiệm tiền chưa? Nếu có, em đã thực hiện mục tiêu đó như thế nào? c) Hãy nêu lợi ích của việc đặt mục tiêu tiết kiệm tiền. <p>Nhóm 3,4</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Vì sao tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... lại giúp chúng ta tiết kiệm được tiền? Nêu ý nghĩa của việc tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... trong cuộc sống? b) Em hãy nêu cách tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... mà em biết. <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Việc đặt mục tiêu và thực hiện mục tiêu tiết kiệm tiền hiệu quả chúng ta cần làm như thế nào?</i> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, giúp học sinh hiểu được vai trò của việc đặt mục tiêu và thực hiện tiết kiệm hiệu quả 	<p>2. Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt mục tiêu và thực hiện tiết kiệm tiền hiệu quả + Đặt mục tiêu tiết kiệm tiền + Không lãng phí thức ăn, điện, nước,...

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Nguyên tắc: Học cách kiếm tiền phù hợp

a. Mục tiêu:

Học sinh hình thành kỹ năng kiếm tiền phù hợp với khả năng của mình.

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập tiếp tục quan sát tranh trong SGK và đọc câu chuyện để trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng nội dung

Nhóm 1

a) Việc làm của Hằng đem lại lợi ích gì?

b) Em hãy kể thêm những vật khác có thể tái chế.

Nhóm 2

a) Em hãy kể tên các sản phẩm học sinh có thể tranh thủ thời gian rảnh, tự làm để bán lấy tiền trong các trường hợp trên.

b) Em hãy giới thiệu thêm những mặt hàng khác mà học sinh ở địa phương em có thể làm để bán.

Nhóm 3

a) Các bạn trong tranh đã làm những việc gì để có thu nhập cá nhân?

b) Em hãy kể thêm những việc học sinh có thể làm phụ giúp bố mẹ vào thời gian rảnh rỗi để có tiền.

Nhóm 4

Theo em, gửi tiền vào ngân hàng mang lại lợi ích gì?

Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Có ý thức tự giác tiết kiệm và chi tiêu hợp lý

- Cách thức thực hiện: Chia sẻ câu chuyện về những tấm gương quản lý tiền của Bác từ đó giáo viên yêu cầu học sinh rút ra được bài học cho bản thân.

- Thông tin:

Câu chuyện về Bác : “Việc chi tiêu của Bác Hồ”

Các đồng chí ở gần Bác đều cho biết Bác rất tiết kiệm. Có đôi tất rách đã vá đi, vá lại mấy lần Bác cũng không dùng tất mới. Bác nói:

Cái gì còn dùng được nên dùng. Bỏ đi không nên... Khi tất rách chưa kịp vá, anh em đưa đôi mới để Bác dùng, Bác xoay chỗ rách vào bên trong rồi cười xí xóa:

Đây, có trông thấy rách nữa đâu... Có quả chuối hơi nẫu, anh cán bộ chê không ăn, Bác lấy dao gọt phần nẫu đi, bóc ăn ngon lành, rồi nói:

Ở chiến khu có được quả chuối này cũng đã quý...

Câu nói và việc làm của Bác làm đồng chí cán bộ hồi hận mãi. Dù cho đã làm đến Chủ tịch nước, suốt trong những năm ở Việt Bắc, ở Hà Nội, Bác chưa bao giờ “có tiền” (như anh em cán bộ, chiến sĩ, công tác quanh Bác thường nhận xét).

Thực tế lịch sử cho thấy rằng: suốt thời gian hoạt động của Bác ở nước ngoài, Bác gặp rất nhiều khó khăn về tài chính do những nguyên nhân khác nhau. Được đồng nào, chủ yếu do lao động tự thân mà có, Bác dành cho công tác cách mạng. Bác chi tiêu rất dè sẻn, cân nhắc từng xu.

Liên hoan mừng thành lập Đảng cũng chỉ có bát cơm, món xào, tô canh, đĩa cá. Chiêu đãi đồng chí Lý Bội Quân, người Trung Quốc, người đã mua chiếc máy chữ từ Hải Phòng về tặng Người (năm 1939), Bác cũng chỉ “khao một món canh và 2 đĩa thức ăn, thêm hai lạng rượu, tổng cộng chưa hết một đồng bạc”.

Tự thết đãi mình “khi nghe tin Hồng quân bắt sống 33 vạn quân Hít le ở Xtalingrát năm 1943”, tại nhà tù, trong túi chỉ còn vền vền một đồng bạc, Bác đã “nhờ người lính gác mua giùm cho ít kẹo và dầu chà quây”. Sau khi phấn khởi hô mấy khẩu hiệu hoan nghênh thắng lợi của Liên Xô, Bác “ngồi một mình, chén tạc, chén thù rất đàng hoàng vui vẻ”...

Năm 1957, Bác về thăm Nghệ Tĩnh, khi ăn cơm chung với đồng chí Nguyễn Sĩ Quế, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Diệm, Bác đã để bát ra ngoài mâm mấy món ăn, rồi nói: “Ăn hết lấy thêm, không ăn hết để người khác ăn, đừng để người ta ăn thừa của mình”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Nhóm 1

a) Việc làm của Hằng vừa giúp bảo vệ môi trường, hạn chế rác thải; vừa giúp Hằng kiếm thêm tiền phụ giúp bố mẹ và giúp đỡ người khác.

b) Vật có thể tái chế:

Quần áo cũ

Bìa các-tông

Giấy báo cũ

Bao bì thực phẩm bằng nhựa, giấy

Kim loại, thủy tinh, gỗ & nhựa

Nhóm 2

a) Các sản phẩm học sinh có thể tranh thủ thời gian rảnh, tự làm để bán lấy tiền trong các trường hợp trên:

Hình 1: Bánh ngọt

Hình 2: Những đồ vật được làm từ len

b) Một số mặt hàng khác mà học sinh ở địa phương em có thể làm để bán

Tranh tự vẽ

Đồ ăn vặt (sữa chua, trà sữa, bánh mì...)

Thiệp thủ công

Vòng tay, vòng cổ,...

Nhóm 3

a) Cách các bạn trong tranh đã làm để có thêm thu nhập cá nhân:

Hình 1: Phụ giúp bố mẹ việc nhà bằng cách cho gà ăn.

Hình 2: Phụ giúp bố đánh máy tài liệu.

b) Một số việc học sinh có thể làm phụ giúp bố mẹ vào thời gian rảnh rỗi để có tiền:

Phụ giúp việc nhà: lau dọn nhà cửa, rửa bát, giặt phơi quần áo,...

Giúp mẹ đi chợ

Phụ giúp bố mẹ bán hàng

Nhóm 4

Gửi tiền vào ngân hàng trước hết sẽ giúp ta hạn chế việc tiêu tiền một cách hoang phí.

Ngoài ra, gửi tiền vào ngân hàng sẽ giúp cho khoản tiền của chúng ta không bị mất giá, bởi vì gửi tiền vào ngân hàng sẽ cho ta một khoản tiền lãi hàng tháng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>- Các nhóm học tập tiếp tục quan sát tranh trong SGK và đọc câu chuyện để trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng nội dung</p> <p>Nhóm 1</p> <p>a) Việc làm của Hằng đem lại lợi ích gì?</p> <p>b) Em hãy kể thêm những vật khác có thể tái chế.</p> <p>Nhóm 2</p> <p>a) Em hãy kể tên các sản phẩm học sinh có thể tranh thủ thời gian rảnh, tự làm để bán lấy tiền trong các trường hợp trên.</p> <p>b) Em hãy giới thiệu thêm những mặt hàng khác mà học sinh ở địa phương em có thể làm để bán.</p> <p>Nhóm 3</p> <p>a) Các bạn trong tranh đã làm những việc gì để có thu nhập cá nhân?</p> <p>b) Em hãy kể thêm những việc học sinh có thể làm phụ giúp bố mẹ vào thời gian rảnh rỗi để có tiền.</p> <p>Nhóm 4</p> <p>Theo em, gửi tiền vào ngân hàng mang lại lợi ích gì?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình.</p> <p>- Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :</p> <p>+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình</p> <p>- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Em hãy kể những việc em đã làm mà em có được thu nhập từ việc làm đó.</i></p> <p>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên</p>	<p>2. Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả</p> <p>Học các kiếm tiền phù hợp</p> <p>+ Kiếm tiền bằng việc tái chế</p> <p>+ Làm đồ thủ công để bán</p> <p>+ Làm phụ giúp bố mẹ</p> <p>+ Nhờ bố mẹ gửi tiết kiệm ngân hàng để lấy tiền lãi khi có tiền nhàn rỗi</p>

đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, giúp học sinh có thể lựa chọn những việc làm phù hợp để mang lại tiền cho bản thân	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến việc quản lý tiền của cá nhân.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ từng trường hợp và đưa ra quan điểm của mình cho từng trường hợp đó

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

a) Không đồng ý. Bởi vì học sinh nếu biết cách quản lý tiền bạc từ sớm sẽ giúp san sẻ gánh nặng cho gia đình, trang bị được một kỹ năng cần thiết cho cuộc sống sau này.

b) Không đồng ý. Bởi vì học sinh không biết giữ tiền cẩn thận hoặc chi tiêu vào những thứ không cần thiết là do không được bố mẹ, thầy cô dạy bảo, khuyên răn đúng cách. Hơn nữa, xã hội phát triển, rất nhiều nhu cầu của con người cần đến tiền bạc. Học sinh nếu như không giữ tiền, vào lúc cần thiết mà không có người lớn ở bên sẽ rất bất tiện.

c) Không đồng ý. Mọi người đều cần biết cách tiết kiệm tiền vì tiết kiệm tiền giúp ta chi tiêu hợp lý, khoa học và dành được một khoản tiền cho những lúc có sự cố đột xuất.

d) Đồng ý. Biết quản lý tiền sẽ giúp ta không cần phải lo lắng việc thiếu thốn chi tiêu.

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ từng trường hợp và đưa ra quan điểm của mình cho từng trường hợp đó

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của cá nhân, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra quan điểm cho từng trường hợp

- Mỗi trường hợp có thể gọi từ 1-2 hs để có sự so sánh

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Câu 2. Em có nhận xét gì về hành vi của các bạn dưới đây?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến từ đó hình thành kỹ năng biết quản lý tiền một cách phù hợp

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho từng trường hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) Tuy rằng K biết tiết kiệm tiền để mua truyện nhưng cách tiết kiệm này không hợp lý, khoa học. Bởi vì nhịn ăn sáng là một việc vô cùng có hại cho cơ thể, sẽ dẫn đến bệnh tật.

b) H là người không biết cách quản lý tiền. H chi tiêu không hợp lý, khoa học và không biết tiết kiệm, đã chi tiêu vượt quá số tiền mà mẹ cho.

c) Q là người biết cách quản lý tiền. Q biết lên kế hoạch để tiết kiệm tiền hàng tháng.

d) B là người biết cách quản lý tiền. Việc ghi chép ra giấy những thứ cần mua trước khi đi chợ sẽ giúp B cân đối được việc chi tiết, mua đủ những thứ cần thiết và không tiêu sài vào những thứ linh tinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm trong từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của cá nhân, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra quan điểm cho từng trường hợp
- Mỗi trường hợp có thể gọi từ 1-2 hs để có sự so sánh

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Bài tập 3: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa đóng vai nhân vật trong tình huống và đưa ra phương án trả lời phù hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) Cách xử lý:

Nếu em là Q, trong trường hợp thứ nhất M là một bạn biết giữ chữ tín, biết giữ lời hứa thì em sẽ đồng ý cho M vay tiền vì em tin bạn sẽ trả lại đúng hẹn.

Trong trường hợp thứ hai, M là người thường hay chi tiêu hoang phí, thì em sẽ không đồng ý cho M vay tiền và khuyên nhủ bạn nên biết cách tiết kiệm tiền, đừng tiêu vào những thứ không cần thiết.

b) Cách xử lý:

Nếu em là N, em sẽ giải thích rõ với các bạn rằng số tiền này em đã có kế hoạch để mua quà tặng cho bà ngoại và em gái rồi nên không thể khao các bạn ăn kem được.

Hơn nữa đây là số tiền mà một mình em cố gắng trong học tập và phụ giúp bố mẹ. Nên lần tới, nếu các bạn cùng em giúp đỡ nhau học tập, cùng nhau góp sức giúp kết quả học tập của mọi người đều nâng cao, và được thưởng tiền tiếp thì em sẽ khao các bạn sau.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa đóng vai nhân vật trong tình huống và đưa ra phương án trả lời phù hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 4: Giải bài toán chi tiêu

Mẹ cho em 150.000đ, để tổ chức sinh nhật cùng ba người bạn bạn. Em sẽ sử dụng số tiền đó như thế nào để có buổi sinh nhật thật vui vẻ và tiết kiệm.

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

Các nhóm phác thảo ra ý tưởng tổ chức buổi sinh nhật với số tiền 150 000 đồng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Kế hoạch chi tiêu số tiền 150k mà mẹ cho để tổ chức sinh nhật

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Các nhóm phác thảo ra ý tưởng tổ chức buổi sinh nhật với số tiền 150 000 đồng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Các nhóm nghiên cứu và lên ý tưởng

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Sau 5 phút thảo luận, GV mời các nhóm lên trình bày kế hoạch, đại diện các nhóm khác nhận xét kế hoạch tổ chức của từng nhóm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

GV nhận xét, cần chú ý một số tiêu chí sau đây:

- + Tổng các khoản chi có vượt quá mức 150 000 đồng không?

- + Nội dung buổi sinh nhật có ý nghĩa, thiết thực, vui vẻ, tình cảm không?
- + Khả năng khai thác các nguồn lực khác sẵn có như thế nào?

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn trong nhóm lập kế hoạch kinh doanh tại hội chợ do lớp tổ chức nhằm gây quỹ từ thiện theo gợi ý :

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành kỹ năng biết quản lý tiền 1 cách hiệu quả

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bản kế hoạch theo gợi ý

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh:
Kế hoạch chi tiết kinh doanh tại hội chợ do lớp tổ chức nhằm gây quỹ từ thiện

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bản kế hoạch theo gợi ý
- Chọn mặt hàng sẽ bán tại hội chợ:
- + Liệt kê những thứ sẵn có ở nhà mà em và các bạn không cần dùng nữa như: sách, truyện, tạp chí, túi, ví, mũ/nón,... có thể mang đi bán.
- + Lập danh sách một vài mặt hàng có thể mua để bán tại hội chợ (chú ý chọn mặt hàng nhiều người thích, chi ít tiền, khảo giá để mua được rẻ,...).
- Phân công các thành viên trong nhóm chuẩn bị mua hàng, thu gom sản phẩm cần bán, hỗ trợ nhau để bán hàng.

- Chuẩn bị gian hàng để bán hàng tiện lợi.

- Đánh giá kết quả kinh doanh và rút ra bài học để lần sau kinh doanh hiệu quả hơn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm học sinh suy nghĩ và xây dựng kế hoạch, hoàn thành bài tập tại nhà

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm thuyết trình sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm.

Bài tập 2: Em hãy lập kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm một khoản tiền trong một thời gian nhất định theo gợi ý dưới đây và chia sẻ với bố mẹ và các bạn:

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành kỹ năng quản lý tiền hiệu quả

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và xây dựng kế hoạch tiết kiệm cho bản thân

c. Sản phẩm:

- Biết lập kế hoạch chi tiêu, tiết kiệm hợp lý.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và xây dựng kế hoạch tiết kiệm cho bản thân
- Xác định khoản tiền muốn tiết kiệm (ví dụ: 100 000 đồng hay 200 000 đồng,...)
- Mục đích tiết kiệm: Em muốn cõ khoản tiền đó để làm gì?
- Thời gian thực hiện (tùy theo khoản tiền dự định tiết kiệm để xác định thời gian thực hiện có thể là 1 tháng, 3 tháng,...)
- Cách thực hiện: Dự kiến sẽ có được khoản tiền đó bằng những cách nào?
- Xây dựng kế hoạch thực hiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hoàn thành bài tập vào vở và thực hiện kế hoạch đã lập, thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Tùy từng điều kiện cụ thể, các học sinh có thể tổ chức một buổi báo cáo kết quả việc thực hiện kế hoạch tiết kiệm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên bố trí thời gian và hình thức để có thể góp ý và tư vấn việc lập kế hoạch của học sinh một cách khả thi nhất

TÊN BÀI DẠY:
BÀI 9: PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI
(4 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến

Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.

Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội

2. Về phẩm chất

Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cờ xuýt, không tham gia lối sống buông thả, vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục, vi phạm pháp luật.

Trách nhiệm: Có ý thức trong việc đấu tranh với những hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến lối sống văn minh văn hóa. Phê phán đấu tranh với các tệ nạn xã hội, tuyên truyền vận động mọi người tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng chống tệ nạn xã hội..

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng chống tệ nạn xã hội..

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Học sinh có thái độ đấu tranh, lên án các các loại tệ nạn xã hội phổ biến, không cờ vũ, không thực hiện những hành vi vi phạm, vận động bạn bè cùng thực hiện tốt lối sống văn minh. Tham gia phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức.

Phát triển bản thân: Thể hiện thông qua việc có kỹ năng biết cách ứng phó để không bị sa ngã vào các tệ nạn xã hội

Tư duy đánh giá: Nhận biết được hậu quả do các loại tệ nạn xã hội gây ra

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quyền con người.

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt sau: Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

b. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Có ý thức trong việc đấu tranh với những hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến lối sống văn minh văn hóa

c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

d. Tích hợp khung năng lực số AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 1.2_ **Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tiếp cận và tìm hiểu về các tệ nạn xã hội

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về phòng chống tệ nạn xã hội.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, các học sinh cùng suy nghĩ và chia sẻ nội dung sau

Theo em, học sinh dễ bị lôi kéo vào những tệ nạn nào nhất?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

- Theo em, học sinh dễ bị lôi kéo vào những tệ nạn sau: đua xe, đánh bài, ma túy, nghiện rượu bia, thuốc lá,....

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, các học sinh cùng suy nghĩ và chia sẻ nội dung sau

Theo em, học sinh dễ bị lôi kéo vào những tệ nạn nào nhất?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân + thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao trên bảng (nếu được gọi)

Bước 3: Báo cáo và thảo luận

Giáo viên tổng hợp ý kiến của các bạn đội

Giáo viên đặt câu hỏi cho một số học sinh: Em hãy kể tên một số tệ nạn xã hội mà em biết

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Tệ nạn xã hội vốn nhiều loại hình, biến tướng tinh vi, phức tạp mang lại hậu quả xấu cho gia đình, nhà trường và xã hội. Phòng, chống tệ nạn xã hội là trách nhiệm chung của tất cả mọi người, trong đó có học sinh. Việc nâng cao nhận thức và thực hiện trách nhiệm của bản thân trong phòng, chống tệ nạn xã hội sẽ góp phần xây dựng và phát triển đất nước tiến bộ, văn minh và giàu đẹp.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm và các loại tệ nạn xã hội phổ biến

a. Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm tệ nạn xã hội, một số loại tệ nạn xã hội phổ biến.

b. Nội dung: Học sinh làm việc theo nhóm, cùng quan sát các bức tranh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi sách giáo khoa đưa ra.

a) Nhận xét về hành vi sai trái trong những bức tranh và trường hợp trên. Nêu hậu quả của những hành vi đó.

b) Theo em, tệ nạn xã hội là gì?

c) Hãy kể tên các loại tệ nạn xã hội phổ biến hiện nay.

c. Sản phẩm: Học sinh chỉ ra được

a) Nhận xét:

Bức tranh 1: Hành vi đua xe trái phép vô cùng nguy hiểm vì có thể gây ra tai nạn giao thông, ảnh hưởng đến tính mạng của bản thân và người khác.

Bức tranh 2: Hành vi đánh bài ăn tiền gây nên những hệ lụy nguy hiểm như nợ nần, cướp bóc, gia đình bất hòa, xã hội bất ổn.

Bức tranh 3: Rượu bia không chỉ gây ra tai nạn giao thông mà còn gây ra các tổn hại to lớn cho bản thân người sử dụng cũng như toàn xã hội.

Trường hợp 1: Ma túy làm tiêu hao tiền bạc của bản thân và gia đình, hoặc để có tiền sử dụng ma túy, nhiều người đã trộm cắp, hành nghề mại dâm, hoặc thậm chí giết người, cướp của. Sức khỏe giảm sút, gây tổn thất về tinh cảm.

Trường hợp 2: Mê tín dị đoan gây ra hậu quả xấu cho cá nhân, gia đình, cộng đồng về sức khỏe, thời gian, tài sản, tính mạng.

b) Tệ nạn xã hội là hiện tượng có tính tiêu cực, biểu hiện thông qua các hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật hiện hành, phá vỡ thuần phong mỹ tục, lối sống lành mạnh, tiến bộ trong xã hội, có thể gây những hậu quả nghiêm trọng cho các cá nhân, gia đình và xã hội.

c) Các loại tệ nạn xã hội phổ biến:

Tệ nạn ma túy

Tệ nạn mại dâm

Tệ nạn cờ bạc
Tệ nạn mê tín dị đoan
Tệ nạn rượu bia
Đua xe trái phép.
Nghiện chơi game online...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập: Học sinh làm việc theo nhóm, cùng quan sát các bức tranh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi sách giáo khoa đưa ra. a) Nhận xét về hành vi sai trái trong những bức tranh và trường hợp trên. Nêu hậu quả của những hành vi đó. b) Theo em, tệ nạn xã hội là gì?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng đọc thông tin, thảo luận để trả lời được câu hỏi - Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo và thảo luận - Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu - Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra Giáo viên tổ chức thảo luận chung: <i>Hãy kể tên các loại tệ nạn xã hội phổ biến hiện nay.</i></p> <p>Kết luận, nhận định - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học hiểu được khái niệm tệ nạn xã hội, một số tệ nạn xã hội thường gặp</p> <p>Gv nhấn mạnh: Tệ nạn xã hội là hiện tượng có tính tiêu cực, biểu hiện thông qua các hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật hiện hành, phá vỡ thuần phong mỹ tục, lối sống lành mạnh, tiến bộ trong xã hội, có thể gây những hậu quả nghiêm trọng cho các cá nhân, gia đình và xã hội.</p>	<p>I. Khám phá 1. Khái niệm và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. + Tệ nạn xã hội là những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và pháp luật mang tính phổ biến, gây hậu quả xấu về mọi mặt đối với đời sống xã hội. + Các loại tệ nạn xã hội phổ biến hiện nay: ma túy, mại dâm, cờ bạc, mê tín dị đoan, nghiện rượu, bia,...</p>

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn xã hội

a. Mục tiêu:

- HS nêu được các nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn xã hội.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Em hãy nêu nguyên nhân, hậu quả của các tệ nạn xã hội trong các trường hợp.

+ Kể thêm những hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

1/ S tham gia tệ nạn ma túy:

Nguyên nhân: S tò mò khi nghe một số thanh niên kể về ma túy đã nên quyết định dùng thử.

Hậu quả: Sức khỏe giảm sút (gầy gò, dáng đi xiêu vẹo, khả năng tập trung trí óc suy giảm, thường xuyên xuất hiện ảo giác), không kiểm soát được hành vi (có hành vi mạnh động, liên tục la hét và cầm hung khí tấn công mọi người), bị công an bắt giữ.

2/ Bà Y tham gia tệ nạn mê tín dị đoan:

Nguyên nhân: Bà Y không có việc làm ổn định, lười biếng, không muốn lao động vất vả nhưng tham lam muốn kiếm được nhiều tiền.

Hậu quả: Gây lãng phí tiền bạc, mất an ninh trật tự,...

3/ N bị lừa tham gia hình thức bốc thăm trúng thưởng:

Nguyên nhân. N thiếu kiến thức, ham hưởng lợi số tiền không phải do mình làm ra.

Hậu quả: N bị mất toàn bộ số tiền trong tài khoản.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi: + <i>Em hãy nêu nguyên nhân, hậu quả của các tệ nạn xã hội trong các trường hợp.</i> + <i>Kể thêm những hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết.</i> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... <p>Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội, về chủ quan có các nguyên nhân như: do nhận thức kém, thiếu hiểu biết, thiếu kỹ năng sống nên dễ bị lôi kéo, níu rê, dụ dỗ thực hiện các hành vi sai trái; do thất nghiệp, nghèo đói, lười lao động, ham tiền, thích hưởng thụ, thích thể hiện, do lo lắng, sợ hãi, căng thẳng trước những biến cố của sức khỏe của cuộc sống,... về khách quan, có những nguyên nhân như: do điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp; do môi trường gia đình tiêu cực (bạo lực gia đình, nghèo đói, bố mẹ thiếu quan tâm giáo dục,...), do những hệ lụy từ sự phát triển của công nghệ thông tin, ..</p>	<p>2. Nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn xã hội</p> <p>Nguyên nhân của tệ nạn xã hội: do thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng sống; do lười lao động, ham chơi, đua đòi, thích hưởng thụ; do ảnh hưởng của môi trường gia đình, môi trường xã hội tiêu cực;...</p> <p>Tệ nạn xã hội gây ra những hậu quả tiêu cực về sức khỏe, tâm lý, tính mạng, kinh tế của bản thân và gia đình; gây rối loạn trật tự xã hội; cản trở sự phát triển của đất nước;...</p>

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội

a. Mục tiêu:

HS nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin ở mục 1 trong SGK và trả lời câu hỏi:

a) *Em hãy cho biết hành vi tẩm ma túy vào thuốc lá để hút của các học sinh ở thông tin 1 (mục 1) có vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội không. Vì sao?*

b) *Em hãy nêu một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.*

Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Có ý thức trong việc đấu tranh với những hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến lối sống văn minh văn hóa

- **Cách thức thực hiện:** Tuyên truyền, tích cực tham gia các phong trào giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở trường học và địa phương. Một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

+ Hành vi tẩm ma túy vào thuốc lá để hút của các HS vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội vì pháp luật Việt Nam nghiêm cấm tất cả các hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội:

Nghiêm cấm các hành vi mua dâm, bán dâm, môi giới mại dâm, ..; nghiêm cấm việc trồng cây, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy; nghiêm cấm việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, trao đổi, sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy...; nghiêm cấm các hành vi đánh bạc, cá độ dưới mọi hình thức,...; nghiêm cấm các hành vi mê tín, dị đoan, truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy,...

Tất cả mọi người phải có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục các thành viên trong gia đình, người thân về tác hại của tệ nạn xã hội và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, phải cung

cấp kịp thời thông tin về tệ nạn xã hội cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tích cực tham gia hoạt động tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội do trường học, địa phương tổ chức,...

Người vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân sẽ phải chịu các hình thức xử lý tương ứng như kỉ luật, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền, phạt tù có thời hạn hoặc cao nhất là tử hình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin ở mục 1 trong SGK và trả lời câu hỏi: a) Em hãy cho biết hành vi tẩm ma túy vào thuốc lá để hút của các học sinh ở thông tin 1 (mục 1) có vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội không. Vì sao? b) Em hãy nêu một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, <p>Nghiêm cấm các hành vi mua dâm, bán dâm, môi giới mại dâm, ...; nghiêm cấm việc trồng cây, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy; nghiêm cấm việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, trao đổi, sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy...; nghiêm cấm các hành vi đánh bạc, cá độ dưới mọi hình thức,...; nghiêm cấm các hành vi mê tín, dị đoan, truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy,...</p> <p>Người vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân sẽ phải chịu các hình thức xử lý tương ứng như kỉ luật, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền, phạt tù có thời hạn hoặc cao nhất là tử hình.</p>	<p>3. Một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội</p> <p>Việc phòng, chống tệ nạn xã hội được Nhà nước ta quy định trong một số văn bản luật như Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Phòng, chống ma túy năm 2021,... Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm tham gia dưới mọi hình thức vào các tệ nạn xã hội ma túy, mại dâm, cờ bạc, mê tín dị đoan,... Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội sẽ bị xử lý theo nhiều hình thức như: cảnh cáo, xử phạt hành chính, phạt tù, tử hình,... tùy thuộc vào mức độ và tính chất vi phạm.</p>

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống tệ nạn xã hội

a. Mục tiêu:

HS nêu được trách nhiệm của bản thân trong việc phòng, chống tệ nạn xã hội.

b. Nội dung:

- Các nhóm học tập tiếp tục quan sát tranh trong SGK để trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng nội dung

a) Trong các bức tranh trên, các bạn đã làm gì để phòng, chống tệ nạn xã hội?

b) Em hãy kể thêm những việc HS cần làm để phòng, chống tệ nạn xã hội.

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Cách thức thực hiện: Xem video, hình ảnh về tệ nạn xã hội. Qua ví dụ, GV nhấn mạnh những tệ nạn này chính là biểu hiện của lối sống không tích cực => HS cần đấu tranh, lên án các tệ nạn xã hội này. Tệ nạn ảnh hưởng tới đạo đức, lí tưởng sống của một bộ phận thanh niên hiện nay. Nhấn mạnh đấu tranh các tệ nạn xã hội góp phần xây dựng lối sống mới => cần sống có ích, không sa vào các tệ nạn xã hội, ăn chơi đua đòi. Phát hiện ra những biểu hiện tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, ích kỷ.

Ví dụ để chứng minh những tác hại của các tệ nạn xã hội đã và đang tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là đối với thanh thiếu niên.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.2_ Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tiếp cận và tìm hiểu về các tệ nạn xã hội

- Cách thức thực hiện. Giáo viên yêu cầu học sinh tìm các ví dụ (hình ảnh, vi deo, clip) trên mạng xã hội nói về các tệ nạn xã hội, qua các thông tin này học sinh rút ra cho mình kỹ năng đối phó cũng như nâng cao nhận thức về phòng chống bạo lực học đường

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Tranh 1: Các HS nghe chú công an giảng bài về phòng, chống tệ nạn xã hội để bổ sung kiến thức cho bản thân.

Tranh 2: Các HS tích cực tham gia hoạt động tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội.

Tranh 3: Bạn HS gửi đơn, thư vào hòm thư tố giác tội phạm để tố cáo những người có hành vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

Tranh 4: Bạn HS tỏ lời từ chối ngay khi được một người bạn rủ rê hút cần sa.

Tranh 5: Các HS tham gia một buổi toạ đàm thảo luận về những việc nên làm để phòng, chống tệ nạn xã hội.

Những việc HS cần làm để phòng, chống tệ nạn xã hội: Trang bị cho bản thân các kiến thức về tệ nạn xã hội, về kĩ năng sống; nói không với tệ nạn xã hội; chủ động từ chối khi bị rủ rê tham gia tệ nạn xã hội; báo cáo kịp thời cho nhà trường hoặc lực lượng công an khi phát hiện các hoạt động tệ nạn xã hội, đường dây hoạt động ma túy, mại dâm, cờ bạc,...; rèn luyện cho mình một lối sống giản dị, lành mạnh, tuân thủ các quy định của pháp luật và tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn trong nhà trường và địa phương để hướng tới xây dựng một đất nước văn minh,...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm học tập tiếp tục quan sát tranh trong SGK để trả lời được các câu hỏi tương ứng với từng nội dung a) Trong các bức tranh trên, các bạn đã làm gì để phòng, chống tệ nạn xã hội? b) Em hãy kể thêm những việc HS cần làm để phòng, chống tệ nạn xã hội. <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho cả lớp: <i>Em hãy kể những việc em đã làm để góp phần tham gia phòng chống tệ nạn xã hội..</i> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... 	<p>4. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống tệ nạn xã hội</p> <p>Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống tệ nạn xã hội:</p> <p>Chăm chỉ học tập, rèn luyện, nâng cao nhận thức, bổ sung kĩ năng, xây dựng lối sống giản dị, lành mạnh.</p> <p>Tuân thủ và tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.</p> <p>Phê phán, tố cáo các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.</p> <p>Tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội ở nhà trường và địa phương.</p>

<p>Trang bị cho bản thân các kiến thức về tệ nạn xã hội, về kĩ năng sống; nói không với tệ nạn xã hội; chủ động từ chối khi bị rủ rê tham gia tệ nạn xã hội; báo cáo kịp thời cho nhà trường hoặc lực lượng công an khi phát hiện các hoạt động tệ nạn xã hội, đường dây hoạt động ma túy, mại dâm, cờ bạc,...; rèn luyện cho mình một lối sống giản dị, lành mạnh, tuân thủ các quy định của pháp luật và tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn trong nhà trường và địa phương để hướng tới xây dựng một đất nước văn minh,...</p>	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể về phòng, chống tệ nạn xã hội.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ từng trường hợp và đưa ra quan điểm của mình cho từng trường hợp đó

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

a) *Không đồng tình vì có những người bị đe dọa ép buộc, bị lừa, bị dụ dỗ tham gia tệ nạn xã hội (ví dụ: bị cưỡng ép bán dâm, bị lừa vận chuyển ma túy, bị dụ dỗ làm lễ cúng bái,...) nên không phải tất cả những người tham gia tệ nạn xã hội đều là người xấu.*

b) *Đồng tình vì trẻ em tham gia vào tệ nạn xã hội có thể phải gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề về thể chất và tinh thần, có thể dẫn đến vi phạm pháp luật.*

c) *Không đồng tình vì: Việc phòng, chống tệ nạn xã hội là trách nhiệm chung của tất cả các cơ quan nhà nước và toàn xã hội chứ không phải chỉ riêng của cơ quan công an.*

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ từng trường hợp và đưa ra quan điểm của mình cho từng trường hợp đó

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của cá nhân, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra quan điểm cho từng trường hợp

- Mỗi trường hợp có thể gọi từ 1-2 hs để có sự so sánh

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Câu 2. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể về phòng, chống tệ nạn xã hội.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho từng trường hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) Hành vi của L là sai, vi phạm pháp luật vì L và các bạn cá cược bằng tiền, đây cũng là một hình thức đánh bạc trái phép.

b) Hành vi của bà N là sai, vi phạm pháp luật vì pháp luật Việt Nam nghiêm cấm các hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép chất ma túy, đồng thời quy định trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi các chất ma túy.

c) Hành vi của H là đúng đắn vì việc xem bói là mê tín dị đoan, trái với quy định của pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm trong từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của cá nhân, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra quan điểm cho từng trường hợp
- Mỗi trường hợp có thể gọi từ 1-2 hs để có sự so sánh

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Bài tập 3: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể về phòng, chống tệ nạn xã hội.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa đóng vai nhân vật trong tình huống và đưa ra phương án trả lời phù hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Cách xử lý:

A trực tiếp giải thích cho mọi người hiểu nguyên nhân khiến một số em nhỏ bị sốt và nổi ban đỏ (ví dụ: trẻ bị sốt xuất huyết, bị sởi,...) và khuyên mọi người đưa trẻ đến các cơ sở y tế để được hỗ trợ. Giải thích cho người dân hiểu việc cúng bái trừ tà là một hoạt động mê tín dị đoan, trái pháp luật và không mang lại hiệu quả chữa bệnh.

M có thể trực tiếp nói chuyện với anh, xác nhận lại việc trồng cây cần sa, giải thích cho anh hiểu về tác hại của việc trồng cây cần sa và khuyên anh không nên trồng nữa.

S từ chối cho anh trai mượn tiền, đồng thời kiểm soát để anh rời đi, sau đó nhẹ nhàng giải thích cho anh hiểu việc đánh bài ăn tiền là trái pháp luật và khuyên anh không nên tham gia.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa đóng vai nhân vật trong tình huống và đưa ra phương án trả lời phù hợp

Thực hiện nhiệm vụ

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Kết luận, nhận định.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

Bài tập 4: Chia sẻ những việc bản thân em đã làm để phòng, chống tệ nạn xã hội

a. Mục tiêu:

Học sinh làm việc cá nhân, trình bày ra vở và chia sẻ lên nhóm lớp

b. Nội dung:

Chia sẻ những việc bản thân em đã làm để phòng, chống tệ nạn xã hội

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Xác định được những việc bản thân em đã làm để phòng, chống tệ nạn xã hội

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, trình bày ra vở và chia sẻ lên nhóm lớp

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân, trình bày ra vở và chia sẻ lên nhóm lớp

Báo cáo và thảo luận

Giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp hoặc tổ chức trò chơi ai nhanh hơn ai

Kết luận, nhận định.

GV nhận xét, cần chú ý một số tiêu chí sau đây:

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng và biểu diễn một tiết mục văn nghệ hoặc tiểu phẩm để tham gia hoạt động tuyên truyền, phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức:

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành kỹ năng phòng chống tệ nạn xã hội cho bản thân

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và xây dựng và biểu diễn một tiết mục văn nghệ hoặc tiểu phẩm để tham gia hoạt động tuyên truyền, phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức:

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Tiết mục văn nghệ hoặc tiểu phẩm để tham gia hoạt động tuyên truyền, phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức:

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và xây dựng và biểu diễn một tiết mục văn nghệ hoặc tiểu phẩm để tham gia hoạt động tuyên truyền, phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức:

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và xây dựng và biểu diễn một tiết mục văn nghệ hoặc tiểu phẩm để tham gia hoạt động tuyên truyền, phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức:

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh có thể dự kiến kế hoạch tổ chức

Kết luận và nhận định.

Giáo viên bố trí thời gian để góp ý hoàn thiện tiết mục cho học sinh

Bài tập 2: Em hãy vẽ bức tranh phê phán các tệ nạn xã hội và thuyết minh giới thiệu sản phẩm với cả lớp:

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành kỹ năng tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, vẽ bức tranh phê phán các tệ nạn xã hội và thuyết minh giới thiệu sản phẩm với cả lớp:

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Bức tranh phê phán các tệ nạn xã hội và thuyết minh giới thiệu sản phẩm với cả lớp:.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, vẽ bức tranh phê phán các tệ nạn xã hội và thuyết minh giới thiệu sản phẩm với cả lớp:

Thực hiện nhiệm vụ

- Hoàn thành bài tập và chia sẻ với các bạn trong lớp

Báo cáo và thảo luận

Tùy từng điều kiện cụ thể, các học sinh có thể tổ chức cho học sinh chia sẻ qua nhóm lớp

Kết luận và nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá bức tranh hoặc tổ chức cho học sinh đánh giá lẫn nhau

TÊN BÀI DẠY:

**BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH
(4 tiết)**

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác.

2. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.

Nhân ái: Yêu thương, kính trọng ông bà cha mẹ và các thành viên trong gia đình

3. Về năng lực.

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân trong GD.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong GD.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: thể hiện ở việc học sinh biết thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác

Phát triển bản thân: Thể hiện thông qua việc không ngừng tu dưỡng và rèn luyện để trở thành một thành viên tích cực trong gia đình

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quyền con người.

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể

b. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 1.3. **Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Tìm kiếm, tiếp nhận và xử lý được các thông tin phù hợp về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình

+ **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kỹ thuật và ứng dụng AI: Hiểu được khái niệm dữ liệu, thuật toán, mô hình AI; biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu gia đình cũng như trách nhiệm của bản thân đối với gia đình.

b. **Nội dung:** GV bật bài hát "Cho con" (sáng tác: Phạm Trọng Cầu) để cả lớp cùng nghe hoặc đề nghị một vài HS hát.

- GV yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình mình qua việc lắng nghe bài hát:

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

- Cảm xúc khi nghe bài hát

- Kể về các mối quan hệ trong gia đình mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

GV bật bài hát "Cho con" (sáng tác: Phạm Trọng Cầu) để cả lớp cùng nghe hoặc đề nghị một vài HS hát.

- GV yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình mình qua việc lắng nghe bài hát:

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân + thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao trên bảng (nếu được gọi)

Báo cáo và thảo luận

Giáo viên tổng hợp ý kiến của các học sinh

Giáo viên đặt câu hỏi cho một số học sinh: Em hãy kể tên các mối quan hệ cơ bản trong gia đình mình

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Mỗi chúng ta, ai cũng có một gia đình. Đó là nơi ta được sinh ra, được nuôi dưỡng, che chở. Để gia đình luôn là tổ ấm, là chỗ dựa vững chắc của mỗi người, mỗi thành viên cần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong gia đình.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm gia đình

a. Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm gia đình.

b. Nội dung: Học sinh làm việc theo nhóm, cùng đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa để trả lời câu hỏi

a) Hãy cho biết mối quan hệ của các thành viên trong hai trường hợp trên.

b) Em hiểu thế nào là gia đình?

c. Sản phẩm: Học sinh chỉ ra được

+ Trường hợp 1 là gia đình dựa trên quan hệ hôn nhân và huyết thống (quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ).

+ Trường hợp 2 là gia đình dựa trên quan hệ nuôi dưỡng (việc nhận nuôi con nuôi phải tuân theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi và phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập: Học sinh làm việc theo nhóm, cùng đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa để trả lời câu hỏi a) Hãy cho biết mối quan hệ của các thành viên trong hai trường hợp trên. b) Em hiểu thế nào là gia đình?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc theo nhóm đã phân công, các thành viên trong nhóm cùng đọc thông tin, thảo luận để trả lời được câu hỏi - Học sinh hoàn thành câu trả lời của nhóm, phân công học sinh làm nhiệm vụ báo cáo sản phẩm khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo và thảo luận - Giáo viên gọi một số nhóm làm nhiệm vụ báo cáo kết quả tìm hiểu - Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi bổ sung để hoàn thiện các nội dung mà sách giáo khoa đặt ra Giáo viên tổ chức thảo luận chung: <i>Hãy kể tên các mối quan hệ cơ bản trong gia đình</i></p> <p>Kết luận, nhận định - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học hiểu được khái niệm tệ nạn xã hội, một số tệ nạn xã hội thường gặp</p> <p>Gv nhấn mạnh: Những yếu tố tạo nên một gia đình: huyết thống, chăm sóc, nuôi dưỡng, tình yêu thương. Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình</p>	<p>I. Khám phá 1. Khái niệm và vai trò của gia đình a. Khái niệm gia đình Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình</p>

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của gia đình

a. Mục tiêu:

- HS nêu được vai trò của gia đình.

b. Nội dung:

Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, cùng đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa để trả lời câu hỏi

a) Em hãy cho biết vai trò của gia đình qua các trường hợp trên.

b) Kể thêm các vai trò khác của gia đình mà em biết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Ở trường hợp 1 là: sinh con, nuôi dạy con cháu, lao động, sản xuất để có thu nhập đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng của gia đình.

Ở trường hợp 2: xây dựng môi trường an toàn lành mạnh trong gia đình, giáo dục, dạy dỗ, tạo điều kiện cho con cháu phát triển toàn diện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập: Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, cùng đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa để trả lời câu hỏi <i>a) Em hãy cho biết vai trò của gia đình qua các trường hợp trên.</i> <i>b) Kể thêm các vai trò khác của gia đình mà em biết.</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu</p> <p>Báo cáo thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình</p> <p>Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... Vai trò của gia đình thể hiện qua các chức năng cơ bản của gia đình là: duy trì nòi giống, tổ chức kinh tế, tổ chức đời sống gia đình, nuôi dưỡng, giáo dục con.</p>	<p>1. Khái niệm và vai trò của gia đình <i>b. Vai trò gia đình</i> <i>Gia đình có vai trò:</i> - Duy trì nòi giống, kinh tế - Tổ chức đời sống gia đình - Nuôi dưỡng và giáo dục con, cháu - Góp phần phát triển xã hội - Là chỗ dựa tinh thần mỗi khi gặp khó khăn.</p>

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng

a. Mục tiêu:

HS nêu được các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc thông tin, trường hợp 1 và 2 và trả lời câu hỏi:

a) Hai trường hợp trên liên quan đến quyền và nghĩa vụ gì giữa vợ và chồng? Anh Nam và anh Kha thực hiện đúng quy định của pháp luật không?

b) Kể thêm các quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng mà em biết.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Tìm kiếm, tiếp nhận và xử lý được các thông tin phù hợp về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kỹ thuật và ứng dụng AI: Hiểu được khái niệm dữ liệu, thuật toán, mô hình AI; biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ

- **Cách thức thực hiện.** Giáo viên yêu cầu học sinh tìm kiếm các thông tin (sơ đồ tư duy, vì deo, clip) nói về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình để chia sẻ với các bạn trong lớp một cách phù hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Hai trường hợp trên liên quan đến quyền và nghĩa vụ bình đẳng giữa vợ và chồng.

Anh Nam đã thực hiện đúng quy định của pháp luật khi cùng vợ chia sẻ mọi việc trong nhà, tôn trọng vợ và cùng nhau bàn bạc, quyết định mọi việc lớn nhỏ trong nhà.

Anh Kha chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật, vì anh cho rằng phụ nữ không có quyền quyết định việc lớn trong nhà nên đã không tôn trọng ý kiến của vợ.

Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc thông tin, trường hợp 1 và 2 và trả lời câu hỏi: a) Hai trường hợp trên liên quan đến quyền và nghĩa vụ gì giữa vợ và chồng? Anh Nam và anh Kha thực hiện đúng quy định của pháp luật không? b) Kể thêm các quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng mà em biết. <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;... 	<p>2. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p><i>Quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng</i></p> <p>Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;...</p>

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con

a. Mục tiêu:

HS nêu được các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc thông tin, trường hợp 1 và 2, 3 và trả lời câu hỏi:

a) Việc làm của bố mẹ K, bố mẹ Mai và H trong các trường hợp trên nói đến quyền và nghĩa vụ gì giữa cha mẹ và con? Những ai đã thực hiện đúng/không đúng các quyền, nghĩa vụ đó? Vì sao?

b) Kể thêm các quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con mà em biết.

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể

- Cách thức thực hiện: Qua câu chuyện về sự hiếu thảo, yêu thương, ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới trong gia đình. Chúng ta cần đặt quy chuẩn mục tiêu cá nhân theo những quy chuẩn về đạo đức, văn hoá, ứng xử của toàn cầu. Bình đẳng giới là một chỉ số đánh giá sự tiến bộ và phát triển của một quốc gia. Có ý thức tìm hiểu về các phẩm chất của công dân toàn cầu

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Trường hợp 1:

Nói về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, tri tuệ, đạo đức,...

Bố mẹ K đã thực hiện đúng khi dù hoàn cảnh có khó khăn cũng vẫn cố gắng lo cho con được đi học.

Trường hợp 2:

Nói về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, tri tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

Bố mẹ Mai đã thực hiện đúng khi cổ vũ và tạo điều kiện cho Mai được phát triển sở thích và năng khiếu.

Trường hợp 3:

Nói về quyền và nghĩa vụ của con có bốn phạm yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

H đã không thực hiện đúng do không san sẻ gánh nặng với bố mẹ mà lại một mình chi tiêu riêng.

Một số quyền, nghĩa vụ khác giữa cha mẹ và con

Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành công dân tốt, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con.

Không phân biệt đối xử giữa các con; không ngược đãi, ép buộc con làm điều trái pháp luật, trái đạo đức,.

Con có bốn phạm yêu quý, kính trọng, biết ơn cha mẹ.

Có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và tham gia công việc gia đình phù hợp lứa tuổi.

Giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc thông tin, trường hợp 1 và 2, 3 và trả lời câu hỏi: a) Việc làm của bố mẹ K, bố mẹ Mai và H trong các trường hợp trên nói đến quyền và nghĩa vụ gì giữa cha mẹ và con? Những ai đã thực hiện đúng/không đúng các quyền, nghĩa vụ đó? Vì sao? b) Kể thêm các quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con mà em biết. <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, <p>Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành công dân tốt, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. Không phân biệt đối xử giữa các con; không ngược đãi, ép buộc con làm điều trái pháp luật, trái đạo đức,. Con có bốn phạm yêu quý, kính trọng, biết ơn cha mẹ. Có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và tham gia công việc gia đình phù hợp lứa tuổi. Giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình...</p>	<p>2. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p><i>Quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con</i></p> <p>Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành công dân tốt; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con; không phân biệt đối xử giữa các con; không ngược đãi, ép buộc con làm điều trái pháp luật, trái đạo đức;...</p> <p>Con có bốn phạm yêu quý, kính trọng, biết ơn cha mẹ; có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và tham gia công việc gia đình phù hợp lứa tuổi; giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình;...</p>

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Quyền, nghĩa vụ giữa anh chị em trong gia đình

a. Mục tiêu:

HS nêu được các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa anh chị em trong gia đình

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc thông tin, trường hợp 1 và 2 và trả lời câu hỏi:

a) Em hãy nhận xét việc làm của Hưng và P trong các trường hợp trên.

b) Theo em, giữa anh chị em trong gia đình có quyền, nghĩa vụ gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Nhận xét:

Hưng đã thực hiện rất tốt quyền và nghĩa vụ của một người anh trong gia đình, biết yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ các em.

P chưa thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của anh chị em trong gia đình, thường xuyên bắt nạt em.

Quyền và nghĩa vụ giữa anh chị em:

Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc thông tin, trường hợp 1 và 2 và trả lời câu hỏi: a) Em hãy nhận xét việc làm của Hưng và P trong các trường hợp trên. b) Theo em, giữa anh chị em trong gia đình có quyền, nghĩa vụ gì? <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, <p>Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau.</p> <p>Có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.</p>	<p>2. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p><i>Quyền, nghĩa vụ giữa anh chị em trong gia đình</i></p> <p>Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ</p>

Nhiệm vụ 6: Tìm hiểu nội dung: Quyền, nghĩa vụ giữa ông bà và cháu.

a. Mục tiêu:

HS nêu được các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa ông bà và cháu

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc thông tin, trường hợp 1 và 2 và trả lời câu hỏi:

a) Em hãy nhận xét về tình cảm và việc làm của ông bà Bình, H trong các trường hợp trên và cho biết ai thực hiện đúng/không đúng quyền và nghĩa vụ giữa ông bà và cháu.

b) Kể thêm quyền, nghĩa vụ giữa ông bà và các cháu mà em biết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

a) Nhận xét:

Bình và ông bà đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ giữa ông bà và các cháu. Ông bà yêu thương, trông nom, nuôi dưỡng cháu và cháu kính trọng, yêu thương, biết ơn ông bà.

H chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của một người cháu đối với ông bà. H chưa yêu thương bà, không kính trọng và chăm sóc cho bà.

b) Một số quyền, nghĩa vụ khác giữa ông bà và các cháu:

Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu.

Trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 của Luật này thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.

Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại.

Trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc thông tin, trường hợp 1 và 2 và trả lời câu hỏi: a) Em hãy nhận xét về tình cảm và việc làm của ông bà Bình, H trong các trường hợp trên và cho biết ai thực hiện đúng/không đúng quyền và nghĩa vụ giữa ông bà và cháu. b) Kể thêm quyền, nghĩa vụ giữa ông bà và các cháu mà em biết. <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung của nhóm mình. - Thống nhất nội dung trả lời chung của nhóm và cử thành viên báo cáo khi giáo viên yêu cầu <p>Báo cáo và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : + Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, <p>Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu.</p> <p>Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại.</p>	<p>2. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p>Quyền, nghĩa vụ giữa ông bà và các cháu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu; nuôi dưỡng cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự không có người nuôi dưỡng,... - Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại,...

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học, thực hành xử lý một số tình huống liên quan đến gia đình.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ từng trường hợp và đưa ra quan điểm của mình cho từng trường hợp đó

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

a) Đúng vì gia đình là cái nôi nuôi dưỡng, tác động rất lớn đến việc hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

b) Sai vì cha mẹ không được phân biệt đối xử với con (con trai, con gái, con nuôi, con đẻ,...).

c) Sai vì giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên cho học sinh cho HS làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ từng trường hợp và đưa ra quan điểm của mình cho từng trường hợp đó

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của cá nhân, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra quan điểm cho từng trường hợp
- Mỗi trường hợp có thể gọi từ 1-2 hs để có sự so sánh

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Câu 2. Trong những trường hợp dưới đây, ai thực hiện đúng, ai không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình? Vì sao?

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể về gia đình

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho từng trường hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

a) Bố đã tôn trọng và tạo điều kiện để N thực hiện ước muốn và phát triển lành mạnh. Nhưng bố cũng luôn nhắc N không lơ là việc học tập.

b) Việc làm của M thể hiện M thực hiện chưa tốt nghĩa vụ kính trọng cha mẹ.

c) Bố mẹ đã tạo điều kiện để H tham gia các hoạt động tập thể, phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ.

d) Bố đã tạo điều kiện để A thực hiện quyền bày tỏ ý kiến.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân cùng nhau suy nghĩ và đưa ra quan điểm trong từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ và hoàn thiện câu trả lời theo quan điểm của cá nhân, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra quan điểm cho từng trường hợp
- Mỗi trường hợp có thể gọi từ 1-2 hs để có sự so sánh

Kết luận và nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện của các học sinh, hướng học sinh học tập các quan điểm phù hợp để định hướng cho bản thân

Bài tập 3: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể về gia đình

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa đóng vai nhân vật trong tình huống và đưa ra phương án trả lời phù hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Cách xử lý:

a) V có thể nói với bố, tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường là việc cần thiết đối với mỗi HS. Đi tham quan là để học tập và mở rộng kiến thức thực tế. Hơn nữa trẻ em có quyền được vui chơi, phát triển.

b) S nên hứa với mẹ em sẽ không để việc học về ảnh hưởng đến kết quả học tập. Em sẽ cố gắng học tốt cả văn hoá và vẽ.

c) Nên nói với D về trách nhiệm của con trong gia đình không phân biệt con trai, con gái, các con đều có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các công việc trong gia đình. D là anh nên phải thương yêu em và làm gương cho em học tập.

d) C nên ở nhà giúp bố mẹ chăm sóc bà, hôm khác đi xem phim.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cặp đôi, đọc các trường hợp sách giáo khoa đóng vai nhân vật trong tình huống và đưa ra phương án trả lời phù hợp

Thực hiện nhiệm vụ

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Kết luận, nhận định.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Em hãy viết thư cho người thân bày tỏ mong muốn về việc được thực hiện quyền tham gia của em trong gia đình.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bức thư theo ý nghĩ của bản thân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Bức thư cho người thân bày tỏ mong muốn về việc được thực hiện quyền tham gia của em trong gia đình.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bức thư theo ý nghĩ của bản thân **Thực hiện nhiệm vụ**

viết thư cho người thân bày tỏ mong muốn về việc được thực hiện quyền tham gia của em trong gia đình

Báo cáo, thảo luận

- Các học sinh nộp sản phẩm của mình theo yêu cầu của giáo viên

Kết luận và nhận định.

Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể chia sẻ sản phẩm bằng hình thức phù hợp sản phẩm kết hợp đánh giá lấy điểm thường xuyên cho học sinh các nhóm.

Bài tập 2: Em hãy lập và thực hiện bản kế hoạch điều chỉnh những việc làm của mình cho đúng với nghĩa vụ công dân trong gia đình theo gợi ý dưới đây:

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức trách nhiệm đối với gia đình

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bản kế hoạch theo gợi ý

Các quyền, nghĩa vụ chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện được	Mong muốn cần đạt	Phương thức điều chỉnh	Thời gian điều chỉnh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Biết điều chỉnh những việc làm của mình cho đúng với nghĩa vụ công dân trong gia đình.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bản kế hoạch theo gợi ý

Các quyền, nghĩa vụ chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện được	Mong muốn cần đạt	Phương thức điều chỉnh	Thời gian điều chỉnh

Thực hiện nhiệm vụ

- Hoàn thành bài tập vào vở và thực hiện kế hoạch đã lập, thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Báo cáo và thảo luận

Tùy từng điều kiện cụ thể, các học sinh có thể tổ chức một buổi báo cáo kết quả việc thực hiện kế hoạch trên

Kết luận và nhận định

Giáo viên bố trí thời gian và hình thức để có thể góp ý và tư vấn việc lập kế hoạch của học sinh một cách khả thi nhất